



TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

VIỆT NAM
SKILLING UP



BÁO CÁO

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

VIỆT NAM

2021

Hà Nội – 2022

Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp

Tầng 14, Tòa nhà Liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Số 3, ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 24 39745020

Fax: +84 24 39745020

Email: khgdnn@molisa.gov.vn

nivt@molisa.gov.vn

Website: www.nivt.org.vn

Tác giả:

TS. Phạm Thị Hoàn (Chủ biên)

ThS. Phạm Xuân Thu

TS. Trần Văn Khởi

TS. Nguyễn Thị Luyến

ThS. Phùng Lê Khanh

TS. Nguyễn Đức Hồ

ThS. Nguyễn Quang Hưng

ThS. Phan Thị Hằng

ThS. Đặng Thị Huyền

ThS. Lê Thị Thảo

ThS. Đinh Thị Phương Thảo

ThS. Lê Thị Hồng Liên



TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP



BÁO CÁO

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM

2021

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp (GDNN) có ý nghĩa to lớn, tạo đà cho các năm tiếp theo để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Đặc biệt năm 2021 là năm đại dịch COVID-19 bùng phát trên diện rộng, tác động mạnh mẽ, toàn diện đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ liên quan đến GDNN¹, Chương trình công tác của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với phương châm hành động “Đoàn kết - kỷ cương - đổi mới - phát triển”, trong năm 2021, hệ thống GDNN đã tập trung triển khai thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm: (1) chỉ đạo hệ thống GDNN ứng phó với dịch bệnh COVID-19; (2) tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp luật; (3) đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin; (4) đổi mới tuyển sinh và hình thức đào tạo phù hợp với bối cảnh mới; (5) kịp thời tổ chức làm việc và duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương (trực tiếp và trực tuyến) để cùng nhận diện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ ở địa phương, cơ sở GDNN.

Được sự đồng ý của lãnh đạo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp xây dựng Báo cáo GDNN Việt Nam 2021 (sau đây gọi tắt là Báo cáo) nhằm cung cấp một số thông tin về GDNN cho việc hoạch định chính sách, quản lý, nghiên cứu của cơ quan nhà nước, các cơ sở GDNN, doanh nghiệp, người sử dụng lao động, nhà giáo, người học, người lao động cũng như các tổ chức, đối tác của GDNN ở trong và ngoài nước có quan tâm đến các hoạt động GDNN ở Việt Nam.

Ngoài phần mở đầu, một số phát hiện chính, Báo cáo bao gồm 9 nội dung sau:

1. Một số văn bản chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp
2. Thị trường lao động liên quan đến giáo dục nghề nghiệp

¹ Nghị quyết số 124/2020/QH14 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2021, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16/4/2021 của Chính phủ về phiên họp triển khai công việc của Chính phủ sau khi được kiện toàn tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV

3. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp
4. Tuyển sinh và tốt nghiệp
5. Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp
6. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề và đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia
7. Bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
8. Tài chính cho giáo dục nghề nghiệp
9. Hợp tác với doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp

Báo cáo được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở phân tích các nguồn thông tin và số liệu đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố như Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Việc làm, đồng thời kế thừa từ các Báo cáo những năm qua (từ năm 2011 đến năm 2020). Trong quá trình xây dựng, Báo cáo có sự tham vấn đại diện các Vụ, đơn vị của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, các chuyên gia thông qua tọa đàm, hội thảo kỹ thuật.

Tương tự như các Báo cáo trước, những nhận định, đánh giá trong Báo cáo này hoàn toàn mang tính khách quan, khoa học, không nhất thiết phản ánh những quan điểm chính thống của các cơ quan quản lý nhà nước.

Báo cáo sau khi được phát hành sẽ được đăng tải trên website của Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp tại địa chỉ: <http://www.nivt.org.vn>. Bản quyền thuộc về Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Do nguồn lực và năng lực có hạn, Báo cáo không tránh khỏi những khuyết thiếu, Ban Biên tập rất mong nhận được sự góp ý của độc giả. Các góp ý xin gửi về Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp theo địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Số 3 Ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội hoặc hộp thư điện tử: khgdnn@molisa.gov.vn

BAN BIÊN TẬP

LỜI CẢM ƠN

Tiếp nối sự thành công của các Báo cáo Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam từ năm 2011, được sự đồng ý của lãnh đạo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp tổ chức xây dựng và xuất bản Báo cáo Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam 2021.

Báo cáo được thực hiện bởi nhóm tác giả: TS. Phạm Thị Hoàn (Chủ biên); ThS. Phạm Xuân Thu; TS. Trần Văn Khởi; TS. Nguyễn Thị Luyến; ThS. Phùng Lê Khanh; TS. Nguyễn Đức Hổ; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Phan Thị Hằng; ThS. Đặng Thị Huyền; ThS. Lê Thị Thảo; ThS. Đinh Thị Phương Thảo; ThS. Lê Thị Hồng Liên.

Nhân dịp xuất bản Báo cáo này, Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp trân trọng cảm ơn TS. Trương Anh Dũng - Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, TS. Phạm Vũ Quốc Bình - Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Hương - Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ cho sự thành công của Báo cáo; trân trọng cảm ơn lãnh đạo và những cán bộ có liên quan của các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Việc làm, Vụ Hành chính sự nghiệp - Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê đã hợp tác hỗ trợ Viện Khoa học GDNN trong quá trình xây dựng Báo cáo.

Chúng tôi xin bày tỏ biết ơn chân thành đến Giám đốc Chương trình “Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam” của Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ), Viện Giáo dục và Đào tạo nghề Liên bang Đức (BIBB) đã giúp đỡ cho sự phát triển của Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp nói chung và chất lượng Báo cáo Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam nói riêng.

Xin được bày tỏ lời cảm ơn đến các chuyên gia GDNN và tất cả những người đã có những nhận xét, góp ý cho Báo cáo này. Những ý kiến quý báu của Quý vị đã giúp chúng tôi hoàn thiện Báo cáo.

Cuối cùng, xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới toàn thể cán bộ, nghiên cứu viên của Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp đã nỗ lực, cố gắng, khắc phục mọi khó khăn trong quá trình xây dựng và xuất bản Báo cáo.

Trân trọng cảm ơn!

VIỆN TRƯỞNG



TS. Phạm Thị Hoàn

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
LỜI CẢM ƠN.....	5
MỤC LỤC	6
DANH MỤC HÌNH	9
DANH MỤC BẢNG, HỘP	11
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	12
MỘT SỐ PHÁT HIỆN CHÍNH.....	13
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VĂN BẢN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	17
1.1. Một số văn bản chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2021	17
1.2. Một số chính sách về giáo dục nghề nghiệp liên quan đến đại dịch COVID-19	23
CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	26
2.1. Cung lao động	26
2.1.1. Dân số từ 15 tuổi trở lên	26
2.1.2. Lực lượng lao động.....	27
2.2. Cầu lao động	30
2.2.1. Cầu lao động trong nước	30
2.2.2. Lao động ngoài nước.....	35
2.3. Tiền lương, tiền công.....	36
CHƯƠNG 3. MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	38
3.1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo loại hình	38
3.2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo vùng kinh tế xã hội	39
3.3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hình thức sở hữu.....	40

CHƯƠNG 4. TUYỂN SINH VÀ TỐT NGHIỆP	44
4.1. Tuyển sinh	44
4.1.1. <i>Bối cảnh</i>	44
4.1.2. <i>Công tác chỉ đạo điều hành và một số điểm mới trong các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh</i>	44
4.1.3. <i>Kết quả tuyển sinh</i>	45
4.2. Tốt nghiệp.....	46
CHƯƠNG 5. NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	48
5.1. Đội ngũ nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	48
5.1.1. <i>Số lượng và cơ cấu</i>	48
5.1.2. <i>Chất lượng đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp</i>	50
5.2. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.....	51
CHƯƠNG 6. TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ VÀ ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA.....	53
6.1. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia	53
6.2. Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	55
6.2.1. <i>Biên soạn đề thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia</i>	55
6.2.2. <i>Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia</i>	55
6.2.3. <i>Đào tạo, bồi dưỡng và cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia</i>	56
6.2.4. <i>Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia</i>	57
6.2.5. <i>Thi kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2021</i>	58
CHƯƠNG 7. BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	63
7.1. Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.....	63
7.1.1. <i>Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp</i>	63
7.1.2. <i>Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo</i>	65
7.1.3. <i>Kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài)</i>	65
7.1.4. <i>Tiêu chí đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao</i>	66
7.2. Phát triển đội ngũ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.....	66

7.3. Hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	67
7.3.1. Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp	67
7.3.2. Hợp tác quốc tế về bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	67
CHƯƠNG 8. TÀI CHÍNH CHO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	69
8.1. Ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp.....	69
8.1.1. Chi thường xuyên cho giáo dục nghề nghiệp	70
8.1.2. Chi chương trình mục tiêu cho giáo dục nghề nghiệp	70
8.2. Vốn ODA cho phát triển Giáo dục nghề nghiệp	73
8.3. Tài chính cho giáo dục nghề nghiệp liên quan đến đại dịch COVID-19	74
CHƯƠNG 9. HỢP TÁC VỚI DOANH NGHIỆP TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	78
9.1. Tình hình hợp tác của doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp	78
9.1.1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động hợp tác doanh nghiệp.....	79
9.1.2. Các hoạt động gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp.....	80
9.1.3. Hợp tác với các đối tác quốc tế trong hoạt động gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động	81
9.2. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII).....	82
PHỤ LỤC	85
Phụ lục 1: Các văn bản chính sách về giáo dục nghề nghiệp và liên quan đến giáo dục nghề nghiệp năm 2021	85
Phụ lục 2: Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021.....	92
Phụ lục 3: Danh mục các dự án vốn ODA về giáo dục nghề nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2021	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	100

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1.	Dân số từ đủ 15 tuổi trở lên	26
Hình 2.2.	Dân số từ đủ 15 tuổi trở lên có trình độ CMKT	27
Hình 2.3.	Lực lượng lao động.....	27
Hình 2.4.	Lực lượng lao động có CMKT	28
Hình 2.5.	Số người thất nghiệp	29
Hình 2.6.	Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động.....	29
Hình 2.7.	Thất nghiệp của lao động có trình độ CMKT quý 4/2021.....	30
Hình 2.8.	Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên 15 - 24 tuổi quý 4/2021	30
Hình 2.9.	Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm chia theo giới tính, thành thị/nông thôn	31
Hình 2.10.	Lao động có làm việc có trình độ CMKT quý 4/2021	31
Hình 2.11.	Lao động có việc làm chia theo khu vực kinh tế	32
Hình 2.12.	Lao động thiếu việc làm chia theo giới tính, thành thị/nông thôn.....	33
Hình 2.13.	Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn quý 4/2021	34
Hình 2.14.	Doanh nghiệp được cấp phép đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài....	35
Hình 2.15.	Lao động được cấp phép đi làm việc ở nước ngoài	35
Hình 2.16.	Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công ăn lương từ công việc chính	36
Hình 3.1.	Số lượng cơ sở GDNN theo loại hình giai đoạn 2017 - 2021	38
Hình 3.2.	Cơ sở GDNN theo vùng KT-XH năm 2021	40
Hình 3.3.	Xu hướng thay đổi số lượng cơ sở GDNN theo hình thức sở hữu giai đoạn 2017 - 2021	40
Hình 3.4.	Cơ sở GDNN theo hình thức sở hữu tính từ 2017 - 2021	41
Hình 3.5.	Số lượng cơ sở GDNN công lập phân theo cấp quản lý năm 2021	42

Hình 4.1.	Kết quả tuyển sinh năm 2016 - 2021	45
Hình 4.2.	Kết quả tốt nghiệp 2016 - 2021	46
Hình 5.1.	Đội ngũ nhà giáo tại các cơ sở hoạt động GDNN từ năm 2019 - 2021	49
Hình 5.2.	Đội ngũ nhà giáo tại các vùng kinh tế - xã hội từ năm 2019 - 2021	50
Hình 5.3.	Trình độ đào tạo của nhà giáo GDNN năm 2021	50
Hình 6.1.	Số lượng tiêu chuẩn KNNQG đã được ban hành và cập nhật đến năm 2021 theo các lĩnh vực	54
Hình 6.2.	Kết quả biên soạn đề đánh giá KNNQG theo các lĩnh vực tính đến năm 2021	55
Hình 6.3.	Kết quả cấp thẻ đánh giá viên KNNQG tính đến hết năm 2021	56
Hình 6.4.	Kết quả đánh giá KNNQG từ năm 2015 - 2021	57
Hình 7.1.	Số lượng cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2021	64
Hình 7.2.	Tỉ lệ các cơ sở GDNN đã thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN 2018-2021	64
Hình 7.3.	Số lượng các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019 - 2021	65
Hình 8.1.	Chi NSNN giai đoạn 2018 - 2021	69
Hình 8.2.	Chi thường xuyên GDĐT, GDNN và chi thường xuyên GDNN giai đoạn 2018 - 2021	70
Hình 8.3.	Chi CTMTQG Dự án Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn năm 2021 theo các nội dung	71
Hình 8.4.	Tổng mức đầu tư được duyệt của các Dự án ODA 2016 - 2021 theo đối tác	73

DANH MỤC BẢNG, HỘP

Hộp 1.1.	Nhiệm vụ, giải pháp số 6: Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ.....	18
Hộp 2.1.	Tác động của đại dịch COVID-19 đến một số ngành kinh tế	32
Hộp 2.2.	Sự thiếu hụt lao động ở một số ngành do ảnh hưởng dịch COVID-19.....	34
Bảng 7.1.	Danh sách trường và chương trình đào tạo được lựa chọn thực hiện trong dự án “Đổi mới trình độ theo chuẩn quốc tế”	64

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BĐCL	Bảo đảm chất lượng
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐ	Cao đẳng
CMKT	Chuyên môn kỹ thuật
CMCN 4.0	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
CTMT	Chương trình mục tiêu
CTMTQG	Chương trình mục tiêu quốc gia
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
GDNN-GDTEX	Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên
HSSV	Học sinh, sinh viên
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KNN	Kỹ năng nghề
KNNQG	Kỹ năng nghề quốc gia
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
LĐTBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
LLLĐ	Lực lượng lao động
NSNN	Ngân sách nhà nước
SC	Sơ cấp
TC	Trung cấp
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TTLĐ	Thị trường lao động

MỘT SỐ PHÁT HIỆN CHÍNH

Năm 2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), Tổng cục GDNN tiếp tục có nhiều chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn các địa phương, các cơ sở GDNN trên toàn quốc thực hiện tuyên truyền các biện pháp phòng, chống đại dịch COVID-19 đối với học sinh, sinh viên (HSSV), cán bộ, nhà giáo và người lao động; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan y tế địa phương triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch; các cơ sở GDNN tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy và học, xây dựng môi trường học tập an toàn; đảm bảo các điều kiện phòng, chống COVID-19 cho học sinh, sinh viên GDNN khi được phép tổ chức học trực tiếp; kịp thời chỉ đạo các địa phương tạo điều kiện tối đa cho các cơ sở GDNN được phép hoạt động bình thường trở lại ngay sau khi tình hình dịch bệnh có chuyển biến tích cực, tránh làm đứt gãy, gián đoạn cung ứng lao động cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Báo cáo GDNN năm 2021 tổng hợp và khái quát những thay đổi căn bản và có một số phát hiện chính sau:

1. Nhiều chính sách có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến GDNN đã được ban hành trong năm. Các văn bản chính sách được phê duyệt, ban hành tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để triển khai Chiến lược phát triển GDNN, trong đó đã chú trọng đến phát triển nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề thích ứng với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0); hỗ trợ phát triển thị trường lao động trong bối cảnh đại dịch COVID-19; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 đã mở ra giai đoạn phát triển mới của GDNN Việt Nam trong kỷ nguyên số và hội nhập mạnh mẽ, toàn diện. Tám nhóm giải pháp được nêu trong Chiến

lược đều hướng tới hình thành một hệ thống GDNN mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng, có kỹ năng cao cho các ngành kinh tế, nhất là các ngành kinh tế mũi nhọn, những ngành kinh tế số.

Đồng thời với Chiến lược phát triển GDNN, Chương trình chuyển đổi số quốc gia là một trong những chính sách có ảnh hưởng, có tác động mạnh mẽ tới hoạt động GDNN trong giai đoạn tới. Để cụ thể hóa chương trình này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày ban hành 30/12/2021 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030” với mục tiêu nhằm triển khai các hoạt động GDNN trên môi trường số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học, tăng cường và mở rộng cơ hội tiếp cận GDNN cho mọi đối tượng có nhu cầu.

Có thể nói, đây là những văn bản chính sách quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn và lâu dài đến cả hệ thống GDNN cũng như các hoạt động của từng cơ sở GDNN trong cả nước.

2. Ảnh hưởng đại dịch COVID-19 vẫn tiếp tục tác động đến thị trường lao động Việt Nam, cung - cầu lao động diễn biến phức tạp, bất lợi cho người lao động nói chung và lao động có kỹ năng nói riêng.

Mâu thuẫn trong thị trường lao động (TTLĐ) vẫn tiếp tục diễn ra, cung lao động tiếp tục giảm nhưng số người thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn tăng. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm trong số lao động có kỹ năng có xu hướng giảm, nhưng vẫn khá cao, tài nguyên nhân lực chất lượng có vẫn chưa được sử dụng có hiệu quả.

3. Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN tiếp tục được các Bộ, ngành, địa phương triển khai nhưng tốc độ chậm lại so với các năm trước một phần do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, một phần do quy hoạch quốc gia về mạng lưới cơ sở GDNN chậm được phê duyệt.

Năm 2021 tiếp tục có sự thay đổi số lượng cơ sở GDNN theo hướng giảm công lập, tuy nhiên thực hiện không đồng đều ở các tỉnh, thành phố, địa phương, việc xã hội hóa trong phát triển cơ sở GDNN tư thực chưa được thúc đẩy, các cơ sở GDNN đầu tư nước ngoài không tăng và chỉ tập trung ở các thành phố lớn, vùng kinh tế trọng điểm; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội chưa tích cực tham gia vào hoạt động GDNN.

4. Công tác tuyển sinh đã có nhiều cải tiến, nhiều đổi mới để thích ứng với tình hình đại dịch COVID-19, nhưng còn gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh của các trường đã linh hoạt theo các hình thức trực tuyến và kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp để đối phó với tình hình đại dịch COVID-19. Hầu hết các trường đã chủ động triệt để khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin, các công cụ truyền thông và mạng xã hội vào công tác tuyên truyền, tư vấn và làm công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, kết quả tuyển sinh năm 2021 không hoàn thành được mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

5. Đội ngũ nhà giáo trong các cơ sở GDNN có xu hướng giảm, nhất là nhà giáo trong các trường cao đẳng (CĐ), trung cấp (TC). Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý (CBQL) vẫn được quan tâm. Tuy nhiên do điều kiện thực tế, năm 2021 vẫn chủ yếu thực hiện qua hình thức trực tuyến nên kết quả và hiệu quả chưa cao.

6. Công tác xây dựng mới, cập nhật tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia (KNNQG), đào tạo cấp thẻ đánh giá viên KNNQG trong năm 2021 gặp nhiều khó khăn, nhiều kế hoạch không được thực hiện do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Hiện nay, các Bộ, ngành chưa có nguồn kinh phí thường xuyên để triển khai xây dựng, cập nhật tiêu

chuẩn KNNQG cho các nghề thuộc lĩnh vực quản lý.

Trong bối cảnh của CMCN 4.0, nhiều ngành, nghề mới đã và sẽ phát sinh, nhưng việc triển khai xây dựng mới, cập nhật tiêu chuẩn KNNQG chưa có sự tiến triển sẽ ảnh hưởng nhiều đến công tác đào tạo và sử dụng nhân lực có kỹ năng của các ngành kinh tế, nhất là những ngành, những lĩnh vực kinh tế mới.

Đẩy mạnh số hóa, chuyển đổi số trong công tác đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG là yêu cầu ngày càng quan trọng và cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

7. Kiểm định chất lượng (KĐCL) và bảo đảm chất lượng (BĐCL) GDNN đã được chú trọng hơn cả ở cấp độ hệ thống và cấp độ nhà trường. Tỷ lệ các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và xây dựng hệ thống BĐCL bên trong tăng dần qua các năm.

Năm 2021 ghi nhận có sự gia tăng tỷ lệ các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo so với các năm trước đó.

Số người được đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên chất lượng GDNN năm 2021 còn ít. Số lượng kiểm định viên được cấp thẻ ít ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu trong Kế hoạch KĐCL GDNN giai đoạn 2020 - 2025.

Số lượng cơ sở GDNN triển khai tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá

và cải tiến hệ thống BĐCL bên trong cơ sở GDNN tăng dần qua các năm.

Hoạt động hợp tác quốc tế trong KĐCL và BĐCL GDNN được duy trì. Năm 2021, Tổng cục GDNN phối hợp với Hội đồng Anh và Tổ chức Ecctis của Vương quốc Anh triển khai thí điểm “Đối sánh trình độ theo chuẩn quốc tế” cho 5 nghề tại 5 trường CĐ.

8. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Ngân sách nhà nước (NSNN) cho GDNN vẫn tiếp tục được ưu tiên. Nhiều chương trình, dự án dành cho GDNN tiếp tục được phê duyệt.

Ngân sách nhà nước (NSNN) đầu tư cho GDNN giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động, phát triển và thực hiện các nhiệm vụ GDNN và tiếp tục được ưu tiên hàng năm.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Quốc hội phê duyệt ba Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) cho GDNN. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định phê duyệt Chương trình, tuy nhiên quá trình triển khai để dự án đi vào hoạt động còn chậm.

9. Hợp tác với doanh nghiệp vẫn là định hướng chủ đạo trong hoạt động đào tạo của các cơ sở GDNN. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 nên hoạt động này cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, tạm dừng hoạt động... đã ảnh hưởng đến hoạt động thực tập của HSSV tại doanh nghiệp bị gián đoạn, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo phải thay đổi linh hoạt theo tình hình thực tế.

Nhiều doanh nghiệp đã tạm dừng các hoạt động hợp tác đào tạo với cơ sở GDNN; ngừng tiếp nhận HSSV và nhà giáo đến thực tập.

Về cơ chế, chính sách thu hút sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động GDNN

chậm triển khai. Trong Chiến lược phát triển GDNN đã nêu rất rõ các giải pháp để gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, tuy nhiên, đến nay việc triển khai mới bắt đầu nên chưa có kết quả mong muốn.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VĂN BẢN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Năm 2021, năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm 2021-2030, trong đó, đột phá Chiến lược thứ 2 xác định: “Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,... thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, GDNN. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài;...”². Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến các lĩnh vực, CMCN 4.0 với sự phát triển của khoa học công nghệ, chuyển đổi số,... đòi hỏi GDNN cần kịp thời phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH. Chương 1 trình bày một số văn bản chính sách lĩnh vực GDNN đã ban hành nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định của ngành, góp phần đảm bảo cho sự phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đáp ứng nguồn nhân lực trong tình hình mới.

1.1. Một số văn bản chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2021

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán NSNN năm 2021. Trong đó, nhiệm vụ và giải pháp số 6 “Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ” đã đề cập các cơ chế, chính sách trong GDNN cần chú trọng mục a, c tại hộp 1.1.

Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi

trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, đã đề cập nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đối với GDNN: “tập trung vào các nhóm chỉ số: Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chất lượng đào tạo nghề, kỹ năng của sinh viên,...”, “3. Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ...”³.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021, Bộ LĐTBXH, trực tiếp là Tổng cục GDNN, được sự tham vấn của các tổ chức quốc tế, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, chuyên gia trong

² <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-10-nam-2021-2030-3735>

³ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021

Hộp 1.1: Nhiệm vụ, giải pháp số 6: Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

- a) Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Có cơ chế phù hợp thu hút, trọng dụng và bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ mới.
- c) Triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển GDNN. Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Chú trọng phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thích ứng với cuộc CMCN 4.0. Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác trong xã hội; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình khởi sự, khởi nghiệp, xúc tiến việc làm cho HSSV.

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ

và ngoài nước, cùng toàn hệ thống đã đề xuất Chiến lược mới, những chương trình mới để trình Bộ, trình Chính phủ với mục tiêu tạo nền tảng, động lực, nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển GDNN trong giai đoạn mới, như:

+ Chiến lược phát triển GDNN

Ngày 30/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2239/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược thể hiện rõ quan điểm: (i) Phát triển GDNN là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực để tranh thủ thời cơ dân số vàng, hình thành nguồn nhân lực trực tiếp có chất lượng, hiệu quả và kỹ năng nghề cao, phục vụ phát triển KT-XH của đất nước; (ii) Phát triển GDNN theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; quan tâm đầu tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để phát

triển một số cơ sở GDNN, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới; (iii) Phát triển GDNN bám sát nhu cầu của TTLĐ gắn kết với việc làm thỏa đáng, an sinh xã hội và phát triển bền vững, bao trùm; phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của người học; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; (iv) Nhà nước có chính sách từng bước phổ cập nghề cho thanh niên; ưu tiên phân bổ ngân sách cho GDNN trong ngân sách giáo dục - đào tạo và trong các chương trình, dự án của ngành, địa phương; tăng cường xã hội hóa GDNN ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp; (v) Phát triển GDNN là trách nhiệm của các cấp chính quyền, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở GDNN và người dân; được chú trọng trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành, địa phương.

Chiến lược xác định 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để đạt mục tiêu của

Chiến lược là “Phát triển nhanh GDNN nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của TTLĐ, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển đất nước trong từng giai đoạn”⁴.

+ Chương trình Chuyển đổi số

Năm 2021, được Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng xác định chuyển đổi số là động lực của phát triển kinh tế. Ngày 30/12/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2222/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030” với mục tiêu nhằm triển khai các hoạt động GDNN trên môi trường số, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, hoạt động dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức cũng như cơ hội tiếp cận GDNN tạo đột phá về chất lượng, tăng nhanh số lượng đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Để thực hiện mục tiêu chuyển đổi số, Chương trình đã chỉ rõ một số chỉ tiêu cơ bản để thực hiện chuyển đổi số trong GDNN (Phụ lục 1). Trước đó, ngày 10/8/2021, Bộ LĐTBXH đã ban hành Quyết định số 919/QĐ-LĐTBXH về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ LĐTBXH (Phụ lục 1).

+ Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 với mục tiêu: (i) Đào tạo các ngành nghề mới và các kỹ năng nghề mới cho ít nhất 20 ngành, nghề ở trình độ CĐ và TC ưu tiên cho các lĩnh vực CNTT, công nghệ mới, công nghệ cao, các kỹ năng tương lai đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0. Số lượng người học được đào tạo ít nhất ở mỗi ngành, nghề/trình độ là 120 người. Tổng số người học tham gia đào tạo thí điểm khoảng 4.800 người; (ii) Đào tạo lại nâng cao kiến thức, kỹ năng gắn với chuyển đổi việc làm cho người lao động bị tác động của cuộc CMCN 4.0 cho ít nhất 300 nghìn lượt người với thời gian đào tạo, bồi dưỡng dưới 1 năm; (iii) Xác định ngành, nghề đào tạo, kỹ năng nghề và mô hình đào tạo mới trong lĩnh vực GDNN nhằm thích ứng với yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN theo hướng mở, đa dạng, linh hoạt đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

+ Một số văn bản chính sách đối với cơ sở GDNN; nhà giáo, CBQL; HSSV; chương trình, giáo trình; kiểm định, ĐBCL, kỹ năng nghề; kết nối doanh nghiệp, lao động - việc làm, lao động yếu thế:

*** Cơ sở GDNN**

Năm 2021, Chính phủ đã ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị

⁴ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁵ Nghị định số: 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ ban hành Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

sự nghiệp công lập⁵, Nghị định đã quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, trong đó bao gồm cả lĩnh vực GDNN với 41 Điều. Tự chủ về tài chính của cơ sở GDNN đã tạo điều kiện cho các cơ sở GDNN thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của pháp luật khi đáp ứng đủ điều kiện được nêu trong Nghị định đề cập sâu ở Mục 2, Điều 29 và Điều 30.

Chính sách đối với cơ sở GDNN theo quy định của Luật GDNN; Bộ LĐTBXH đã ban hành các Thông tư: Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 quy định về Điều lệ trường trung cấp và Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 quy định về Điều lệ trường Cao đẳng; Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao (Phụ lục 1).

Nhiều văn bản chính sách hướng dẫn thống nhất việc tổ chức và hoạt động của các cơ sở GDNN đã được ban hành như: Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về việp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, tiến hành sát nhập trường TC vào trường CĐ; giải thể các trường TC, CĐ hoạt động không hiệu quả, trên địa bàn cấp tỉnh còn một đầu mối đào tạo nghề công lập; Quyết định số 95/QĐ-TCGDNN ngày 26/02/2021 phê duyệt Kế hoạch truyền thông về GDNN năm 2021; Quyết định số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021 về việc xây dựng và phát triển không gian truyền thông GDNN, hình

thành hệ sinh thái truyền thông GDNN giai đoạn 2021 - 2025; Bộ LĐTBXH ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/07/2021 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ TC, trình độ CĐ; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1260/QĐ-TTg ngày 19/07/2021 phê duyệt Chương trình “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở GDNN giai đoạn 2022 - 2027”;... (Phụ lục 1).

Bên cạnh đó, năm 2021, riêng Bộ LĐTBXH đã ban hành các Quyết định phê duyệt trang bị cơ sở hạ tầng cho các cơ sở GDNN như: Quyết định số 1006/QĐ-LĐTBXH ngày 01/09/2021 về việc phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Xây dựng phòng dạy học trực tuyến” của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long; Quyết định số 1280/QĐ-LĐTBXH ngày 15/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định (Phụ lục 1) đã tạo cơ sở hạ tầng cho việc phát triển trường, qua đó thúc đẩy sự phát triển của GDNN.

Đề án Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Hội đồng thẩm định quốc gia thông qua ngày 30/12/2021 (Phụ lục 1).

** Nhà giáo, cán bộ quản lý*

Năm 2021, Bộ LĐTBXH đã ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN tại Quyết định số 348/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2021 về việc công nhận trình độ kỹ năng nghề cho nhà giáo GDNN được đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài (Phụ lục 1); quy định về tổ chức Hội

giảng, thi thiết kế dạy học trực tuyến tại Quyết định số 282/QĐ-BTCHGTQ ngày 30/6/2021 ban hành Quy định tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN toàn quốc năm 2021 (Phụ lục 1).

Bên cạnh đó, Bộ GDĐT ban hành Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ. Theo đó, tiêu chuẩn trở thành tiến sĩ được quy định tạo điều kiện thuận lợi để các nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN hoàn thiện hồ sơ nghiên cứu sinh nếu có nhu cầu. Cụ thể, quy chế mới đã chấp nhận cả các sách chuyên khảo, các công bố tạp chí trong nước có chất lượng tốt theo đánh giá của Hội đồng Giáo sư Nhà nước nếu nghiên cứu sinh là tác giả chính. Trong khi trước đây, chỉ công nhận các bài báo, báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí nước ngoài. Ngoài ra, nếu nghiên cứu sinh được nhận 1 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục thể thao cũng có thể được chấp nhận.

* *Học sinh/sinh viên*

Học sinh/sinh viên GDNN, có thể tham khảo các quy định về quy chế tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh trình độ TC, trình độ CĐ qua Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ TC, trình độ CĐ, có hiệu lực từ ngày 22/8/2021 (thay thế Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH). Thông tư đã giúp đối tượng tuyển sinh trình độ CĐ chỉ cần có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình

giáo dục trung học phổ thông (THPT), tăng thêm cơ hội tuyển sinh cũng như cơ hội học tập cho cơ sở GDNN và người học.

Văn bản chính sách về đẩy mạnh phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và đảm bảo an toàn cho học sinh, sinh viên GDNN, các quy định về mức hỗ trợ học nghề, như: Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp,... (Phụ lục 1).

Nhiều văn bản chính sách về tổ chức các kì thi kỹ năng, khởi nghiệp để khuyến khích HSSV trong học tập và phát triển năng lực một cách toàn diện như: Quyết định số 242/QĐ-TCGDNN ngày 13/5/2021 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi Startup Kite 2021; Quyết định số 290/QĐ-TCGDNN ngày 06/7/2021 về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 186/QĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức kỳ thi Kỹ năng nghề quốc gia lần thứ 12; chuẩn bị tham dự kỳ thi Kỹ năng nghề thế giới lần thứ 46, ASEAN lần thứ 13 (Phụ lục 1).

* *Chương trình, giáo trình*

Bộ LĐTBXH đã ban hành các Thông tư quy định mức kinh tế - kỹ thuật cho các ngành, nghề về đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ như: Thông tư số 10/2021/TT-BLĐTBXH ngày 10/9/2021 ban hành 116 định mức kinh tế - kỹ thuật cho các ngành, nghề về đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ; Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2021 ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ TC, trình độ CĐ

cho 98 ngành, nghề. Một số văn bản pháp luật khác được ban hành năm 2020, có hiệu lực cho năm 2021 như: Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ TC, trình độ CĐ (Phụ lục 1); Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở GDNN;... đã góp phần thống nhất đào tạo trong các cơ sở GDNN, đảm bảo chất lượng đầu ra theo quy định chung.

** Kiểm định, bảo đảm chất lượng, kỹ năng nghề*

Văn bản chính sách, thông tư quy định hướng dẫn các cơ sở GDNN về thực hiện KĐCL GDNN, và góp phần hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến kiểm định, ĐBCL GDNN như: Quyết định số 320/QĐ-TCGDNN ngày 03/8/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN ban hành chỉ tiêu theo dõi, giám sát và mẫu đề cương kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ; Thông tư số 34/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 của Bộ LĐTBXH quy định về quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng GDNN; quy trình, chu kỳ KĐCL GDNN (Phụ lục 1).

Phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực có tay nghề cao nhằm nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, góp phần

nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới, nhiều quyết định, văn bản đã được ban hành về việc tổ chức kỳ KNNQG như: Quyết định số 199/QĐ-BTC ngày 27/4/2021 của Ban Tổ chức về việc ban hành Thẻ lệ Cuộc thi viết về kỹ năng lao động Việt Nam; Quyết định số 186/QĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021 của việc phê duyệt kế hoạch tổ chức kỳ thi KNNQG lần thứ 12; chuẩn bị tham dự kỳ thi kỹ năng nghề thế giới lần thứ 46, ASEAN lần thứ 13 và Châu Á lần thứ 2 trong năm 2021; Quyết định số 552/QĐ-TCGDNN ngày 24/11/2021 của việc ban hành Quy chế Tổ chức, tham dự thi KNNQG và huấn luyện đội tuyển Quốc gia (Phụ lục 1).

** Kết nối doanh nghiệp, lao động - việc làm, lao động yếu thế*

Để hỗ trợ phát triển TTLĐ, ngày 05/02/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 176/QĐ-TTg Chương trình hỗ trợ phát triển TTLĐ đến năm 2030. Ngày 09/7/2021, Bộ LĐTBXH đã ban hành Quyết định số 773/QĐ-LĐTBXH ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm mục tiêu từng bước phục hồi và phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển đất nước. Ngày 13/12/2021, Bộ LĐTBXH đã ban hành Quyết định số 1405/QĐ-LĐTBXH về Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển TTLĐ;

Kết nối doanh nghiệp với GDNN trong việc đào tạo, đào tạo lại người lao động để hoàn thiện kỹ năng nhằm nâng cao năng suất lao động cho doanh nghiệp, ngày 30/8/2021, Thủ tướng Chính phủ đã

ban hành Quyết định số 1446/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án thí điểm đào tạo, đào tạo lại nâng tầm kỹ năng người lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0”.

Năm 2021, nhiều văn bản chính sách, chương trình đã ban hành để bảo vệ người lao động, giúp duy trì việc làm, quy định rõ thời gian làm việc và nghỉ ngơi; hỗ trợ phục hồi và phát triển TTLĐ như: Văn bản hợp nhất số 4246/VBHN-BLĐTBXH ngày 24/11/2021 hướng dẫn về bảo vệ việc làm của người tố cáo là người làm việc theo hợp đồng lao động; Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Thông tư số 18/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ LĐTBXH quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc sản xuất có tính thời vụ, công việc gia công theo đơn đặt hàng; Quyết định số 1405/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ LĐTBXH về Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển TTLĐ;...

Đối với đối tượng yếu thế, ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Nhằm nâng cao vị thế, tạo sự tự tin của người lao động yếu thế trong công việc và cuộc sống, các chương trình, đề án,... đều có nội dung đề cập đến đối tượng này ở mục tiêu, giải pháp như: CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua (Phụ lục 1).

+ Một số văn bản chính sách khác về giảm nghèo bền vững, xây dựng xã hội học tập, biểu tượng Skilling up, chính sách gắn kết với doanh nghiệp trong hoạt động GDNN; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN; giáo dục pháp luật;... như: Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”; Quyết định số 1071/QĐ-LĐTBXH ngày 27/9/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành biểu tượng Skilling up Viet Nam và Worldskills Viet Nam.

1.2. Một số chính sách về Giáo dục nghề nghiệp liên quan đến đại dịch COVID - 19

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, đã tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế, phát triển doanh nghiệp và thu nhập của người lao động, đặc biệt là đợt bùng phát lần thứ tư. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi phải kịp thời có những chính sách, giải pháp để hạn chế thấp nhất hậu quả xấu đến hoạt động của các cơ sở GDNN, nhà giáo, CBQL; HSSV, doanh nghiệp, lao động, việc làm và thu nhập của người lao động. Chính phủ, Bộ LĐTBXH, Tổng cục GDNN đã sớm ban hành kế hoạch, chương trình công tác, cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao; tập trung nguồn lực triển khai thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm 2021.

+ Cơ sở GDNN, nhà giáo GDNN, HSSV: Với mục tiêu duy trì chuỗi cung ứng lao động có kỹ năng nghề, Tổng cục GDNN

đã trình Bộ LĐTBXH ban hành hoặc trực tiếp ban hành các văn bản hướng dẫn hệ thống GDNN linh hoạt, sáng tạo, thích ứng, chủ động đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị; cho phép các trường điều chỉnh kế hoạch đào tạo, tổ chức thi kiểm tra đánh giá bằng hình thức trực tuyến đối với những môn học, những nội dung phù hợp. Duy trì gắn kết với doanh nghiệp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;... và một số chính sách đối với nhà giáo GDNN, HSSV đã trình bày ở trên.

+ Kết nối doanh nghiệp, lao động - việc làm: Một số văn bản như: Công điện số 05/CE-LĐTBXH ngày 20/7/2021 về việc hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19; Quyết định số 797/QĐ-LĐTBXH ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; và 798/QĐ-BCĐ ngày 12/7/2021 của Trưởng Ban chỉ đạo về việc thành lập Tổ giúp việc, Tổ thông tin và truyền thông giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch; Ngày 30/7/2021, Tổng cục GDNN ban hành “Cẩm nang

hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19”; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh đại dịch COVID-19;... (Phụ lục 1).

Các văn bản chính sách đã kịp thời được ban hành và nhanh chóng được thực hiện để hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp không chế dịch bệnh, giúp các cơ sở GDNN, các doanh nghiệp, HSSV, người lao động,... tiếp tục hoạt động và phát triển trong các giai đoạn bình thường mới, thích nghi với diễn biến phức tạp của đại dịch. Đại dịch COVID-19 đã gây ra nhiều khó khăn nhưng cũng là động lực cho sự đổi mới, đặc biệt là động lực để đẩy mạnh chuyển đổi số trong GDNN. Trước rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước như Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho các cơ sở GDNN vượt qua khó khăn, tạo động lực, giúp người lao động có cơ hội nâng cao kỹ năng nghề.

Kết luận

Năm 2021, năm chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, GDNN được sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhiều văn bản chính sách đã kịp thời được ban hành thống nhất chỉ đạo, hướng dẫn; nhiều chương trình hỗ trợ GDNN đã được phê duyệt góp phần giúp GDNN cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra trong việc đào tạo, bồi dưỡng,

chuẩn bị nguồn nhân lực từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường trong bối cảnh mới. Hệ thống các quy định pháp luật về GDNN từng bước được hoàn thiện góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, qua đó, góp phần phát triển KT-XH của đất nước.

Chiến lược phát triển GDNN và Chương trình Chuyển đổi số được phê duyệt vào ngày 30/12/2021 được triển khai thực hiện trong các năm tiếp theo. Tuy nhiên, trong bối cảnh phải giãn cách để phòng, chống đại dịch COVID-19, Tổng cục GDNN đã chủ động triển khai đồng bộ, thành công và an toàn bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến rất nhiều các hoạt động chuyên môn sâu trong lĩnh vực GDNN như: Kỳ thi KNNQG năm 2021, Hội giảng nhà giáo GDNN toàn quốc năm 2021, Cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN toàn quốc, hoạt động xây dựng văn hoá ứng xử trong cơ sở GDNN và biểu dương mô hình văn hoá ứng xử tiêu biểu năm 2021,...

Khuyến nghị

- Các chương trình đã được Chính phủ phê duyệt, để các chương trình đạt được các mục tiêu đề ra, các Bộ, ban, ngành, Tổng cục GDNN, Viện nghiên cứu,... cần:

+ Trong bối cảnh CMCN 4.0, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phải gắn với hoàn cảnh mới. Vì vậy, cần có nhiều nghiên cứu triển khai về đào tạo

nguồn nhân lực với những kỹ năng mới phong phú thích ứng với hoàn cảnh mới. Qua đó, có thể đề xuất chính sách cụ thể, thiết thực, khả thi để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

+ Đối với Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, để triển khai đồng bộ 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp thì cần triển khai các nghiên cứu, các hoạt động về đổi mới chương trình, phương thức đào tạo; phát triển đội ngũ nhà giáo; gắn kết doanh nghiệp, TTLĐ với các cơ sở GDNN, truyền thông;... Qua đó, đề xuất hoàn thiện các văn bản chính sách hướng dẫn cụ thể, thống nhất các hoạt động trong các cơ sở GDNN, các doanh nghiệp,... tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Để chuyển đổi số trong GDNN thành công cần đồng bộ thể chế số, hạ tầng số, công cụ sản xuất số, công cụ quản lý số, nhân lực số, thị trường số và quản lý pháp luật số để có một môi trường số an toàn.

- Các nghị quyết, chỉ thị, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản khác đã ban hành trong năm 2021 đang có hiệu lực thi hành, các cơ quan/tổ chức/các cơ sở GDNN cần nghiêm túc triển khai, thực thi; tiếp tục tập trung cao độ mọi khả năng, mọi nguồn lực triển khai các nội dung, các công việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và có sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, kiến nghị cấp có thẩm quyền.

CHƯƠNG 2

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

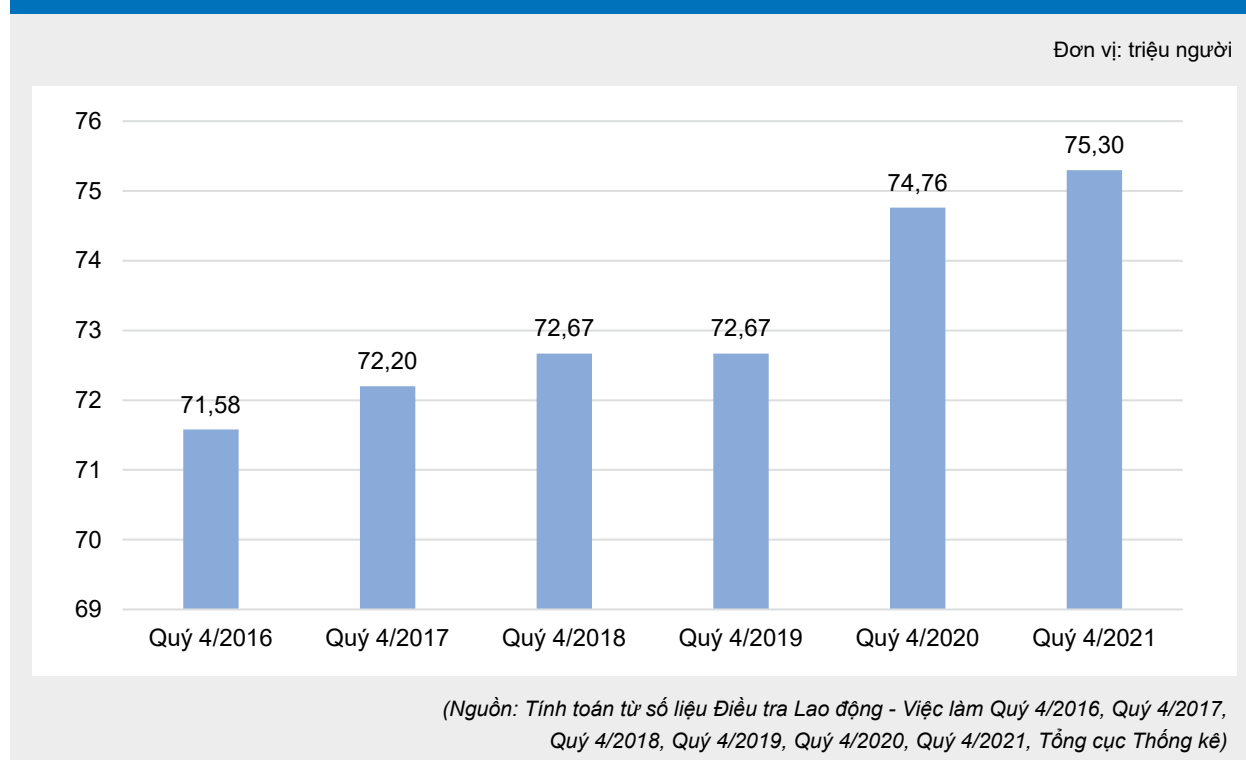
“Phát triển nhanh GDNN nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của TTLĐ, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển đất nước trong từng giai đoạn” đã được nhấn mạnh trong Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mặc dù đại dịch COVID-19 vẫn ảnh hưởng đến TTLĐ, nhưng năm 2021, đào tạo nghề gắn với TTLĐ, việc làm tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp về GDNN. Chương 2 tập trung phân tích thực trạng cung - cầu lao động, tiền lương, tiền công và giao dịch trên TTLĐ giai đoạn 2016 - 2021, trong đó có phân tích ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến các chỉ tiêu này trong năm 2021, thông qua số liệu điều tra, khảo sát lao động - việc làm hàng quý của Tổng cục Thống kê và số liệu từ một vài nguồn khác.

2.1. Cung lao động

2.1.1. Dân số từ 15 tuổi trở lên

Quý 4/2021, dân số từ 15 tuổi trở lên là 75,30 triệu người (tăng 5,2% so với quý 4/2016) (Hình 2.1).

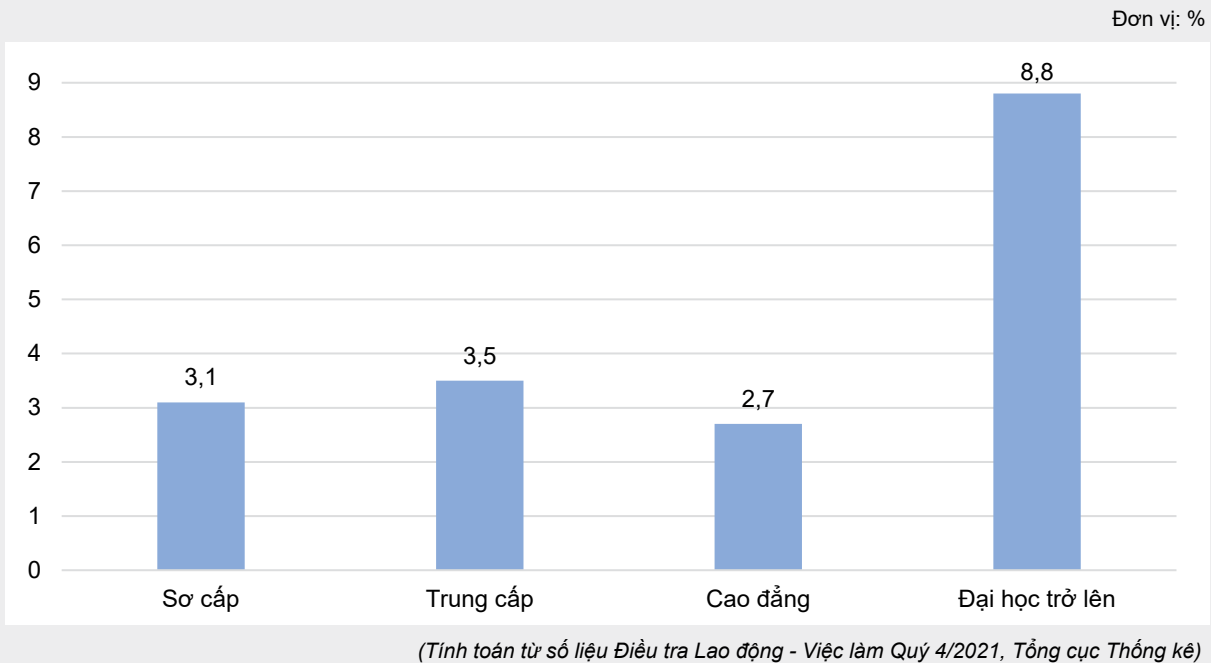
Hình 2.1. Dân số từ đủ 15 tuổi trở lên



Dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT) từ sơ cấp (SC) trở lên là

13,6 triệu người, trong đó trình độ đại học trở lên chiếm tỷ lệ nhiều nhất (8,8%) (Hình 2.2).

Hình 2.2. Dân số từ đủ 15 tuổi trở lên có trình độ CMKT

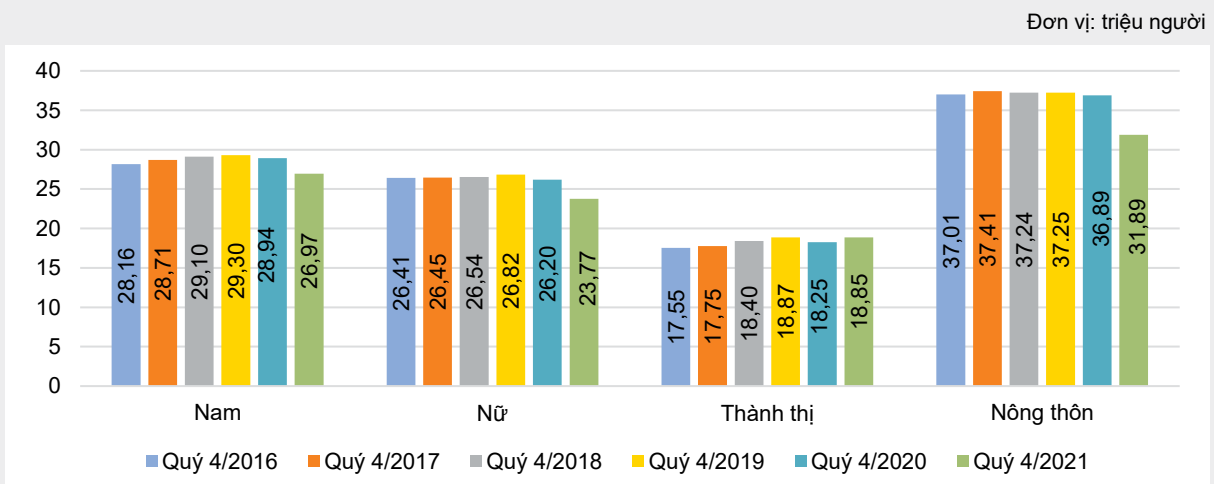


2.1.2. Lực lượng lao động

Lực lượng lao động (LLLĐ) quý 4/2021 là 50,74 triệu người, trong đó, nữ chiếm 46,8% (23,77 triệu người), nam chiếm 53,2% (26,97 triệu người); lao động thành thị chiếm 37,15% và nông thôn là 62,85%.

Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nên LLLĐ tham gia TTLĐ quý 4/2021 giảm mạnh 7,98% (4,40 triệu người) so với quý 4/2020; tỷ lệ tham gia LLLĐ của dân số từ 15 tuổi trở lên là 67,7%, (giảm 6,1% so với quý 4/2020, quý 4/2020 là 73,8%) (Hình 2.3).

Hình 2.3. Lực lượng lao động



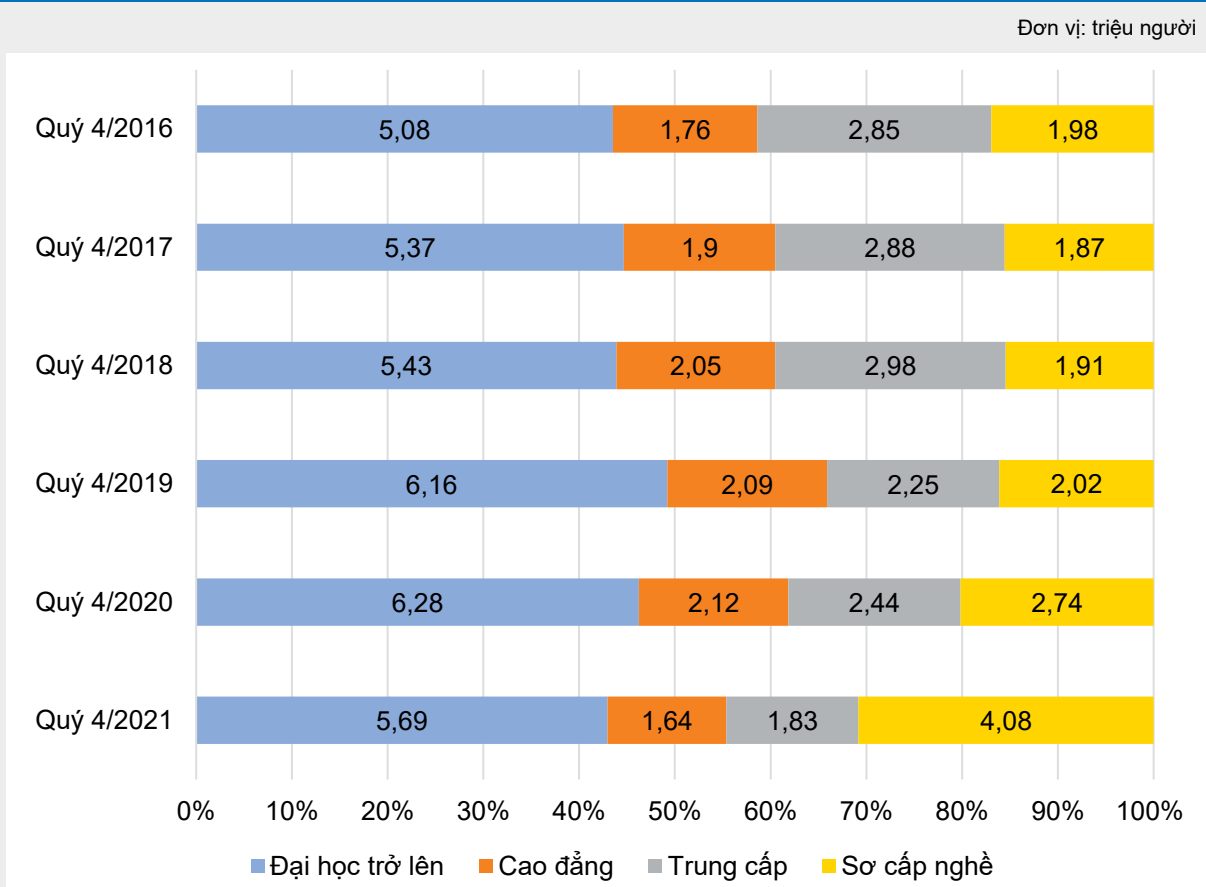
(Nguồn: Tính toán từ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm Quý 4/2016, Quý 4/2017, Quý 4/2018, Quý 4/2019, Quý 4/2020, Quý 4/2021, Tổng cục Thống kê)

Quý 4/2021, cả nước có hơn 24,7 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập do tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19. So với quý trước, số lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch COVID-19 đã giảm 3,5 triệu người. Trong tổng số hơn 24,7 triệu người bị tác động tiêu cực bởi đại dịch, có 2,3 triệu người bị mất việc, chiếm 9,3%; 12,4 triệu người phải tạm nghỉ/tạm ngừng sản xuất kinh doanh, chiếm 50,2%; 8,8 triệu người bị cắt giảm giờ làm hoặc buộc phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên, chiếm 35,7% và 16,9 triệu lao động bị giảm thu nhập, chiếm 68,4%. Thành thị vẫn là khu vực có

số lao động chịu thiệt hại nhiều nhất với 41,8% lao động bị ảnh hưởng; trong khi đó, tỷ lệ này ở nông thôn là 27,5%. Phần lớn những người có công việc bị tác động xấu bởi đại dịch COVID-19 có độ tuổi khá trẻ, từ 25 đến 54 tuổi, chiếm 73,3%.

Quý 4/2021, LLLĐ từ 15 tuổi trở lên qua đào tạo có bằng/chứng chỉ từ 3 tháng trở lên là 13,24 triệu người, chiếm 26,1% LLLĐ. Trong đó, trình độ đại học trở lên chiếm 11,21%; CĐ là 3,23%; TC là 3,61% và SC là 8,04% trong tổng LLLĐ từ đủ 15 tuổi trở lên. Như vậy, tương quan trình độ giữa đại học trở lên - CĐ - TC - SC là: 100 - 28 - 32 - 71 (Hình 2.4).

Hình 2.4. Lực lượng lao động có CMKT, 2015-2019 (%)



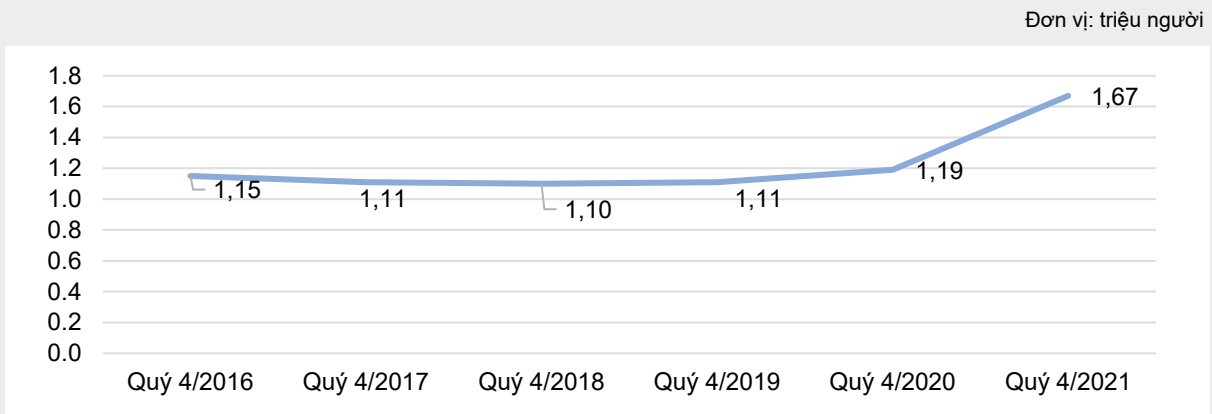
(Nguồn: Bản tin cập nhật TTLĐ số 12 - Quý 4/2016, số 16 - Quý 4/2017, số 20 - Quý 4/2018, Số 24 - Quý 4/2019, số 28 - Quý 4/2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
 Tính toán từ số liệu điều tra Lao động - Việc làm Quý 4/2021, Tổng cục Thống kê)

Thất nghiệp

Quý 4/2021, số người thất nghiệp trên cả

nước là 1,67 triệu người, chiếm 3,28% tổng LLLĐ từ 15 tuổi trở lên (Hình 2.5).

Hình 2.5. Số người thất nghiệp

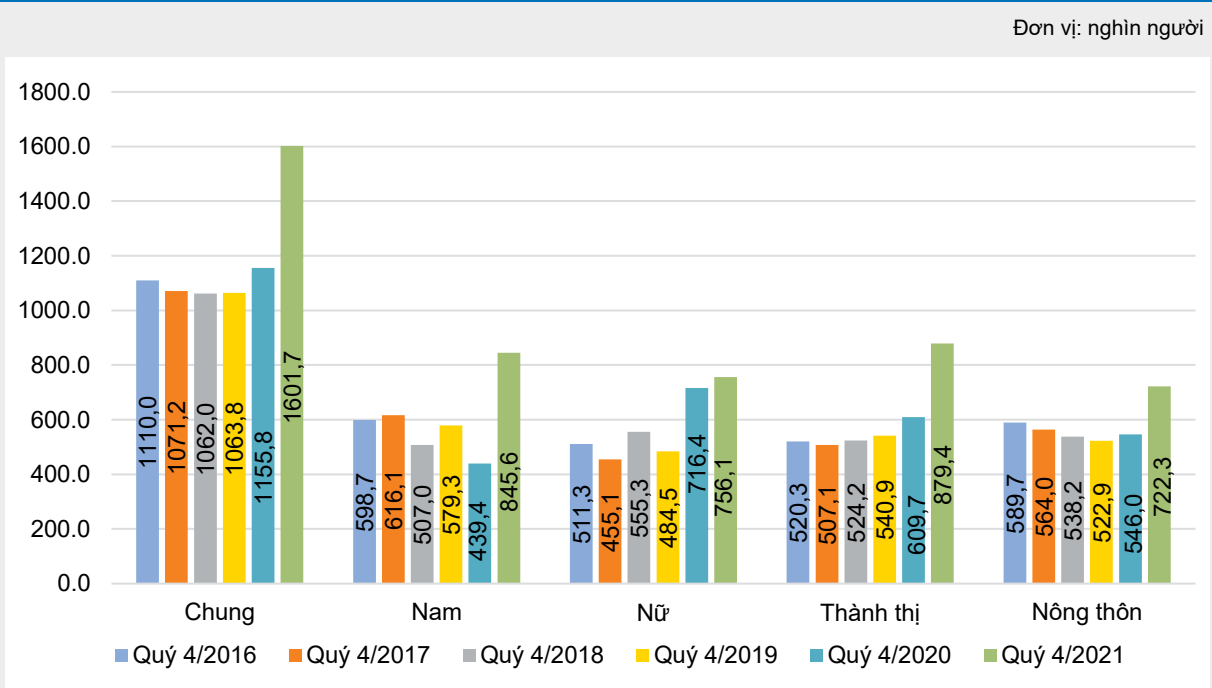


(Nguồn: Tính toán từ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm Quý 4/2016, Quý 4/2017, Quý 4/2018, Quý 4/2019, Quý 4/2020, Quý 4/2021, Tổng cục Thống kê)

Đại dịch COVID-19 đã làm tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi quý 4/2021 cao nhất so với cùng kỳ trong vòng 10 năm qua. Quý 4/2021, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi

lao động là 3,56% (tương đương 1.601,7 nghìn người). Trong đó, khu vực thành thị là 5,09%, khu vực nông thôn là 2,61%, nam là 3,41% và nữ là 3,74% (Hình 2.6).

Hình 2.6. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động

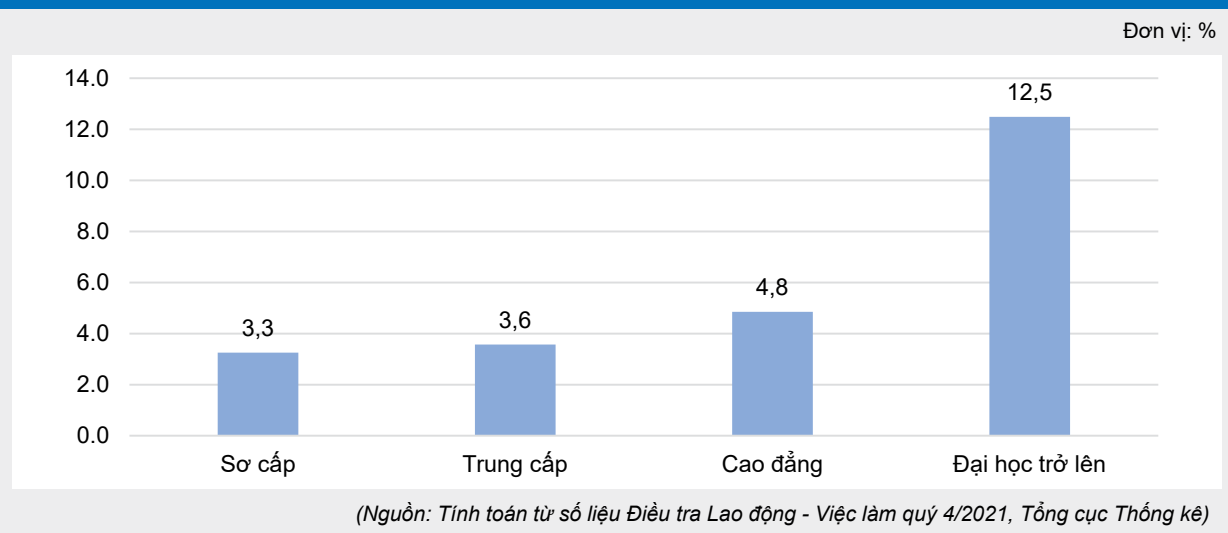


(Nguồn: Bản tin cập nhật TTLĐ số 12 - Quý 4/2016, số 16 - Quý 4/2017, số 20 - Quý 4/2018, số 24 - Quý 4/2019, số 28 - Quý 4/2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tính toán từ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm Quý 4/2021, Tổng cục Thống kê)

Quý 4/2021, số người thất nghiệp có trình độ từ SC trở lên chiếm 24,2% tổng số người thất nghiệp. Trong số những người thất nghiệp, chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm

trình độ “đại học trở lên”, tiếp theo là nhóm “CĐ” và nhóm “TC” và thấp nhất là nhóm “SC” (Hình 2.7).

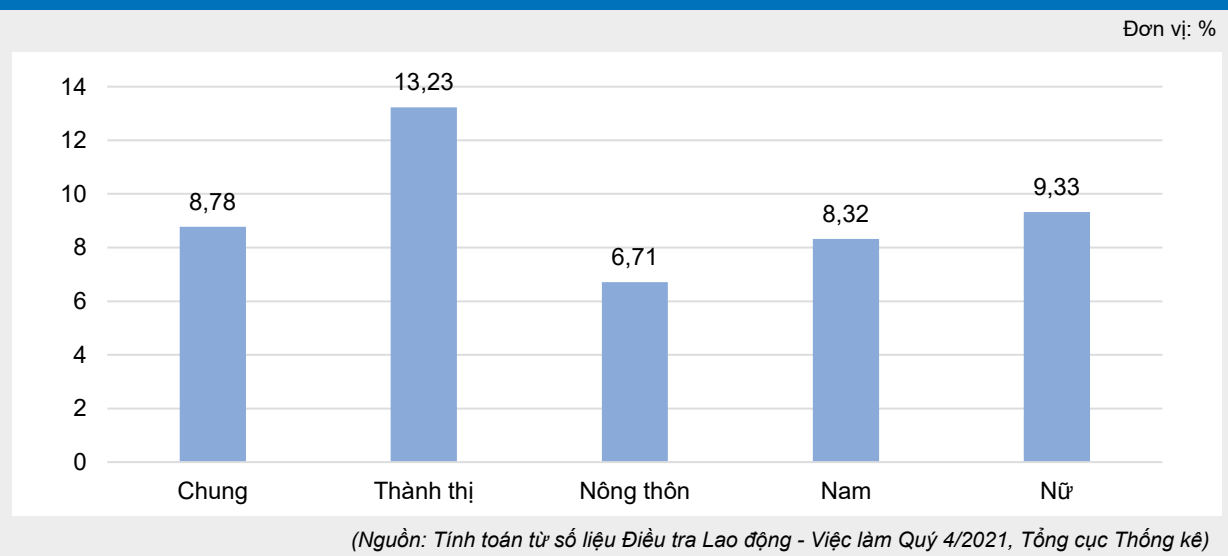
Hình 2.7. Thất nghiệp của lao động có trình độ CMKT quý 4/2021



Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên 15-24 tuổi quý 4/2021 là 8,78%, giảm 0,11% so với quý trước và tăng 0,84% so với cùng kỳ

năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 13,23%, cao hơn 6,52% khu vực nông thôn (Hình 2.8).

Hình 2.8. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên 15-24 tuổi quý 4/2021



2.2. Cầu lao động

2.2.1. Cầu lao động trong nước

Lao động có việc làm

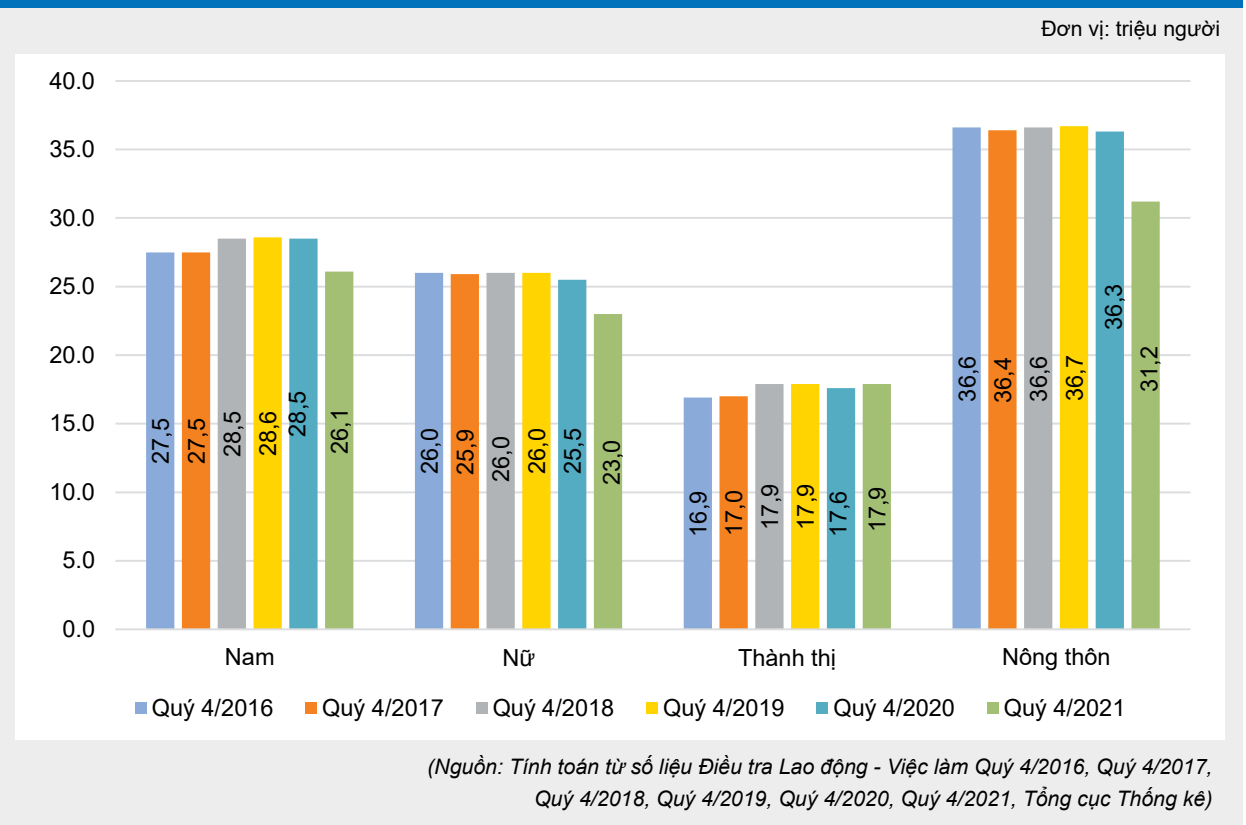
Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm

trong quý 4/2021 là 49,1 triệu người, tăng 1,82 triệu người so với quý trước và giảm 4,8 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 17,9 triệu người, số có việc làm ở nông

thôn là 31,2 triệu người. Như vậy, mặc dù có dấu hiệu phục hồi nhưng diễn biến kéo dài của đại dịch trong suốt 2 năm đã ảnh

hưởng đến cơ hội có việc làm của người lao động (Hình 2.9).

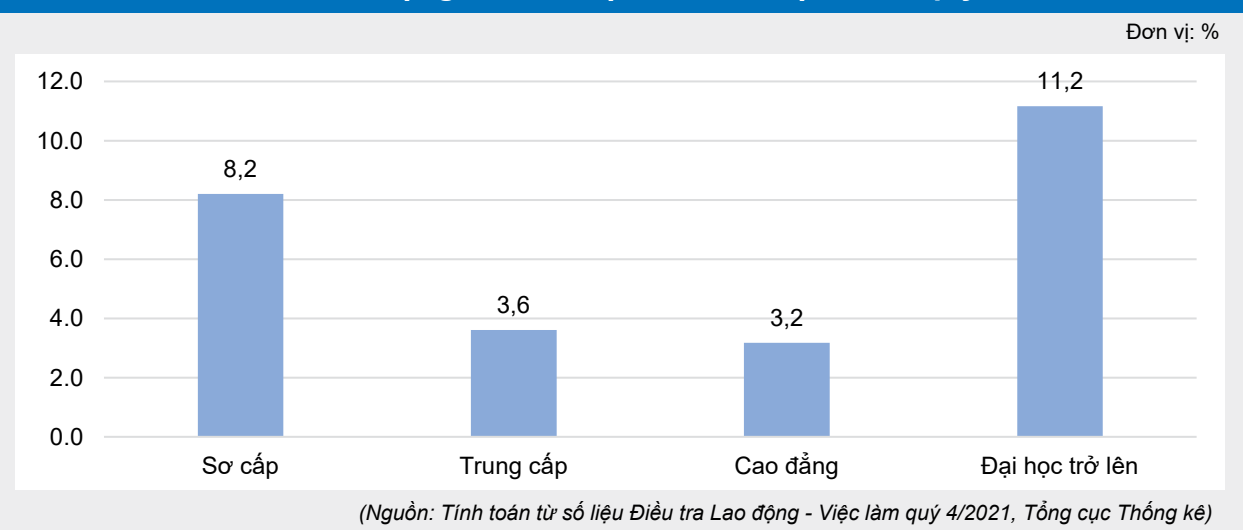
Hình 2.9. Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm chia theo giới tính, thành thị/nông thôn



Có 26,2% lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ, trong đó, lao động có trình độ đại học chiếm tỷ lệ cao nhất (11,2%), tiếp

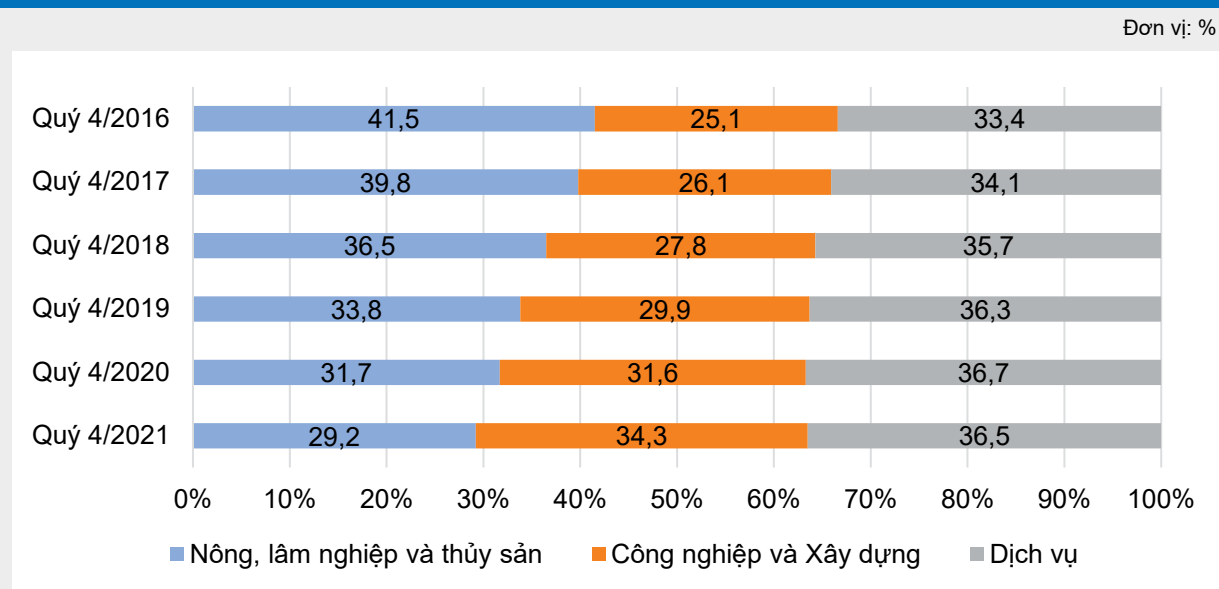
đến là trình độ SC, và thấp nhất là trình độ CĐ (Hình 2.10).

Hình 2.10. Lao động có làm việc có trình độ CMKT quý 4/2021



Theo khu vực kinh tế: Lao động có việc làm nhiều nhất ở khu vực dịch vụ (36,5%); tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng (34,3%) và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (29,2%) (Hình 2.11).

Hình 2.11. Lao động có việc làm chia theo khu vực kinh tế



(Nguồn: Tính toán từ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm Quý 4/2016, Quý 4/2017, Quý 4/2018, Quý 4/2019, Quý 4/2020, Quý 4/2021, Tổng cục Thống kê)

Đại dịch COVID-19 tiếp tục đẩy nhiều lao động vào tình trạng không có việc làm đồng thời khiến nhiều người trong số họ buộc phải trở thành lao động có việc làm phi chính thức: Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức quý 4/2021 là 55,1%, tăng 0,6% so với quý trước và giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ này ở khu

vực thành thị là 47,8%, ở khu vực nông thôn là 61,5%. So với quý 3 năm 2021, số lao động có việc làm phi chính thức là 19,4 triệu người, tăng 1,3 triệu người, tương ứng tăng 7,4%. Như vậy, sau đại dịch, nhiều lao động đã quay trở lại thị trường và có việc làm nhưng phần lớn là việc làm phi chính thức.

Hộp 2.1. Tác động của đại dịch COVID-19 đến một số ngành kinh tế

Các ngành kinh tế chịu tác động lớn bởi dịch bệnh là công nghiệp và thương mại, dịch vụ. Trong năm 2021, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 4,05%, bằng khoảng 1/2 tốc độ tăng trưởng so với trước đại dịch; khu vực thương mại dịch vụ tăng 1,22%, chỉ bằng 1/7 tốc độ tăng trưởng so với trước đại dịch (2). Đáng chú ý có nhiều lĩnh vực chịu tác động nặng nề và có sự suy giảm sâu so với thời điểm trước đại dịch như du lịch lữ hành, dịch vụ lưu trú, ăn uống, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng...

Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản có sự tăng trưởng khá ổn định, trở thành bộ đỡ vững chắc cho nền kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Năm 2021, ngành

này tăng trưởng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tăng trưởng kinh tế (3). Tuy nhiên, do đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp và kéo dài nên việc tiêu thụ các mặt hàng nông sản, thủy sản cũng bị ảnh hưởng lớn.

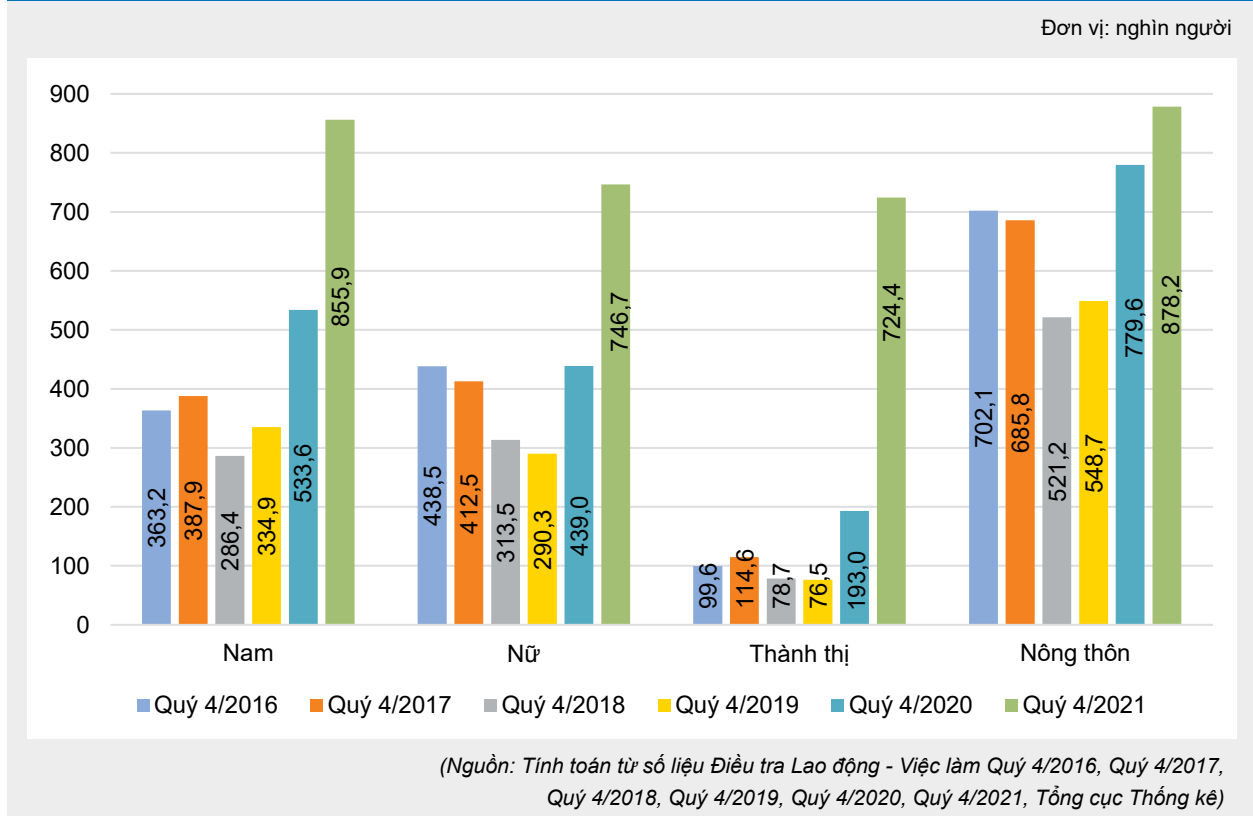
(Nguồn: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/bai-noi-bat/item/4323-nang-luc-thuc-thi-quan-ly-phat-trien-xa-hoi-cua-cac-chu-the-tham-gia-qua-danh-gia-cua-doi-ngu-can-bo-lanh-dao-quan-ly.html>)

Lao động thiếu việc làm

Số người thiếu việc làm quý 4/2021 là 1,6 triệu người (tương đương 3,27%), trong

đó, tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị cao hơn nông thôn (4,04% và 2,82%), tỷ lệ này giữa nam và nữ tương đối bằng nhau (3,28% và 3,25%) (Hình 2.12).

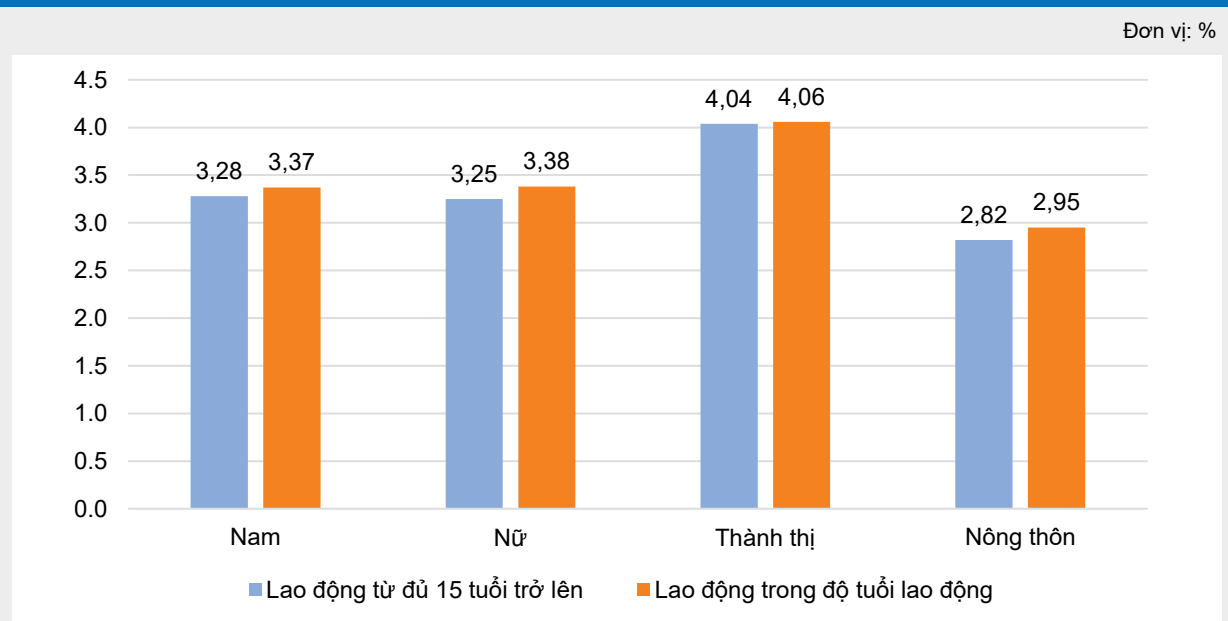
Hình 2.12. Lao động thiếu việc làm chia theo giới tính, thành thị/nông thôn



Số người thiếu việc làm trong độ tuổi quý 4/2021 là gần 1,5 triệu người, giảm 381,1 nghìn người so với quý trước và tăng 635,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý 4/2021 là 3,37%, giảm 1,09% so với quý trước và tăng 1,55% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị cao

hơn so với khu vực nông thôn (tương ứng là 4,06% và 2,95%). Lao động di cư tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn để tìm được việc làm có chất lượng và buộc phải chấp nhận mức lương thấp và cuộc sống khó khăn khi làm việc tại khu vực thành thị trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn ra phức tạp khiến số lao động thiếu việc làm tăng gấp 1,5 lần so với quý 4/2020 (Hình 2.13).

Hình 2.13. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động chia theo giới tính, thành thị/nông thôn quý 4/2021



(Nguồn: Tính toán từ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm Quý 4/2021, Tổng cục Thống kê)

Lao động trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

Mặc dù trải qua một năm đầy khó khăn và thách thức do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 nhưng nhờ chủ động thực hiện các biện pháp thích ứng linh hoạt của Chính phủ trong những tháng cuối

năm 2021 nên TTLĐ đã từng bước quay trở lại trạng thái bình thường, số lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và trong các doanh nghiệp tăng đáng kể trong quý 4/2021, tương ứng đạt 16,2 triệu người và 12,7 triệu người, tăng 1,3 triệu người và tăng 667,4 nghìn người so với quý 3/2021.

Hộp 2.2. Sự thiếu hụt lao động ở một số ngành do ảnh hưởng dịch COVID-19

Dịch COVID-19 diễn biến kéo dài khiến hàng nghìn doanh nghiệp gặp khó khăn, hàng chục nghìn doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động, một số hoạt động cầm chừng chỉ với 30-50% số lao động do phải đảm bảo yêu cầu giãn cách. Bên cạnh đó, nguồn cung lao động cho thị trường cũng giảm do lao động quay trở về quê vì lo sợ dịch bệnh hoặc phải cách ly dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn lao động ở nhiều doanh nghiệp. Kết quả khảo sát đánh giá tác động của dịch COVID-19 trên phạm vi toàn quốc cho thấy trong số 22.764 doanh nghiệp có 17,8% doanh nghiệp bị thiếu lao động. Một số ngành báo cáo có sự thiếu hụt nhiều lao động nhất là ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (55,6%), sản xuất da và các sản phẩm liên quan (51,7%), sản xuất trang phục (49,2%), sản xuất thiết bị điện (44,5%), ngành dệt (39,5%).

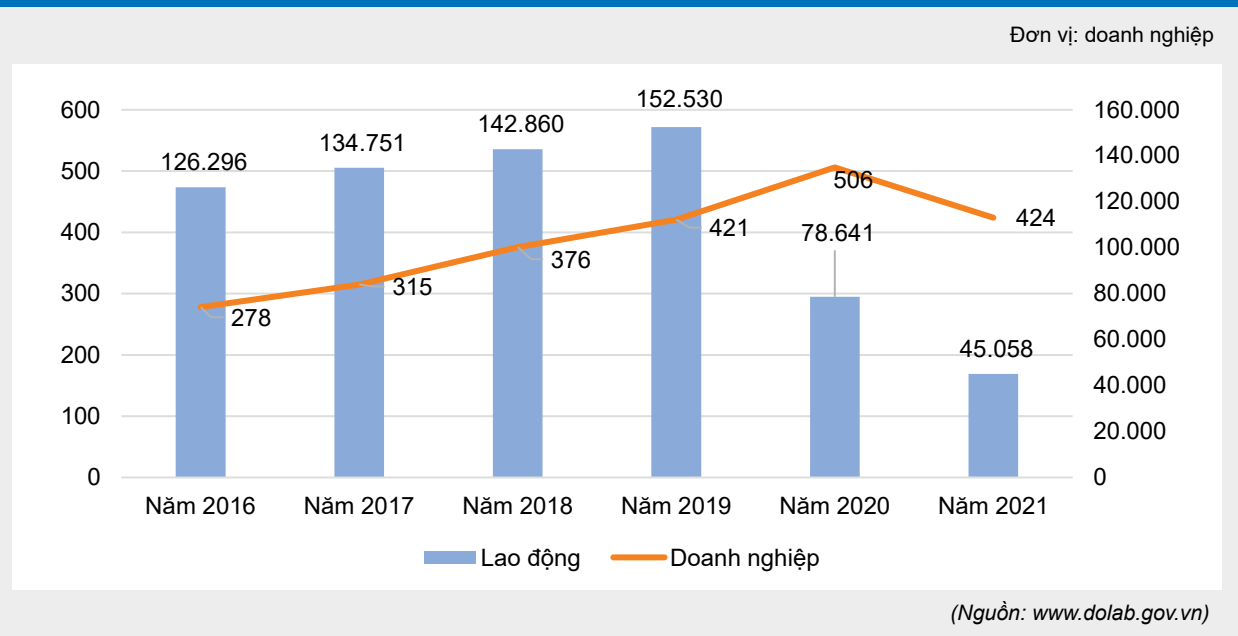
(Nguồn: Báo cáo tác động của dịch COVID-19 đến tình hình lao động, việc làm, quý 3/2021 (consosukien.vn))

2.2.2. Lao động ngoài nước

Đến hết năm 2021, có 424 doanh nghiệp được cấp phép hoạt động đưa lao động

đi làm việc ở nước ngoài và ở thời điểm đó có 45.058 lao động đi làm việc ở nước ngoài (Hình 2.14).

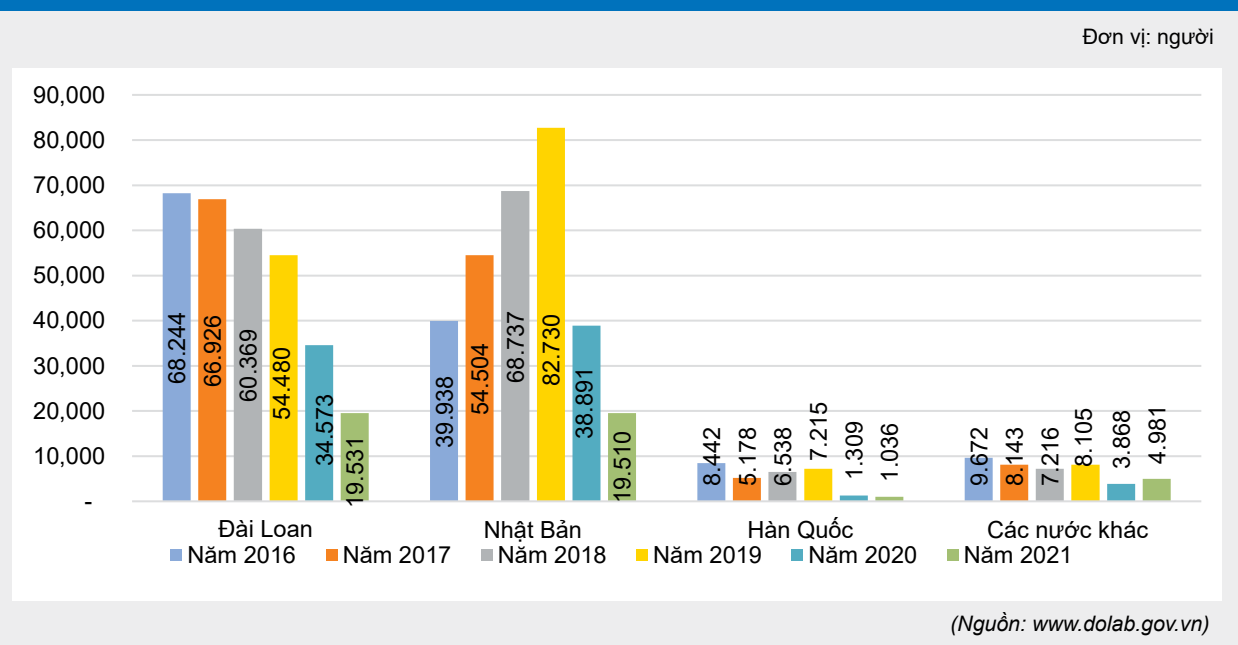
Hình 2.14. Doanh nghiệp được cấp phép đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài



Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nên năm 2021, số lao động đi làm việc tại nước ngoài vẫn tiếp tục giảm (giảm 42,7% so với năm 2020, và giảm 70,5% so với năm 2019), trong đó lao động nữ là chiếm 33,7%). Thị

trường Đài Loan (Trung Quốc) chiếm số lượng cao nhất: 19.531 lao động, tiếp đến là Nhật Bản: 19.510 lao động, Trung Quốc: 1.820 lao động, Hàn Quốc: 1.036 lao động, còn lại là các thị trường khác (Hình 2.15).

Hình 2.15. Lao động được cấp phép đi làm việc ở nước ngoài



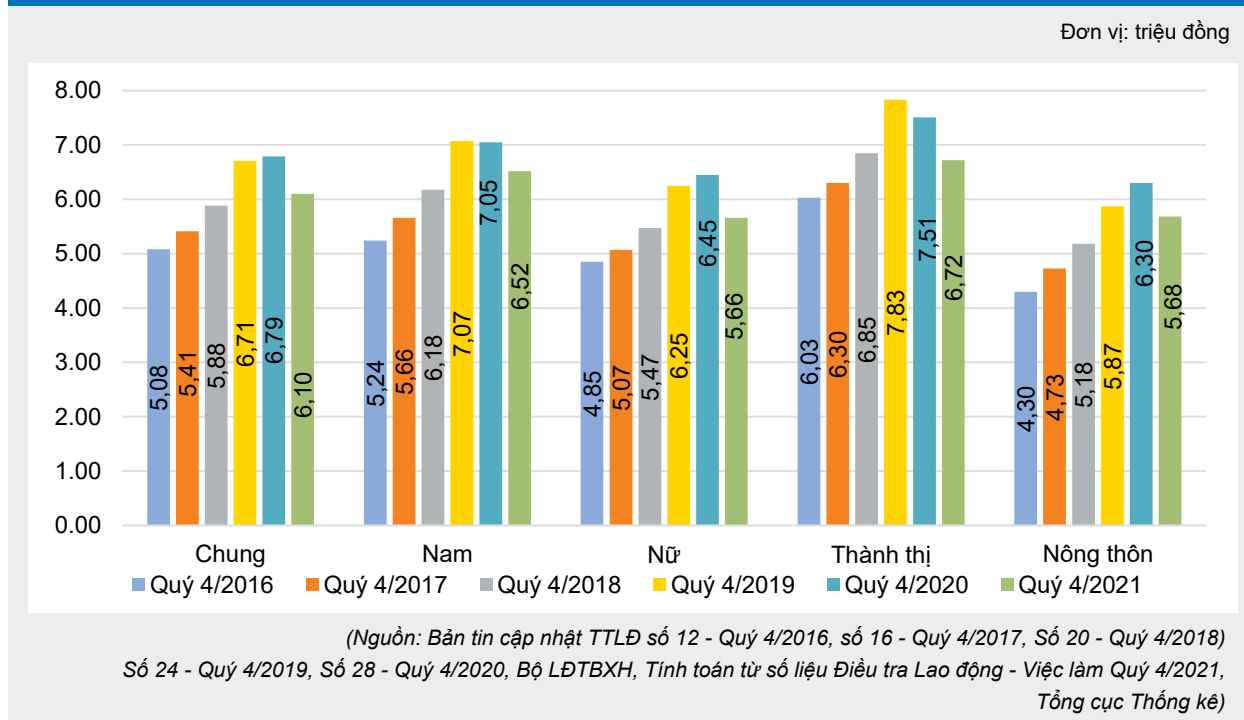
2.3. Tiền lương, tiền công

Báo cáo này chỉ đề cập đến tiền lương/tiền công, tiền thưởng và phụ cấp các loại có tính chất như lương (làm thêm giờ, độc hại,...) của nhóm lao động “Làm công ăn lương” và được gọi tắt là “thu nhập”.

Thu nhập bình quân/tháng từ công việc chính của lao động làm công hưởng lương trong quý 4/2021 là 6,1 triệu đồng, tăng 100 nghìn đồng so với quý trước và giảm 509 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,16 lần thu nhập bình quân

của lao động nữ (6,5 triệu đồng so với 5,6 triệu đồng); thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao hơn lao động ở khu vực nông thôn 1,18 lần (6,7 triệu đồng so với 5,7 triệu đồng). Quý 4/2021 đã chứng kiến mức thu nhập thấp nhất chưa từng có trong nhiều năm trở lại đây, mặc dù đã được cải thiện so với quý 3/2021 (tăng 100 nghìn đồng/người/tháng). Tuy nhiên, diễn biến phức tạp, kéo dài của đại dịch COVID-19 tác động sâu sắc đến đời sống của người lao động khiến cho mức thu nhập của người lao động sụt giảm lớn (Hình 2.16).

Hình 2.16. Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công ăn lương từ công việc chính



Kết luận và khuyến nghị

Dân số từ đủ 15 tuổi trở lên có trình độ CMKT từ SC trở lên chiếm 18,1% tổng dân số từ đủ 15 tuổi trở lên, trong đó qua đào tạo nghề chiếm 9,3%.

Do tiếp tục ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nên LLLĐ quý 4/2021 giảm mạnh 7,98% (4,40 triệu người) so với quý 4/2020, LLLĐ từ 15 tuổi trở lên qua đào tạo có bằng/chứng chỉ từ 3 tháng trở lên

là 13,24 triệu người, chiếm 26,1% LLLĐ (tăng 1,47% so với quý 4/2020).

Số người thất nghiệp có trình độ từ SC trở lên chiếm gần ¼ tổng số người thất nghiệp (24,2%), giảm một nửa so với quý 4/2020, và nhóm lao động có trình độ “đại học trở lên” vẫn tiếp tục chiếm tỷ lệ cao nhất, thấp nhất là nhóm lao động có trình độ SC.

Trong tổng số 49,1 triệu lao động có việc làm, thì có 26,2% lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ, trong đó, lao động có trình độ đại học chiếm tỷ lệ cao nhất (11,2%), lao động qua đào tạo nghề (SC, TC, CĐ) chiếm 15%.

Từ phân tích nêu trên, đề nghị Chính phủ triển khai nhanh hơn và có hiệu quả hơn các gói hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động phục hồi sau đại dịch; cơ quan quản lý nhà nước về GDNN xây dựng và thực hiện các chương trình, chính sách khuyến khích người lao động tích cực học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh. Cơ sở sản xuất, kinh doanh cần có giải pháp tích cực thu hút, khuyến khích LLLĐ quay trở lại nơi làm việc, nhất là các khu công nghiệp, thành phố lớn. Các địa phương cần chủ động xây dựng phương án giải quyết việc làm cho người lao động trở về địa phương chưa sẵn sàng quay lại các khu công nghiệp, thành phố lớn.

CHƯƠNG 3

MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

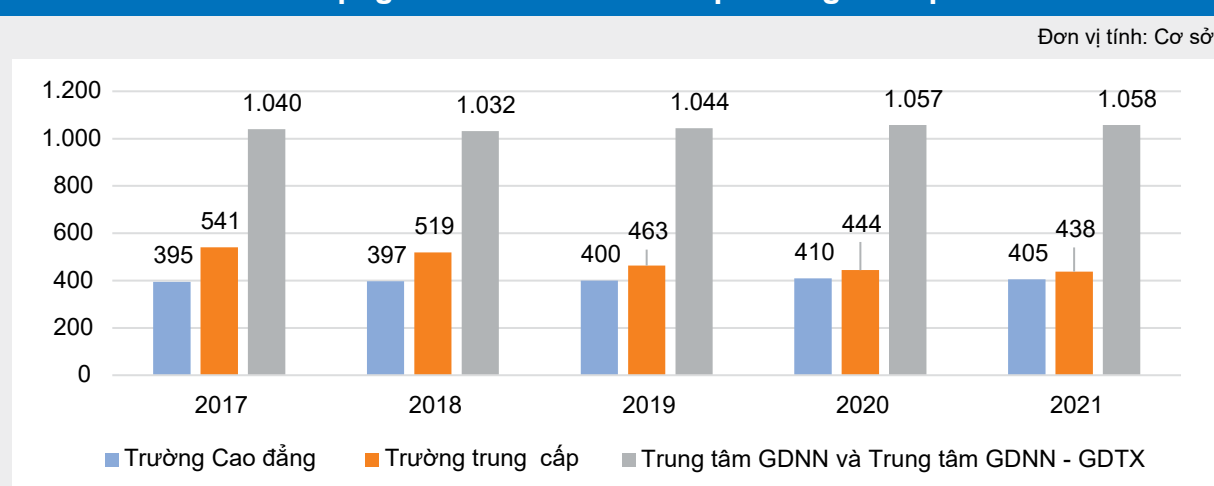
Năm 2021 tiếp tục thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN hướng thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan. Sắp xếp, tổ chức lại cơ sở GDNN công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó các bộ, ngành, địa phương tiếp tục rà soát mạng lưới cơ sở GDNN theo các điều kiện quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH. Kết quả năm 2021 số lượng cơ sở GDNN có sự thay đổi so với những năm trước. Chương 3 trình bày về mạng lưới cơ sở GDNN và được phân tích, nhận định làm rõ những thay đổi nổi bật này.

3.1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo loại hình

Năm 2021 nhiều địa phương, Bộ, ngành tiếp tục triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày

25/10/2017 của Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của

Hình 3.1. Số lượng cơ sở GDNN theo loại hình giai đoạn 2017-2021



(Nguồn: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

các đơn vị sự nghiệp công lập, tiến hành sáp nhập trường TC vào trường CĐ; giải thể các trường TC, CĐ hoạt động không hiệu quả, về cơ bản, trên địa bàn cấp tỉnh chỉ còn một đầu mối đào tạo nghề công lập. Kết quả, tính đến tháng 12 năm 2021, tổng số cơ sở GDNN là 1.901 cơ sở, giảm 10 cơ sở so với năm 2020 và sau 5 năm (tính từ thời điểm nhận bàn giao quản lý nhà nước về GDNN năm 2017) đã giảm 75 cơ sở (Hình 3.1).

Trong năm 2021 các trường CĐ và trường TC đều giảm số lượng, trong đó trường CĐ giảm 5 trường, trường TC giảm 6 trường và số trung tâm GDNN và trung tâm GDNN-GDTC tăng 01 cơ sở, điều này được lý giải bởi:

Các địa phương tiếp tục quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN theo hướng sáp nhập một hoặc nhiều trường TC, trường CĐ thuộc tỉnh quản lý để nâng cấp hoặc thành lập trường CĐ, ví dụ như: các tỉnh Thái Nguyên⁶, Thanh Hóa⁷, Quảng Nam⁸, Bình Định⁹.

Các cấp bộ, ngành tiếp tục quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN với xu hướng sáp nhập các cơ sở GDNN đóng trên cùng địa bàn, trong khu vực có cùng lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; năm 2021 xuất phát từ thực tế và nhu cầu của đơn vị chủ quản đối với cơ sở GDNN, lần đầu Tổng cục

GDNN đề xuất mô hình thực hiện chuyển giao quản lý của đơn vị chủ quản đối với cơ sở GDNN cho địa phương, ví dụ như Bộ Công Thương chuyển giao nguyên trạng trường CĐ Công nghiệp thực phẩm và trường CĐ Công Thương Phú Thọ về Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quản lý¹⁰.

3.2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo vùng kinh tế xã hội

Năm 2021 việc sáp nhập cơ sở GDNN có chậm lại so với năm 2020, năm 2020 có tới 9 địa phương và 02 bộ, ngành thực hiện sáp nhập thì năm 2021 chỉ có 04 địa phương và không có bộ, ngành nào thực hiện sáp nhập, sau sáp nhập số lượng cơ sở GDNN ở các vùng KT-XH có thay đổi nhưng không đáng kể (chỉ giảm 9 cơ sở GDNN, trong đó vùng Trung du miền núi phía Bắc giảm đi 2 cơ sở, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm 7 cơ sở). Thực tế các cơ sở GDNN tập trung chủ yếu và nhiều ở các vùng Đồng bằng sông Hồng có 571 cơ sở chiếm 30,04%, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có 403 cơ sở chiếm 21,19%, các vùng còn lại có số cơ sở GDNN ít hơn chiếm bình quân dưới 20% cụ thể: Trung du và miền núi phía Bắc có 290 cơ sở chiếm 15,26%, vùng Đông Nam Bộ có 298 cơ sở chiếm 15,68%, tổng 2 vùng Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long có 339 cơ sở chiếm 17,83% (Hình 3.2).

⁶ Sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính, Trường Cao đẳng Y tế và Trường Cao đẳng Sư phạm;

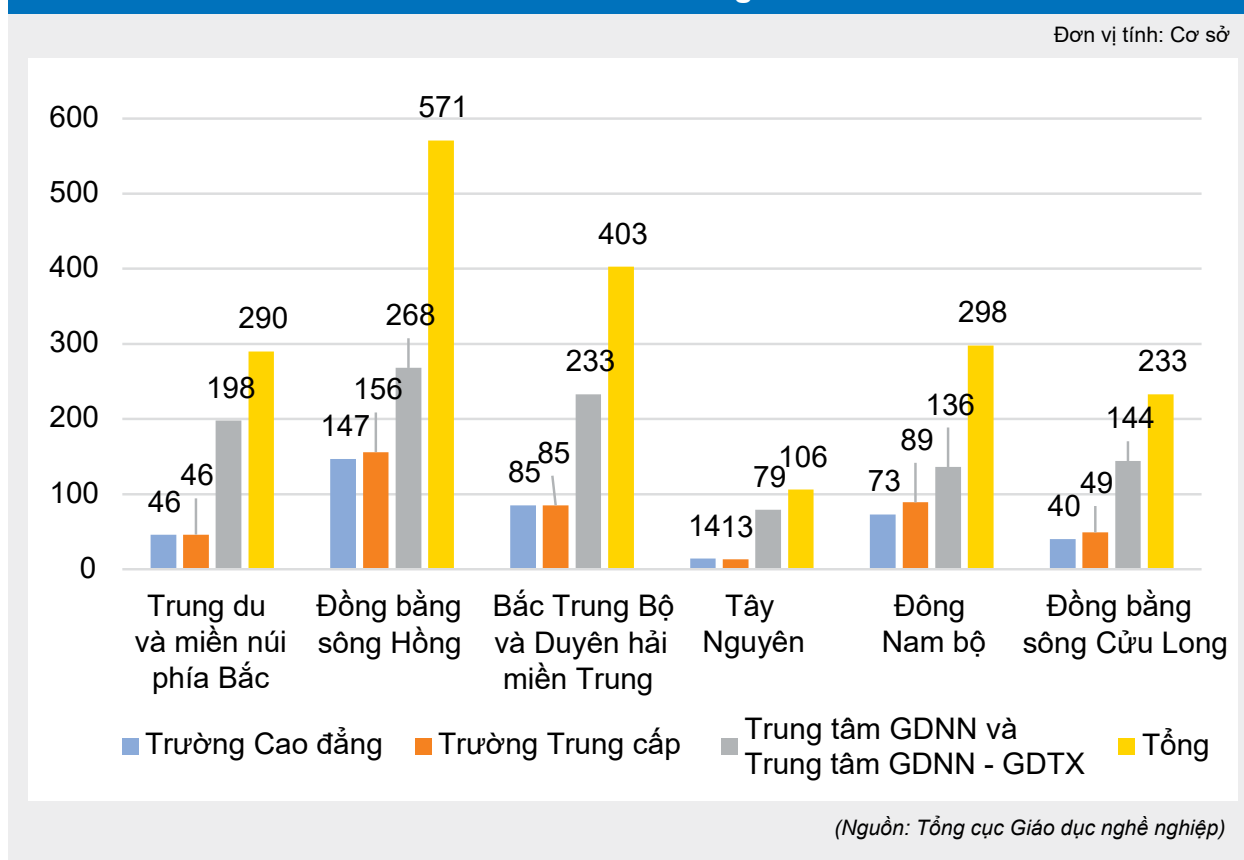
⁷ Sáp nhập Trường CĐ nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào Trường Cao đẳng Nông Lâm và đổi tên thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa; Sáp nhập Trường Trung cấp Phát thanh - Truyền hình, Trường Trung cấp nghề Xây dựng vào Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Thanh Hóa và đổi tên thành Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp, Xây dựng và Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa;

⁸ Sáp nhập Trường CĐ Công nghệ Quảng Nam, Trường TCN Bắc Quảng Nam, Trường TCN Nam Quảng Nam, Trường TCN Thanh niên Dân tộc Miền núi Quảng Nam, Trường TC Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Quảng Nam vào Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam và đổi tên thành Trường Cao đẳng Quảng Nam;

⁹ Sáp nhập Trường Cao đẳng Bình Định và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bình Định.

¹⁰ CV 1455/LĐTĐBXH-TCGDNN ngày 20/5/2021. Tờ trình số 52 ngày 31/3/2021.

Hình 3.2. Cơ sở GDNN theo vùng KT-XH năm 2021

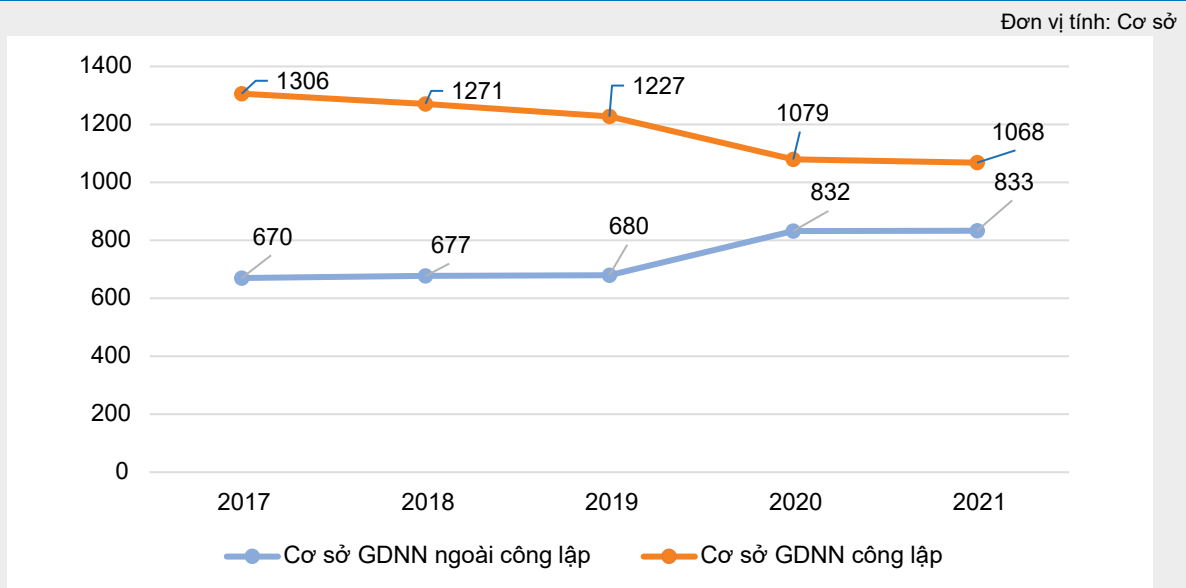


3.3. Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp theo hình thức sở hữu

Giai đoạn 2017 - 2021, cơ sở GDNN công lập giảm dần, năm 2021 có 1.068 cơ sở (giảm 238 cơ sở so với năm 2017), năm 2021 giảm chỉ 11 cơ sở thấp hơn rất nhiều so với mức giảm năm 2020), cơ sở GDNN ngoài công lập (bao gồm cơ sở GDNN tư thục và cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài) có xu thế tăng dần, nếu năm 2017 có 670 cơ sở thì năm 2021 đã có 833 cơ sở (tăng 163 cơ sở), tuy nhiên năm 2021 chỉ tăng 1 cơ sở GDNN ngoài công lập so với năm 2020 (Hình 3.3). Đường biểu

đồ trên hình 3.3 cho thấy xu hướng thay đổi theo hình thức sở hữu, có sự thay đổi trái chiều về số lượng cơ sở GDNN theo hình thức sở hữu: Cơ sở GDNN công lập có xu thế giảm dần, cơ sở GDNN tư thục có xu hướng tăng dần. Điều này cho thấy đây không chỉ là xu hướng mà còn là định hướng về việc quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, vì vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu triển khai các giải pháp trong việc quy hoạch mạng lưới theo định hướng đẩy mạnh xã hội hóa GDNN.

Hình 3.3. Xu hướng thay đổi số lượng cơ sở GDNN theo hình thức sở hữu giai đoạn 2017 - 2021

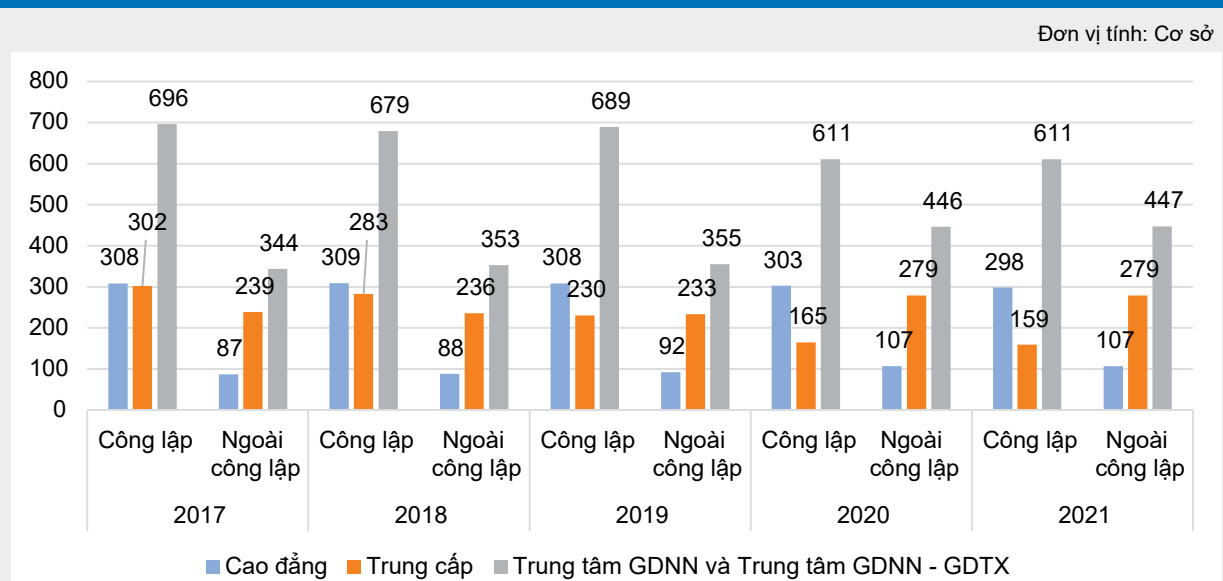


(Nguồn: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; GDNN; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác. Theo đó việc sáp nhập,

giải thể các trường CĐ, TC được thực hiện theo quan điểm định hướng những trường có khả năng tự chủ thì được tạo cơ chế đẩy nhanh tự chủ thay vì sáp nhập, việc sắp xếp và tổ chức lại các cơ sở GDNN được thực hiện theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho TTLĐ (xem hình 3.4).

Hình 3.4. Cơ sở GDNN theo hình thức sở hữu tính từ 2017 - 2021

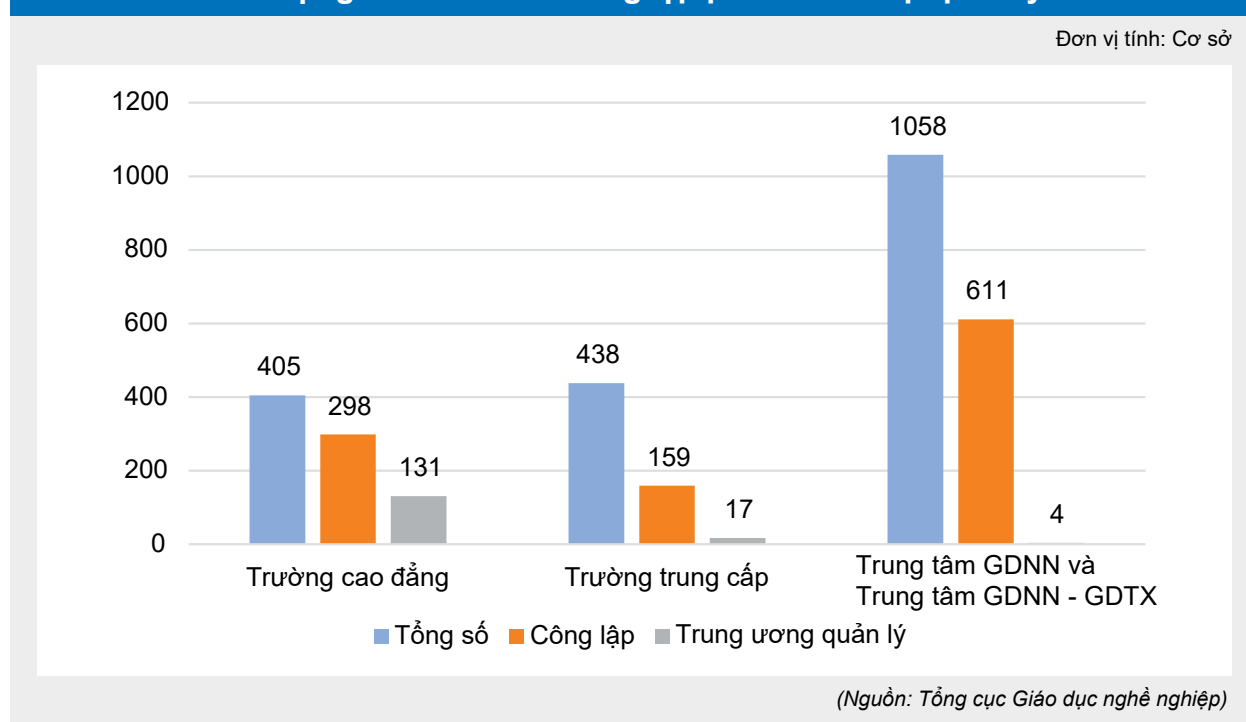


(Nguồn: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

Hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều có trường TC, trường CD đóng trên địa bàn, nhiều trường trung ương và địa phương cùng đào tạo ngành, nghề giống nhau. Nhiều cơ sở GDNN không đạt chuẩn theo quy định do đó quy hoạch lại mạng lưới cơ sở GDNN sẽ giảm đầu mối, đầu tư có trọng tâm, khắc phục chông chéo và dàn trải. Tuy nhiên, năm 2021 việc quy hoạch chủ yếu thực hiện đối với các trường do địa phương

quản lý còn việc quy hoạch các trường do bộ, ngành quản lý diễn ra chậm mới dừng lại ở việc lập dự án quy hoạch và đề xuất định hướng mới trong quy hoạch là chuyển giao quản lý cơ sở GDNN từ trung ương về địa phương (Bộ Công Thương đề xuất chuyển giao nguyên trạng Trường CD Công nghiệp Thực phẩm và Trường Công Thương Phú Thọ về Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quản lý) (Hình 3.5).".

Hình 3.5. Số lượng cơ sở GDNN công lập phân theo cấp quản lý năm 2021



Kết luận

Năm 2021, dưới tác động của đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng lớn tới các lĩnh vực kinh tế, xã hội của đất nước trong đó có GDNN, mọi hoạt động tập trung vào việc phòng chống COVID-19 và khắc phục chuỗi đứt gãy của việc phát triển kinh tế, việc quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN diễn ra với tốc độ chậm lại so với các năm trước. Quá trình sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở GDNN tiếp tục thực hiện trên cơ

sở rà soát các tiêu chí, điều kiện thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các cơ sở GDNN theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH.

Cơ quan chủ quản Bộ Công Thương đề xuất chuyển giao nguyên trạng Trường CĐ Công nghiệp Thực phẩm và Trường CĐ Công Thương Phú Thọ về Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quản lý bước đầu mở ra hướng thực hiện mô hình, phương thức quản lý các cơ sở GDNN công lập dựa trên tính chất và quy mô của cơ sở GDNN gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển KT-XH địa phương, đây cũng là giải pháp đổi mới nâng cao hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN nói chung và quản lý cơ sở GDNN công lập nói riêng trong thời gian tới.

Năm 2021 tiếp tục có sự thay đổi số lượng cơ sở GDNN theo hướng giảm công lập, tuy nhiên thực hiện không đồng đều ở các tỉnh, thành phố, địa phương, việc xã hội hóa trong phát triển cơ sở GDNN tư thục chưa được thúc đẩy, các cơ sở GDNN đầu tư nước ngoài không tăng và chỉ tập trung ở các thành phố lớn, vùng kinh tế trọng điểm; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội còn hạn chế tham gia hoạt động GDNN.

Khuyến nghị

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ về mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng GDNN góp phần thực hiện đột phá chiến lược về phát triển nhân lực cho đất nước, cần

sớm ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thực hiện các mô hình, phương thức quản lý các cơ sở GDNN công lập dựa trên tính chất và quy mô của cơ sở GDNN gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực. Đẩy mạnh phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn từ cơ sở GDNN đến các cơ quan quản lý các cấp; từng bước xóa bỏ cơ chế cơ quan chủ quản đối với các cơ sở GDNN công lập.

Xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở GDNN công lập theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu nhân lực của TTLĐ; bảo đảm quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng, đảm bảo năng lực tổ chức đào tạo cho vùng miền; giảm đầu mỗi cơ sở GDNN nhưng không giảm năng lực đào tạo, không giảm các điều kiện đầu tư phát triển GDNN về đất đai, cơ sở vật chất (CSVN), nhân sự, tài chính; có giải pháp cụ thể để tăng quy mô với khả năng tuyển sinh, đảm bảo chất lượng đào tạo để đáp ứng được yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ CMCN 4.0.

Khuyến khích và thúc đẩy phát triển các cơ sở GDNN xã hội hoá, đặc biệt là ở các địa bàn, lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo mà các cơ sở GDNN xã hội hoá làm được và làm tốt.

CHƯƠNG 4

TUYỂN SINH VÀ TỐT NGHIỆP

Năm 2021 đại dịch COVID-19 đã có những tác động hết sức nặng nề tới mọi mặt của đời sống xã hội, qua đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động GDNN. Năm nay là năm đầu tiên sau nhiều năm công tác tuyển sinh, đào tạo trong GDNN không hoàn thành được mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Chương này cung cấp thông tin về tình hình tuyển sinh và tốt nghiệp trong GDNN năm 2021.

4.1. Tuyển sinh

4.1.1. Bối cảnh

Trước những khó khăn do đại dịch COVID-19, trong điều kiện phải đảm bảo phòng chống dịch bệnh, công tác tuyển sinh tại các địa phương, cơ sở GDNN hầu hết đã phải chuyển từ hình thức tuyển sinh trực tiếp sang trực tuyến và các giải pháp tuyển sinh kết hợp vừa trực tiếp vừa trực tuyến để phù hợp với hoàn cảnh tại mỗi địa phương, mỗi thời điểm của dịch bệnh. Các nhà trường đã phải khai thác tối đa hiệu quả của các công cụ mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng trong công tác thông tin, tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh.

4.1.2. Công tác chỉ đạo điều hành và một số điểm mới trong các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh

Trong năm 2021, nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo trong công tác tuyển sinh đã được ban hành, nhằm hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở GDNN tăng cường ứng dụng CNTT, công nghệ số, internet vào các hoạt động tuyển sinh thích nghi với các điều

kiện đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh COVID-19 cụ thể là:

Công văn số 703/LĐT BXH-TCGDNN ngày 16/3/2021 của Bộ LĐT BXH về việc đẩy mạnh triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển GDNN và nhân lực có kỹ năng nghề, trong đó có nhấn mạnh các giải pháp truyền thông, tư vấn hướng nghiệp và đổi mới trong công tác tuyển sinh.

Công văn số 1486/LĐT BXH-TCGDNN ngày 24/5/2021 của Bộ LĐT BXH về việc tăng cường chỉ đạo tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh các trình độ GDNN năm 2021.

Công văn số 1796/TCGDNN-ĐTCCQ ngày 16/8/2021 của Tổng cục GDNN hướng dẫn về công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 còn kéo dài, trong đó đề nghị các cơ sở GDNN tiếp tục tăng cường ứng dụng CNTT, mạng xã hội và các kênh thông tin trực tuyến, các kênh phát thanh, truyền hình trung ương, địa phương trong công tác thông tin, tư vấn và thực hiện tuyển sinh và tổ chức đào tạo bằng các hình thức trực tuyến.

Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ TC, trình độ CĐ, đã mở rộng thêm đối tượng tuyển sinh trình độ CĐ là người chỉ cần có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông để tăng thêm cơ hội tuyển sinh cũng như cơ hội học tập cho người học; việc tổ chức Ngày Hội tư vấn tuyển sinh GDNN và công tác quản lý thông tin, báo cáo kết quả tuyển sinh của các cơ sở GDNN, các địa phương định kỳ, trực tuyến (thực hiện trên trang báo cáo trực tuyến).

Công văn số 2036/TCGDNN-ĐTCQ ngày 16/9/2021 của Tổng cục GDNN về việc tổ chức thi tốt nghiệp trình độ TC, CĐ bằng hình thức trực tuyến, qua đó hướng dẫn các cơ sở GDNN được tổ chức thi kết thúc mô đun, môn học và thi tốt nghiệp trình độ TC, trình độ CĐ bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

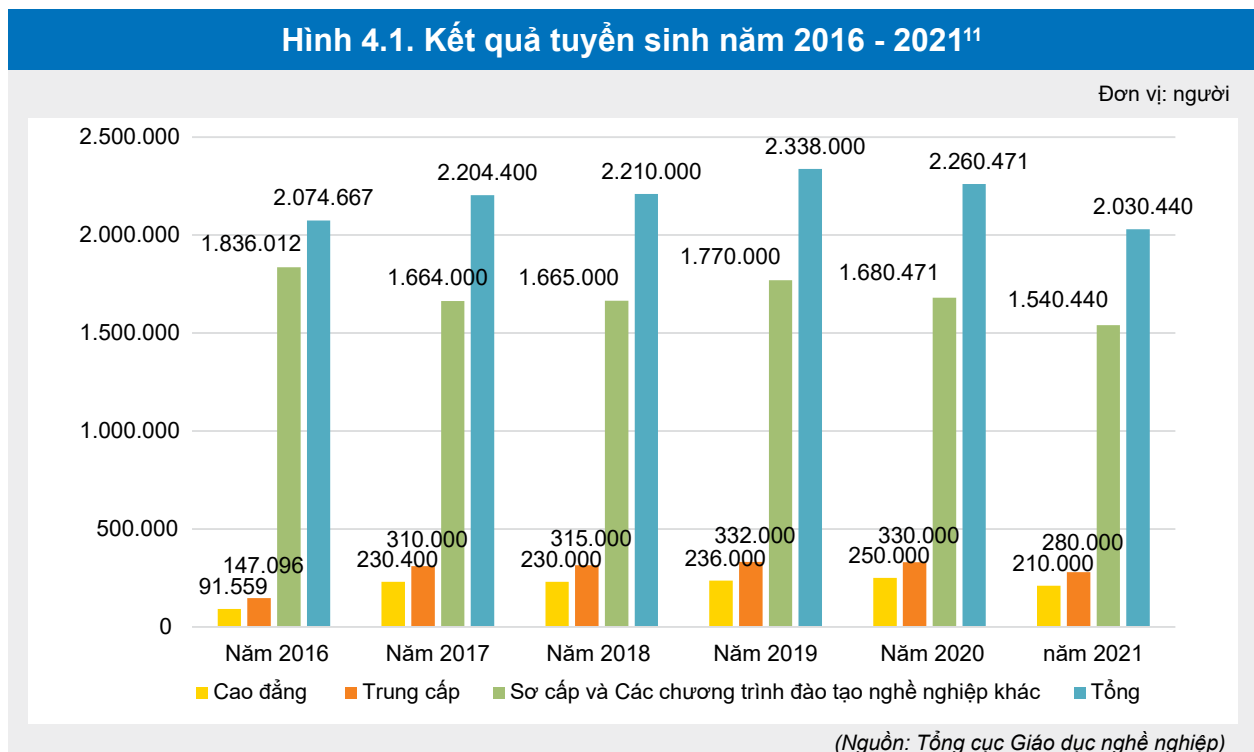
Công văn số 2241/TCGDNN-VP ngày 14/10/2021 của Tổng cục GDNN về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp nhằm góp phần quảng bá hình ảnh về GDNN.

Công văn số 22/TCGDNN-ĐTCQ ngày 10/01/2022 của Tổng cục GDNN về việc tăng cường tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh đối tượng bộ đội xuất ngũ.

4.1.3. Kết quả tuyển sinh

Kết quả tuyển sinh tính đến ngày 31/12/2021 của cả nước là 2.030.440 người người đạt 85% kế hoạch đề ra, trong đó tuyển sinh trình độ CĐ khoảng 210.000 người, chiếm 10,3% so với tổng số tuyển sinh, đạt 81% kế hoạch; trình độ TC 280.000 người chiếm 13,8% so với tổng số tuyển sinh, đạt 82% kế hoạch; trình độ SC và các chương trình nghề nghiệp khác 1.540.440 người chiếm 75.9% so với tổng số tuyển sinh trong GDNN năm 2021, đạt 91% kế hoạch (Hình 4.1).

Hình 4.1. Kết quả tuyển sinh năm 2016 - 2021¹¹



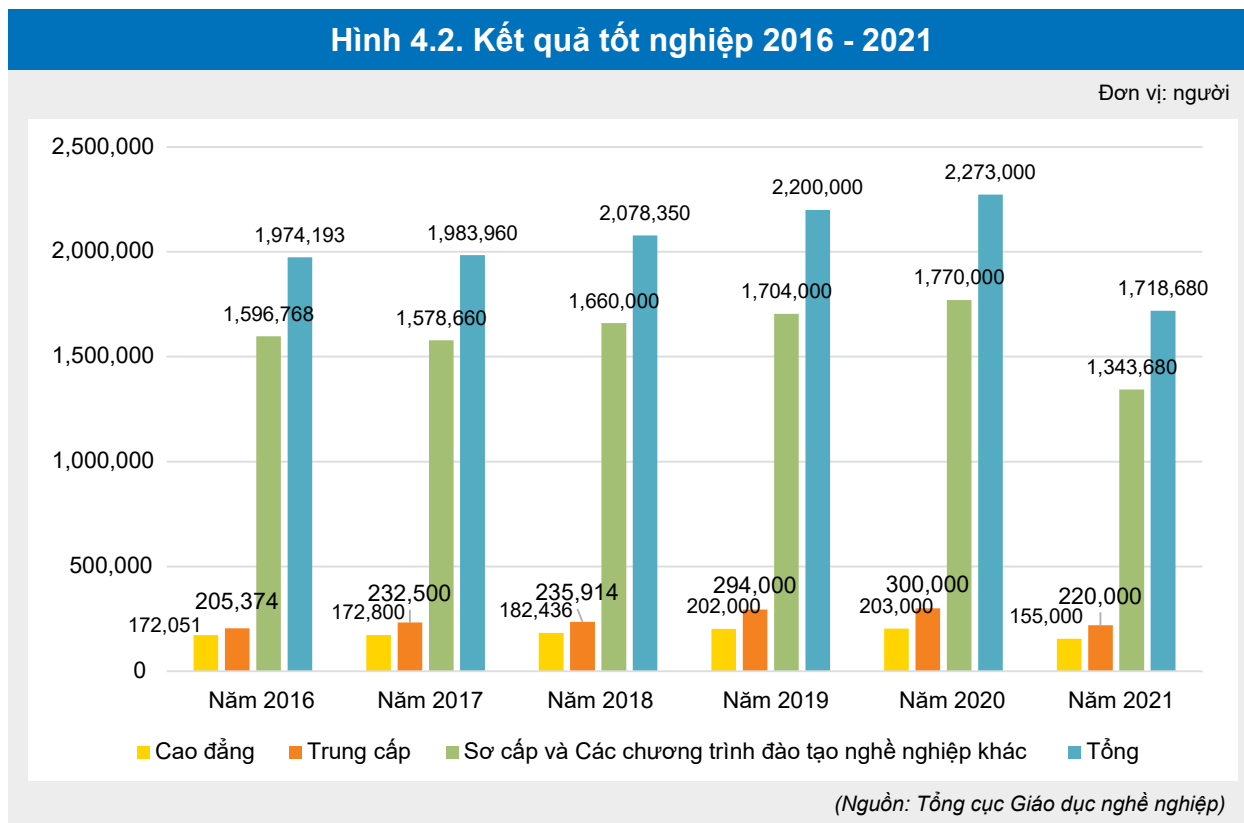
¹¹ Số liệu theo từng năm đã được cập nhật từ Báo cáo GDNN Việt Nam 2020

4.2. Tốt nghiệp

Kết quả tốt nghiệp năm 2021 là 1.718.680 người, trong đó trình độ CĐ là 155.000 người, chiếm 9%; trình độ TC là 220.000

người, chiếm 12.8%; trình độ SC và các chương trình GDNN khác là 1.343.680 người, chiếm 78,2% trên tổng số tốt nghiệp (Hình 4.2)

Hình 4.2. Kết quả tốt nghiệp 2016 - 2021



Kết luận

Hoạt động tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh của các trường vẫn chủ yếu được thực hiện theo các hình thức trực tuyến và kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp để ứng phó với tình hình dịch bệnh COVID-19. Hầu hết các trường đã chủ động triệt để khai thác các ứng dụng CNTT, các công cụ truyền thông và mạng xã hội vào công tác tuyển sinh, tư vấn và làm công tác tuyển sinh như: Thiết lập các chuyên trang về tuyển sinh của trường trên các trang mạng xã hội (facebook, twitter, viber, zalo,) hoặc trên các website của trường để thực hiện công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh

online; nhiều trường đã thiết lập công cụ live chat trên website của trường hoặc hệ thống hotline để hỗ trợ người học trong công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh; nhiều trường đã xây dựng các ấn phẩm truyền thông số (sách, cẩm nang, thông tin, tranh ảnh, tài liệu....).

Hình thức tuyển sinh trực tuyến phần nào cũng gặp khó khăn do một bộ phận người học chưa quen với các phương tiện, công cụ làm việc online, hoặc do thiếu các điều kiện hỗ trợ kỹ thuật, nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế còn khó khăn, các khu vực có hạ tầng kỹ thuật internet còn hạn chế dẫn

đến khó khăn cho việc tiếp cận thông tin trong khi các trường không thể đến tư vấn tuyển sinh trực tiếp.

Khuyến nghị

Trong điều kiện hiện nay, cần tăng cường ứng dụng CNTT, công nghệ số, mạng internet và các kênh thông tin trực tuyến; khai thác triệt để ứng dụng “Chọn nghề” trên thiết bị di động, trang thông tin tuyển sinh GDNN (có địa chỉ tại <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn>); website của nhà trường; thực hiện việc xét tuyển và thông báo kết quả trúng tuyển trên các website của trường hoặc thông qua các thiết bị di động.

Số hóa tài liệu tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh theo hướng chuyên nghiệp; xây dựng các cẩm nang nghề nghiệp điện tử ở những ngành, nghề mà trường đào tạo để phát hành trên các nền tảng số để dễ dàng tiếp cận đến các đối tượng, gây được sự quan tâm, chú ý của học sinh, người dân.

Đẩy mạnh việc tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh GDNN tại các địa phương, cơ sở GDNN theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTĐ ngày 07/7/2021 theo mô hình Sở LĐTĐ kết hợp với Đoàn thanh niên và các cơ sở GDNN, các trường trung học cơ sở (THCS), THPT.

CHƯƠNG 5

NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng mạnh mẽ đến lĩnh vực GDNN nói chung và hoạt động quản lý, giảng dạy tại các cơ sở GDNN nói riêng. Được xác định là nhân tố quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề, nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, năm 2021, chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL GDNN tiếp tục được chuẩn hóa, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Chương 5 đề cập đến những thay đổi về số lượng, thực trạng đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo và CBQL GDNN cũng như một số khó khăn trong công tác tổ chức đào tạo bồi dưỡng do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

5.1. Đội ngũ nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

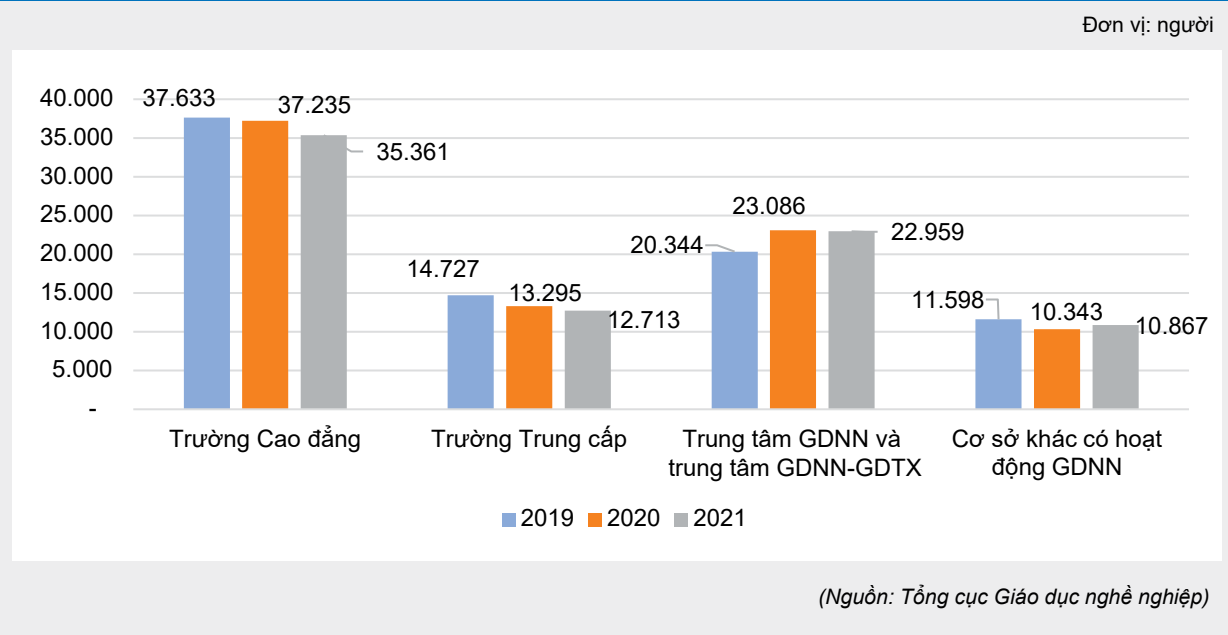
Năm nay là năm thứ 2 các cơ sở GDNN phải chuyển đổi hình thức giảng dạy bằng phương pháp giảng dạy trực tuyến (online) thay thế cho trực tiếp tại lớp. Nhiều cơ sở GDNN đã bước đầu trang bị CSVC, áp dụng công nghệ và học liệu số trong việc dạy học. Tuy nhiên, số lượng này còn vẫn còn thấp. Đồng thời đối với nhà giáo, phần lớn đều xem dạy học trực tuyến vẫn là hình thức dạy học mới và chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, nên gặp nhiều lúng túng khi thực hiện. Khả năng ứng dụng CNTT và khai thác các nền tảng công nghệ số trong dạy học trực tuyến của nhà giáo còn nhiều hạn chế. Phần lớn nhà giáo còn gặp nhiều khó khăn trong lựa chọn và xây dựng học liệu số, tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá trong môi trường dạy học trực tuyến.

5.1.1. Số lượng và cơ cấu

Về số lượng: Tính đến 31/12/2021, tổng số nhà giáo trong các cơ sở hoạt động GDNN là 81.900 người (giảm 2.402 người so với năm 2019 và giảm 2.059 người so với năm 2020). Trong đó, số nhà giáo tại các trường CĐ là: 35.361 người (chiếm tỷ lệ 43,18%), TC là 12.713 người (chiếm tỷ lệ 15,52%), trung tâm GDNN và trung tâm GDNN-GDTX là 22.959 người (chiếm tỷ lệ 28,03%), cơ sở khác có hoạt động GDNN 10.867 người (chiếm tỷ lệ 13,27%) (Hình 5.1).

Số lượng nhà giáo trong biên chế và nhà giáo hợp đồng giảng dạy từ một năm trở lên có tỉ lệ xấp xỉ bằng nhau, cụ thể: Nhà giáo trong biên chế là 41.079 người (chiếm tỷ lệ 50,16 %), nhà giáo hợp đồng từ một năm trở lên là 40.821 người (chiếm tỷ lệ 49,84%).

Hình 5.1. Đội ngũ nhà giáo tại các cơ sở hoạt động GDNN từ năm 2019 - 2021



Hình 5.1 cho thấy trong giai đoạn từ 2019 - 2021 số lượng nhà giáo tại các trường CĐ, trường TC đều có xu hướng giảm dần theo từng năm, số lượng nhà giáo trung tâm GDNN và trung tâm GDNN - GDTX năm 2021 cũng giảm so với năm 2020, cụ thể:

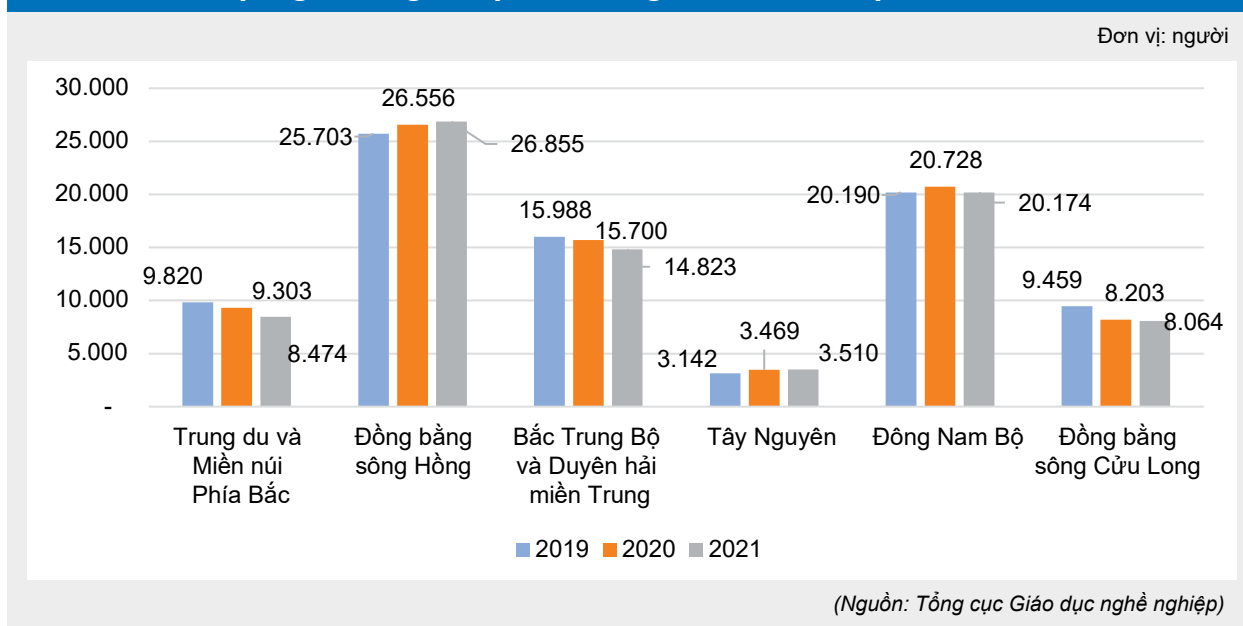
- Số lượng nhà giáo trong trường CĐ năm 2021 giảm so với năm 2019, 2020 lần lượt là 2.272 người (giảm 6,03%); 1.874 người (giảm 5,03%).
- Số lượng nhà giáo trong trường TC năm 2021 giảm so với năm 2019, 2020 lần lượt là: 2.014 người (giảm 13,67%); 582 người (giảm 4,37%).
- Số lượng nhà giáo trong trung tâm GDNN và trung tâm GDNN - GDTX năm 2021 giảm so với năm 2020 là 127 người (giảm 0,55%).

- Ngược với xu hướng ở các trường CĐ, TC, trung tâm GDNN và trung tâm GDNN - GDTX, số lượng nhà giáo của cơ sở khác có hoạt động GDNN năm 2021 lại tăng hơn so với năm 2020 là 433 người.

Đội ngũ nhà giáo chia theo vùng kinh tế - xã hội

Năm 2021 vùng Đồng bằng sông Hồng có số lượng nhà giáo nhiều nhất là 26.855 người, chiếm tỷ lệ 32,78%, tiếp đến là vùng Đông Nam Bộ có 20.174 người, chiếm tỷ lệ 24,63%, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có 14.823 người, chiếm tỷ lệ là 18,1%. Tây Nguyên là vùng có số lượng đội ngũ nhà giáo ít nhất cả nước với 3.510 người, chiếm 4,28%.

Hình 5.2. Đội ngũ nhà giáo tại các vùng kinh tế - xã hội từ năm 2019 - 2021



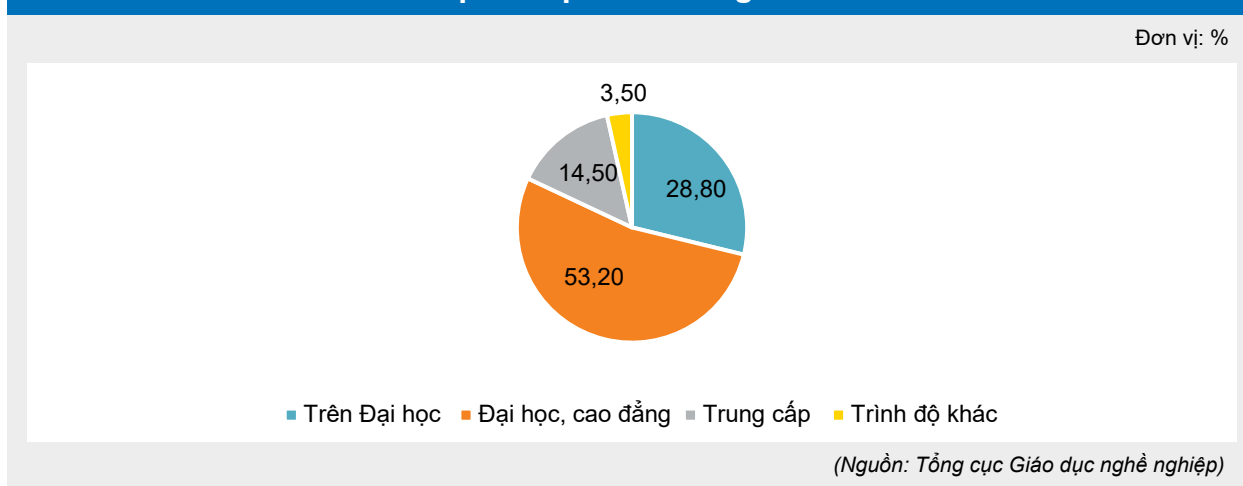
Hình 5.2 cho thấy số lượng nhà giáo trong các năm từ 2019 - 2021 đều có xu hướng giảm tại ba vùng, đó là: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc; vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Ngược lại, có 2 vùng lại có số lượng nhà giáo tăng trong giai đoạn từ năm 2019 - 2021, đó là: Vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Tây Nguyên.

5.1.2. Chất lượng đội ngũ nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp

Về trình độ đào tạo:

Tính đến tháng 12/2021, 100% nhà giáo đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó: số nhà giáo có trình độ trên đại học là 23.591 người (chiếm tỷ lệ 28,8%), nhà giáo có trình độ đại học, CĐ 43.565 người (chiếm tỷ lệ 53.2%); nhà giáo có trình độ TC là 11.886 người (chiếm 14.5%) và nhà giáo có trình độ khác (nghệ nhân, công nhân kỹ thuật...) là 2.858 người (chiếm tỷ lệ 3.5 %) (Hình 5.3).

Hình 5.3. Trình độ đào tạo của nhà giáo GDNN năm 2021



Đào tạo bồi dưỡng nhà giáo GDNN

Năm 2021, công tác đào tạo bồi dưỡng chuẩn hóa và phát triển đội ngũ nhà giáo tiếp tục được quan tâm, các cơ sở GDNN luôn tạo điều kiện để nhà giáo được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm... Tuy nhiên trước sự ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch COVID-19, công tác đào tạo bồi dưỡng được tổ chức với số lượng còn hạn chế và chủ yếu diễn ra dưới hình thức trực tuyến.

Tổng cục GDNN phối hợp với Tổ chức Hợp tác quốc tế (GIZ) tổ chức 10 lớp bồi dưỡng “Nâng cao năng lực giảng dạy số trong GDNN” theo hình thức trực tuyến cho 220 nhà giáo và người đào tạo là người của doanh nghiệp. Đồng thời phối hợp với Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho 370 nhà giáo và CBQL về phương pháp phát triển chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực; ứng dụng tiếp cận năng lực trong GDNN.

5.2. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

Năm 2021, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho khoảng 200 cán bộ, công chức, viên chức của Tổng cục GDNN. Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN cho 400 cán bộ thuộc các cơ sở GDNN.

Kết luận

+ Tính đến 31/12/2021, tổng số nhà giáo trong các cơ sở GDNN là 81.900 người, trong đó: số nhà giáo tại các trường CĐ là: 35.361 người (chiếm tỷ lệ 43,18%), TC là 12.713 người (chiếm tỷ lệ 15,52%), trung

tâm GDNN và trung tâm GDNN - GDTX 22.959 người (chiếm tỷ lệ 28.03%), cơ sở khác có hoạt động GDNN 10.867 người (chiếm tỷ lệ 13,27%).

+ Năm 2021, trước sự ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch COVID-19, công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, CBQL GDNN được tổ chức với số lượng còn hạn chế và chủ yếu diễn ra dưới hình thức trực tuyến.

+ Số lượng nhà giáo được bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng phát triển chương trình, giáo trình, đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài nhằm đáp ứng được yêu cầu giảng dạy các chương trình nhận chuyển giao còn hạn chế.

Khuyến nghị

+ Để phát triển đội ngũ nhà giáo GDNN cần tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo GDNN. Tổ chức, sắp xếp hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo GDNN theo hướng phân bổ hợp lý theo vùng, miền, đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ nhà giáo. Thực hiện công nhận kỹ năng, trình độ đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ ở ngành, nghề khác chuyển sang làm giảng viên trong các trường CĐ.

+ Hoàn thiện các chuẩn và chuẩn hóa nhà giáo, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghề nghiệp trong kỹ nguyên số, phương pháp dạy học hiện đại, tích hợp các kỹ năng chuyên môn với kỹ năng mềm, kỹ năng số, thích ứng với điều kiện cuộc CMCN 4.0. Xây dựng và triển khai chế độ định kỳ bồi dưỡng

năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo.

+ Đối với CBQL GDNN, năm 2020 mới chỉ có chưa đến 50% được đào tạo nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN. Năm 2021, mặc dù công tác này tiếp tục được chú trọng, tuy nhiên với số lượng mới có khoảng 600 CBQL được tham gia đào tạo bồi dưỡng cho thấy chưa tạo ra được sự thay đổi rõ rệt so với năm 2020 nói riêng và so với tổng

số CBQL nói chung. Vì vậy để phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL GDNN thì cần tiếp tục đẩy mạnh công tác chuẩn hóa đội ngũ CBQL GDNN theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, nâng cao trình độ ngoại ngữ. Phát triển và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm định, thanh tra trong những năm tới.

CHƯƠNG 6

TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ VÀ ĐÁNH GIÁ, CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Hoạt động đánh giá, công nhận trình độ kỹ năng nghề có vai trò quan trọng trong việc chuẩn hóa kỹ năng nghề của LLLĐ tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, đồng thời đóng góp cho việc bảo đảm sự công bằng và tính linh hoạt trong tiếp cận, tham gia giáo dục, đào tạo phù hợp với mọi hoàn cảnh, qua đó góp phần thúc đẩy học tập suốt đời của mỗi cá nhân để thích ứng với sự biến động của TTLĐ, nâng cao vị thế và có việc làm bền vững. Tiêu chuẩn KNNQG có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu của TTLĐ. Chương này sẽ phân tích, cung cấp thông tin liên quan đến kết quả triển khai thực hiện các nội dung về tiêu chuẩn kỹ năng nghề và đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG đến năm 2021.

6.1. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

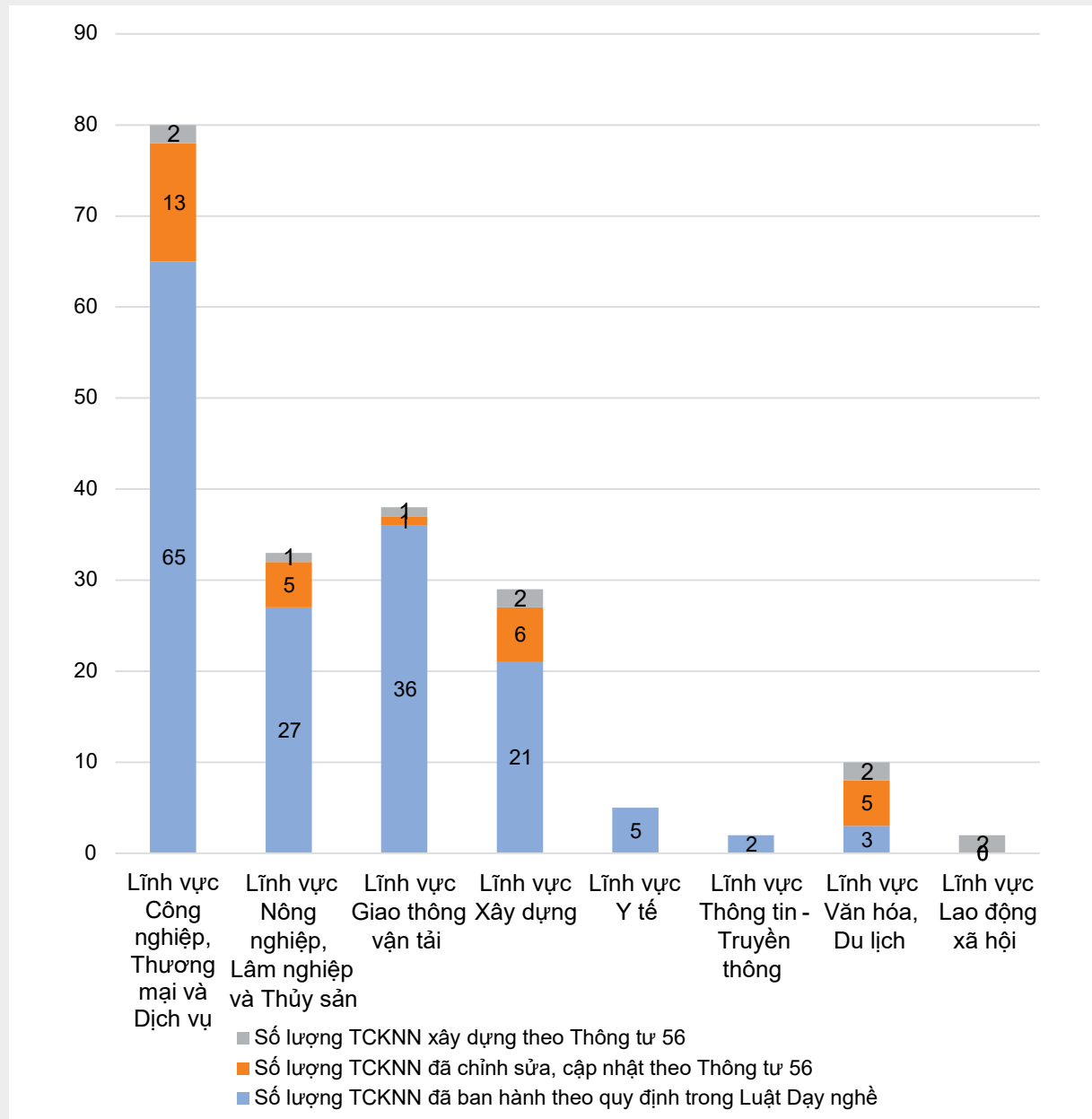
Việc xây dựng tiêu chuẩn KNNQG được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Việc làm năm 2013. Theo đó Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm chủ trì, xây dựng tiêu chuẩn KNNQG cho từng nghề thuộc lĩnh vực quản lý và đề nghị Bộ LĐTBXH thẩm định, công bố tiêu chuẩn KNNQG. Cách thức và quy trình xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn KNNQG được thực hiện theo quy định của Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2015 của Bộ LĐTBXH (sau đây gọi tắt là Thông tư 56).

Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch bệnh COVID-19, đồng thời các Bộ, ngành chưa huy động được nguồn kinh phí để thực hiện, vì vậy không có nghề nào được tổ chức xây dựng tiêu chuẩn KNNQG. Tính đến ngày 31/12/2021, có 199 nghề có tiêu chuẩn KNNQG được ban hành, công bố, trong đó có 40 tiêu chuẩn KNNQG được sửa đổi hoặc biên soạn mới theo quy định của Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH (10 tiêu chuẩn KNNQG được biên soạn mới), vẫn còn 159 nghề có tiêu chuẩn KNNQG được xây dựng theo quy định của Quyết định 09/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 27/3/2008, đã lạc hậu và chưa được cập nhật, bổ sung¹² (Hình 6.1).

¹² Số liệu năm 2021 có sự cập nhật so với số liệu đã công bố tại Báo cáo Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam năm 2020.

Hình 6.1. Số lượng tiêu chuẩn KNNQG đã được ban hành và cập nhật đến năm 2021 theo các lĩnh vực

Đơn vị tính: bộ tiêu chuẩn



(Nguồn: Vụ Kỹ năng nghề - Tổng cục GDNN)

Trong quá trình xây dựng, thẩm định tiêu chuẩn KNNQG đều có đại diện doanh nghiệp tham gia, như: thành phần của các tổ giúp việc xây dựng tiêu chuẩn KNNQG tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH, trong đó, thành phần đại diện của người sử dụng lao động, doanh nghiệp của nghề xây dựng tiêu

chuẩn có số lượng ít nhất bằng 1/2 tổng số thành viên trở lên. Việc xin ý kiến các chuyên gia đến từ doanh nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực nghề nghiệp liên quan là bắt buộc. Hội đồng thẩm định tiêu chuẩn KNNQG do Bộ LĐTBXH thành lập trong đó thành viên hội đồng đến từ doanh nghiệp sử dụng lao động trong nghề, thành phần

chiếm ít nhất là 1/3 số lượng thành viên. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn có khảo sát tại doanh nghiệp nhằm điều tra về tình hình sử dụng và phân công lao động đối với nghề khảo sát.

6.2. Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

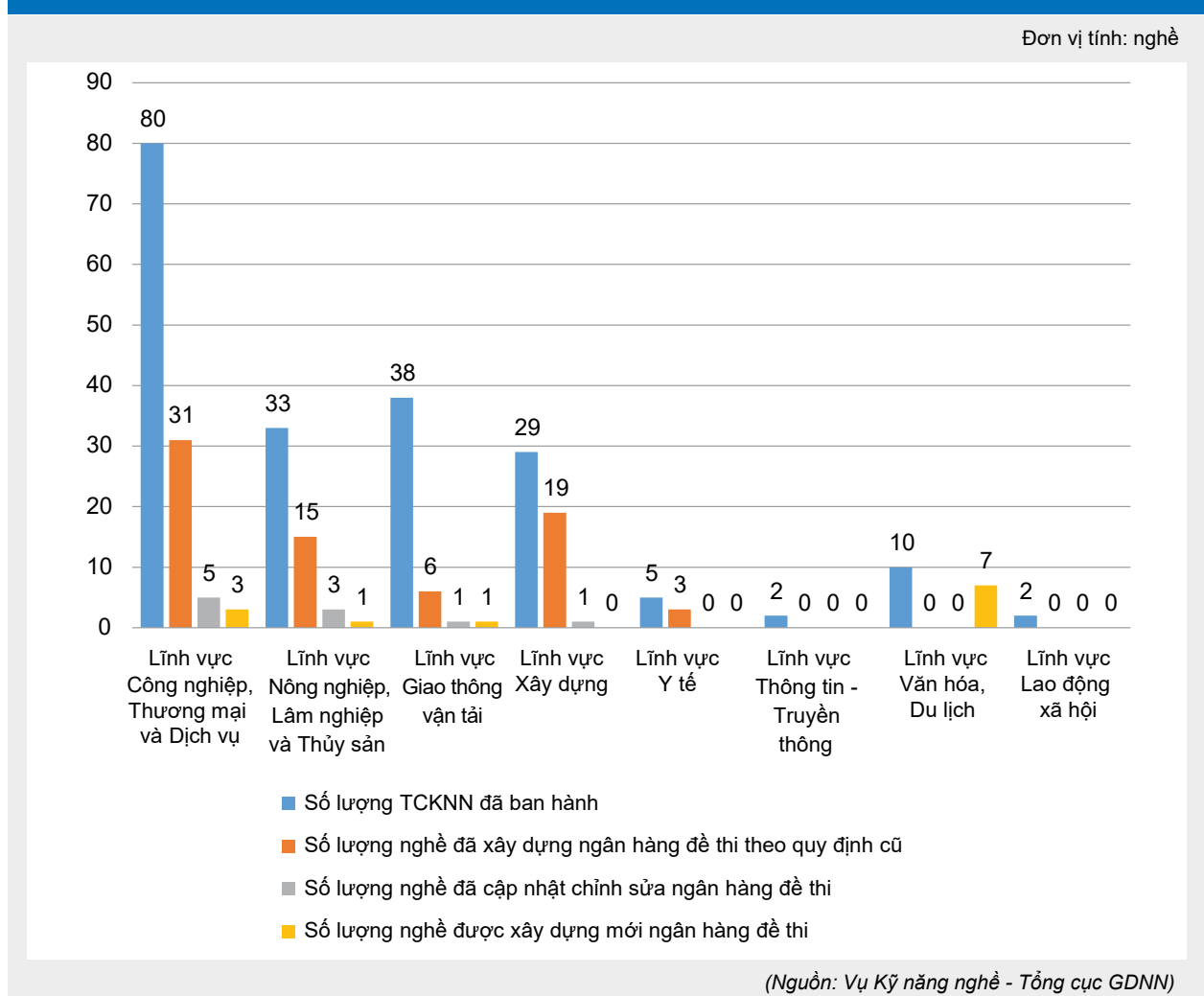
6.2.1. Biên soạn đề thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

Từ năm 2020, việc biên soạn, quản lý và thiết lập ngân hàng đề thi đánh giá KNNQG của người lao động thực hiện theo quy định tại Quyết định số 309/QĐ-

TCGDNN ngày 29/5/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN.

Năm 2021, không có nghề nào được biên soạn ngân hàng đề thi đánh giá KNNQG một phần do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 và thiếu nguồn kinh phí. Tính đến ngày 31/12/2021, có 96 nghề đã có ngân hàng đề thi đánh giá KNNQG, trong đó 12 nghề được xây dựng mới và 10 nghề được sửa đổi theo quy định của Luật Việc làm, còn 74 nghề được xây dựng theo quy định của Luật Dạy nghề, đến nay chưa được cập nhật sửa đổi, bổ sung, cụ thể xem hình 6.2¹³.

Hình 6.2. Kết quả biên soạn đề đánh giá KNNQG theo các lĩnh vực tính đến năm 2021



¹³ Số liệu đã có sự cập nhật hơn so với số liệu đã công bố trong Báo cáo Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam năm 2020

6.2.2. Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

Tổ chức được cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận) khi đáp ứng một số quy định của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018, gồm: quy định tại Điều 3 về điều kiện CSVN, trang thiết bị và nhân lực dự kiến thực hiện đánh giá; quy định tại Điều 6 về hồ sơ, thủ tục cấp; cấp lại; cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận; bên cạnh đó, nếu vi phạm các quy định tại Điều 8, các tổ chức đánh giá KNN sẽ bị tạm đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy chứng nhận.

Trong năm 2021, có 03 tổ chức đánh giá được cấp mới giấy chứng nhận (gồm CĐ Du lịch Đà Nẵng, CĐ Du lịch Nha Trang,

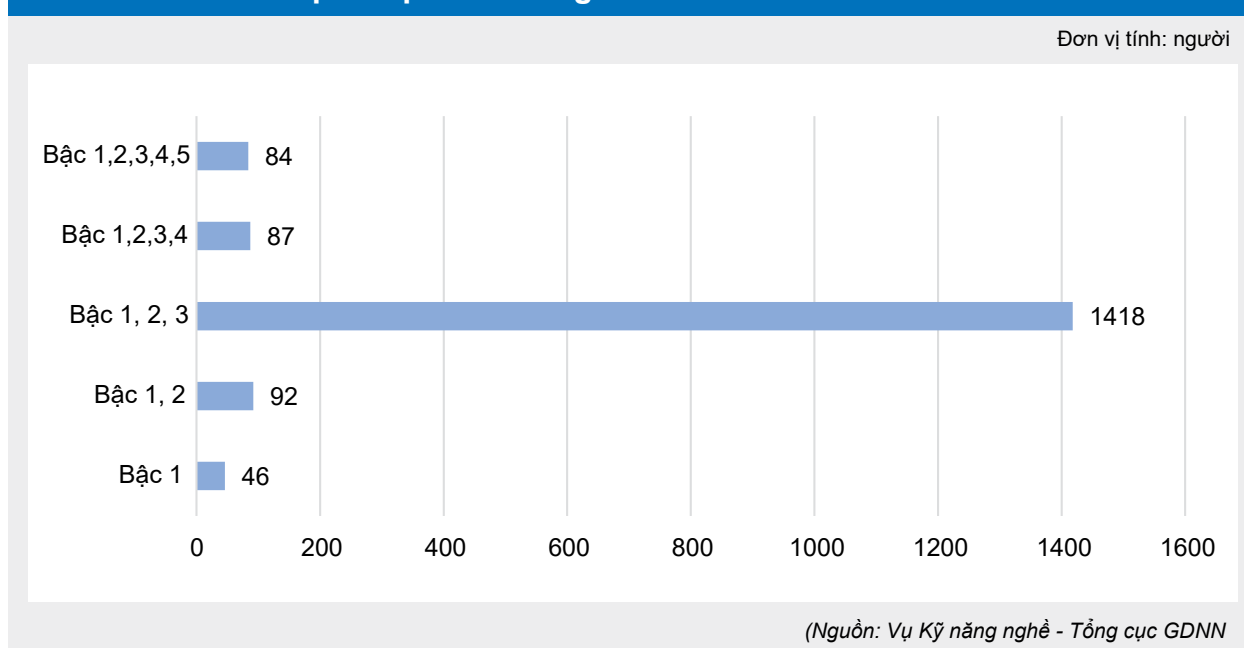
CĐ Kỹ thuật Cao Thắng), 04 tổ chức đánh giá được cấp bổ sung thêm nghề trong giấy chứng nhận. Tính đến 31/12/2021, có 52 tổ chức được cấp giấy chứng nhận.

6.2.3. Đào tạo, bồi dưỡng và cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia

Đánh giá viên là người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người lao động tham dự kỳ đánh giá KNNQG và được cấp thẻ đánh giá viên KNNQG. Người được cấp thẻ đánh giá viên KNNQG phải có đủ các điều kiện theo quy định¹⁴.

Trong năm 2021, không tổ chức đào tạo nghiệp vụ, cấp thẻ đánh giá viên KNNQG. Tính đến hết năm 2021 đã cấp thẻ đánh giá viên KNNQG cho 1.743 người ở 50 nghề. Kết quả cấp thẻ đánh giá viên tính đến hết năm 2021 như hình 6.3.

Hình 6.3. Kết quả cấp thẻ đánh giá viên KNNQG tính đến hết năm 2021



¹⁴ Các quy định cụ thể xem tại Điều 11 Mục 2, Nghị định số 31/NĐ-CP và Thông tư 19/2016/ TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ LĐTBXH

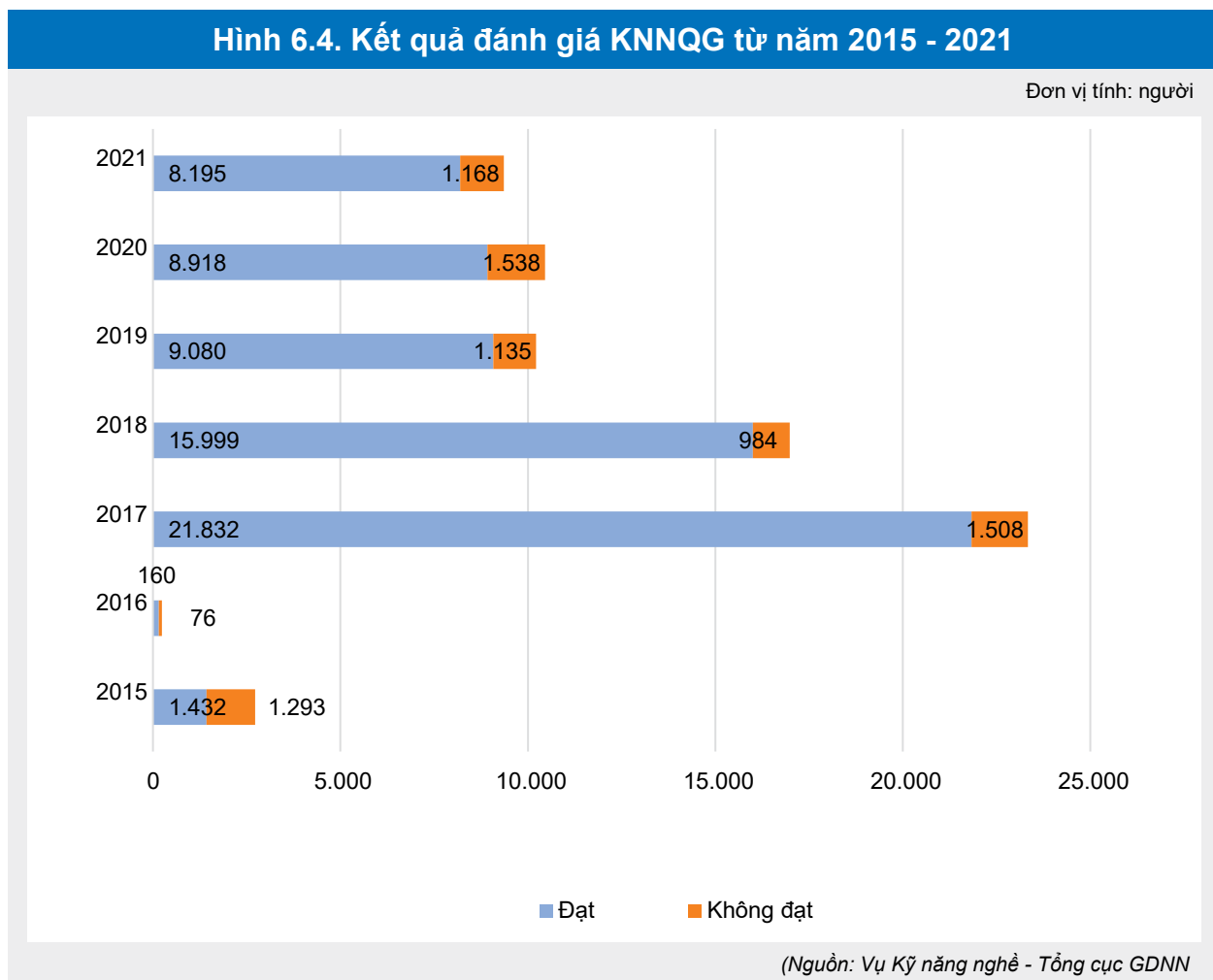
6.2.4. Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Chứng chỉ KNNQG là căn cứ cho người sử dụng lao động khi tuyển dụng, phân công công việc và trả lương phù hợp với bậc kỹ năng mà người lao động đạt được. Với người có chứng chỉ KNNQG sẽ được ưu tiên tuyển dụng lao động, trả lương và có cơ hội tham gia vào TTLĐ trong các nước ASEAN khi có sự thỏa thuận giữa các quốc gia. Hiện nay, tùy theo năng lực, trình độ của mình, người lao động có thể đăng ký đánh giá KNNQG theo các bậc từ 1 - 5 ^[15].

Hiện nay, các văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết để tổ chức thực hiện công tác đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG và xây dựng các bộ tiêu chuẩn KNNQG, ngân hàng câu hỏi thi cơ bản được hoàn thiện và được cập nhật, bổ sung thường xuyên.

Trong năm 2021, tổ chức đánh giá KNNQG bậc 1 đến bậc 3 cho 9.363 lao động, cấp chứng chỉ KNNQG cho 8.195 lao động đạt yêu cầu, tỷ lệ đạt là 87.5%, trong đó: bậc 1 có 7.998 người tham gia đánh giá với 6.695 người đạt yêu cầu; bậc 2 có 1.080 người tham gia với 984 người đạt yêu cầu; bậc 3 có 558 người tham gia với 516 người đạt yêu cầu, cụ thể xem hình 6.4.

Hình 6.4. Kết quả đánh giá KNNQG từ năm 2015 - 2021



¹⁵ Mô tả chi tiết từng bậc KNNQG xem cụ thể tại Thông tư số 56/2015/TT ngày 24/12/2015 của Bộ LĐTBXH và điều kiện tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG xem tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trong năm 2021, nên khó khăn trong việc tổ chức đánh giá KNNQG, bên cạnh đó, người lao động mất việc làm, doanh nghiệp đóng cửa đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác quảng bá và tuyển sinh tham gia đánh giá KNNQG. Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0, xu hướng tự động hóa, điện tử hóa, số hóa trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tác động của hội nhập quốc tế đòi hỏi việc tổ chức đánh giá cần phải đổi mới để đáp ứng xu hướng mới, do đó rất cần nguồn kinh phí hỗ trợ từ NSNN và sự huy động từ nguồn xã hội hóa.

6.2.5. Thi kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2021

6.2.5.1. Mục đích

- Tôn vinh LLLĐ có KNN cao theo khung trình độ KNNQG và tiệm cận được với chuẩn KNN quốc tế; thúc đẩy LLLĐ có KNN theo kịp được với xu thế phát triển của hoạt động sản xuất, kinh doanh và khoa học công nghệ tiên tiến ở thời kỳ mới; tạo phong trào thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng tại các doanh nghiệp và góp phần thực hiện học tập suốt đời, liên tục cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo tại cơ sở GDNN. Từ đó góp phần nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ góp phần tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Tăng cường hợp tác giữa các bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hiệp hội nghề nghiệp, tập đoàn và doanh nghiệp trong lĩnh vực GDNN, đào tạo và phát triển kỹ năng; thúc đẩy phát triển KNN và GDNN, đào tạo gắn với ngành

sản xuất công nghiệp, dịch vụ và gắn với việc chuẩn hóa chất lượng lao động, đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

- Tuyển chọn thí sinh có năng lực tham gia đội tuyển quốc gia để huấn luyện chuẩn bị tham dự kỳ thi KNN Châu Á lần thứ 2 và thế giới lần thứ 46, qua đó tăng cường hội nhập quốc tế, góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng về phát triển KNN và GDNN.

6.2.5.2. Thông điệp và khẩu hiệu của kỳ thi

Thông điệp của kỳ thi: “Nâng cao nội lực, sức mạnh nội sinh bằng sức mạnh của kỹ năng nghề” - “Enhancing national force, endogenous strength with the power of skills”.

Khẩu hiệu: “Kỹ năng nghề, kiến tạo tương lai”; “Kỹ năng nghề, Tương lai của chúng ta”; “Kỹ năng nghề để có cuộc sống tốt đẹp hơn”; “Kỹ năng nghề cho tương lai tươi sáng hơn”; “Kỹ năng nghề, nền tảng của cuộc sống hiện tại”; “Cải thiện quốc gia, bằng sức mạnh của kỹ năng nghề”.

6.2.5.3. Sự tham gia của các đoàn dự thi

Có 164 thí sinh đăng ký dự thi đến từ 26 đoàn dự thi trên cả nước đã tham dự thi ở 14 nghề, trong đó có 11 nghề thi trực tuyến và 03 trực tiếp từ ngày 02/12 đến ngày 12/12/2021. Trong đó có 149 thí sinh nam và 15 thí sinh nữ; độ tuổi được phổ rộng trẻ nhất sinh năm 2005 (16 tuổi) và lớn tuổi nhất sinh năm 1972 (49 tuổi). Số lượng thí sinh dự thi là HSSV là 117 thí sinh; nhà giáo là 14 thí sinh; người lao động đến từ các công ty, tập đoàn, doanh nghiệp là 33 thí sinh.

6.2.5.5. Điểm mới nổi bật tại kỳ thi

(1) Đối tượng tham dự kỳ thi được mở rộng theo quy định của Bộ Luật Lao động năm 2019 và Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020¹⁶ bao gồm người lao động, người học, có độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi đang học tập và làm việc tại các cơ sở GDNN, giáo dục đại học, tập đoàn, doanh nghiệp.

(2) Tổ chức những nghề mà kỳ thi KNN thế giới chưa tổ chức như nghề Công nghiệp 4.0, Điện toán đám mây và Phát triển ứng dụng di động.

(3) Tổ chức những nghề xuất phát từ nhu cầu lao động lớn trong nước chưa tổ chức tại các kỳ thi KNN ASEAN và thế giới như Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò; Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò và Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò.

(4) Tổ chức kỳ thi trực tuyến; ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số, CNTT và siêu máy tính trong công tác tổ chức và giám sát tại kỳ thi.

(5) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại kỳ thi của lực lượng Công an mạng A05 và Cục An ninh chính trị nội bộ A03.

(6) Tiếp cận thành công tiêu chuẩn thi kỹ năng nghề của kỳ thi thế giới trong việc biên soạn bộ đề thi KNNQG lần thứ 12 năm 2021 về độ khó, độ phức tạp và thời gian làm bài thi kéo dài 03 ngày.

6.2.5.6. Kết quả kỳ thi và đánh giá công tác tổ chức kỳ thi

Kết quả

- Tổ chức thi thành công 11 nghề trực tuyến và 03 nghề trực tiếp một cách linh hoạt, thích ứng điều kiện thực tế, an toàn, an ninh, đảm bảo công bằng, khách quan, sáng tạo, hội nhập và không tổ chức các sự kiện bên lề, khai mạc, bế mạc.

- Kỳ thi đã thực hiện việc số hóa và chuyển đổi số đồng bộ các khâu từ tổ chức đến kỹ thuật kỳ thi, đặc biệt là công tác giám sát trực tuyến.

- Kỳ thi đã lựa chọn được 22 thí sinh đạt Chứng chỉ kỹ năng nghề xuất sắc; 22 thí sinh đạt huy chương đồng, 18 thí sinh đạt huy chương bạc, đặc biệt có 21 thí sinh đạt huy chương vàng và 03 đoàn có thành tích cao nhất (Hà Nội - 05 giải Vàng, 03 giải Bạc, 01 giải Đồng; Hiệp Hội GDNN và nghề công tác xã hội - 03 giải Vàng, 02 giải Bạc, 02 giải Đồng; tỉnh Vĩnh Long - 03 giải Vàng, 02 giải Bạc). Có 08/14 giáo viên đạt giải (03 giải Vàng và 05 giải Đồng); có 10/33 nhân viên, công nhân đạt giải (02 giải Vàng, 06 giải Bạc và 02 giải Đồng) đều là những nghề đặc thù về ngành mỏ.

Một số tác động từ kỳ thi cho hệ thống GDNN

- Là nền tảng, bài học thành công trong việc số hóa và chuyển đổi số trong công tác GDNN, phát triển KNN theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020¹⁷ và Quyết

¹⁶ Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

¹⁷ Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về việc phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"

định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2021¹⁸. Phát triển KNN cho người lao động và đánh giá cấp chứng chỉ KNNQG, tiến tới phát triển nhân lực số, lao động số cho phục hồi TTLĐ, an sinh xã hội sau đại dịch COVID -19 và CMCN 4.0.

- Hình thành đội ngũ, ngân hàng chuyên gia, nhà giáo có trình độ cao, tiệm cận trình độ khu vực và thế giới cho phát triển KNN và GDNN trong thời kỳ mới.
- Làm cơ sở để xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo tiệm cận theo tiêu chuẩn ASEAN và thế giới đặc biệt là khả năng hội nhập ngang tầm thế giới, kể cả các nước phát triển về đổi mới chương trình đào tạo phương pháp đánh giá KNN cho người học, người lao động theo phương pháp mới có ứng dụng số hóa và chuyển đổi số thời kỳ CMCN 4.0.
- Tạo tiền đề trong việc hội nhập quốc tế chủ động phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là chuẩn bị tham dự kỳ thi KNN thế giới lần thứ 46 năm 2022.

Kết luận

Năm 2021 do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, nhiều hoạt động bị đình trệ và ảnh hưởng, việc xây dựng mới, cập nhật tiêu chuẩn KNNQG, đào tạo cấp thẻ đánh giá viên KNNQG trong năm không được thực hiện. Hiện nay các Bộ, ngành chưa có nguồn kinh phí thường xuyên để triển khai xây dựng, cập nhật tiêu chuẩn KNNQG cho nghề thuộc lĩnh vực quản lý.

Tính đến năm 2021, tổng số người lao động tham gia đánh giá cấp chứng chỉ KNNQG là 78.713 người tại 51 nghề, trong đó có 68.245 người đạt. Việc đánh giá KNNQG cũng mới chỉ thực hiện ở bậc 1, 2, 3 mà chưa thực hiện đánh giá cho bậc 4, 5.

Năm 2021 không thực hiện đào tạo, cấp thẻ đánh giá viên KNNQG. Có 03 tổ chức đánh giá được cấp mới giấy chứng nhận, 04 tổ chức đánh giá được cấp bổ sung thêm nghề trong giấy chứng nhận, tổng số có 52 tổ chức được cấp giấy chứng nhận.

Trong bối cảnh CMCN 4.0, yêu cầu về số hóa, chuyển đổi số trong công tác đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG ngày càng quan trọng và cấp thiết.

Khuyến nghị

Để hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG hoạt động hiệu quả, chất lượng hơn và đi vào thực tiễn hơn, thì cần phải thực hiện một số nội dung sau:

- (1) Việc xây dựng tiêu chuẩn năng lực quốc gia/ tiêu chuẩn kỹ năng cần bảo đảm các yêu cầu sau: (i) Là thước đo làm cơ sở định hướng phát triển, chuẩn hóa, đo lường KNN của người lao động, là cơ sở thiết kế chương trình đào tạo, phát triển kỹ năng nghề; (ii) Có sự tham gia của doanh nghiệp, ngành công nghiệp; (iii) Cấu trúc xây dựng khoa học, chặt chẽ, logic đảm bảo công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ áp dụng, dễ thực hiện cho người lao động, cho doanh nghiệp, cho quá trình giáo dục - đào tạo

¹⁸ Quyết định 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 về việc ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến năm 2030.

(2) Đẩy mạnh sự tham gia, phối hợp của doanh nghiệp, đại diện ngành vào hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG, như: tham gia xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề, bài đánh giá KNN, tổ chức đánh giá KNN cho người lao động...; bảo đảm kết quả đánh giá KNN là chính xác, công bằng, tin cậy tạo niềm tin đối với doanh nghiệp để sử dụng, tuyển dụng, trả tiền công, tiền lương cho người lao động dựa vào kết quả đánh giá KNN.

(3) Cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kỹ năng của LLLĐ quốc gia phục vụ công tác dự báo nhu cầu kỹ năng tương lai, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng chương trình học tập suốt đời để nâng cao trình độ kỹ năng cho người lao động, nhất là lao động chất lượng cao.

(4) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các quy định của pháp luật theo hướng tăng cường quản lý nhà nước về đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và tổ chức thực hiện nghiêm túc, tin cậy trong hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG một cách phù hợp, đồng bộ, thống nhất hệ thống pháp luật với việc đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG. Tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của chứng chỉ KNNQG, đảm bảo quyền và lợi ích đầy đủ của người lao động có chứng chỉ KNNQG. Cần sớm quy định chính sách khuyến khích việc công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho người lao động dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề; tuyển dụng, sử dụng người lao động đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ KNNQG.

(5) Ứng dụng mạnh mẽ CNTT, kỹ thuật số vào quản lý, triển khai, giám sát cũng như giải quyết các thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động phát triển KNN, đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG. Xây dựng website và các nền tảng dữ liệu về đánh giá KNNQG, trong đó cung cấp cụ thể các thông tin liên quan đến các tổ chức đánh giá KNN; quy trình, thủ tục về đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG; danh sách người được cấp hoặc bị thu hồi thẻ đánh giá viên KNNQG; danh sách người được cấp hoặc bị thu hồi chứng chỉ KNNQG để thuận tiện cho việc tra cứu, kiểm tra, giám sát. Bên cạnh đó cơ sở dữ liệu cũng lưu trữ những thông tin quan trọng về các hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG để tra cứu khi cần thiết.

(6) Việc xây dựng, thiết kế nội dung, chương trình đào tạo cần dựa trên tiêu chuẩn KNNQG¹⁹ hoặc tiêu chuẩn năng lực quốc gia, một mặt nhằm gắn kết giáo dục đào tạo với nhu cầu của TTLĐ, doanh nghiệp; định hướng, tạo con đường cho việc tích lũy, nâng cao trình độ KNN, tiếp cận các bậc trình độ KNN và đẩy mạnh đào tạo thường xuyên phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của người lao động theo hướng nâng cao trình độ kỹ năng và năng lực hành nghề theo yêu cầu của TTLĐ, nhất là trình độ kỹ năng bậc cao; mặt khác tiết kiệm, giảm chi phí, thời gian đào tạo và tăng hiệu quả của quá trình đào tạo.

(7) Để việc xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn KNNQG đi vào thực tiễn, hiệu quả cần đề nghị các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan

¹⁹ Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/2/2021 của Thủ tướng chính phủ về ban hành chương trình hỗ trợ phát triển TTLĐ đến năm 2030

thuộc Chính phủ chủ động phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH và các bộ, ngành, hiệp hội nghề nghiệp... thực hiện nghiêm túc Khoản 2 và 3 Điều 32 Luật Việc làm 2013, theo đó thực hiện đầy đủ trách nhiệm chủ trì xây dựng tiêu chuẩn KNNQG cho từng nghề thuộc lĩnh vực quản lý và đề nghị Bộ LĐTBXH thẩm định, công bố tiêu chuẩn KNNQG. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hằng năm thực hiện nghiêm túc Khoản 1 và 2 Điều 29 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP, về chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý xem xét, đề xuất thay đổi, loại bỏ, bổ sung công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn và sức khỏe của cá nhân người lao động và cộng đồng phải có chứng chỉ KNNQG gửi Bộ LĐTBXH để tổng hợp.

CHƯƠNG 7

BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng GDNN sẽ góp phần nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở GDNN, giúp nhà trường được công nhận, xếp hạng về chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo. Chương này cung cấp thông tin năm 2021 về thực trạng công tác KĐCL GDNN; đào tạo kiểm định viên chất lượng GDNN và việc xây dựng hệ thống BĐCL trong cơ sở GDNN.

7.1. Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

7.1.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN là bắt buộc đối với tất cả các cơ sở GDNN và các chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế của các trường CĐ, TC thuộc danh sách các trường được phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-LĐTĐBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025. Ngoài ra việc thực hiện tự đánh giá chất lượng đối với các chương trình đào tạo khác đang được triển khai tại cơ sở GDNN cũng được khuyến khích.

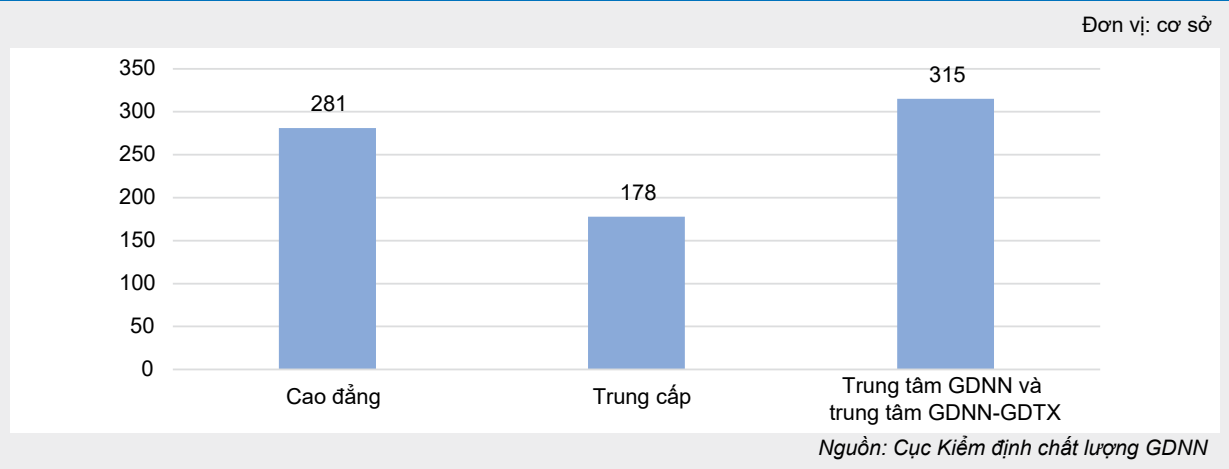
Trong năm nay, Tổng cục GDNN tiếp tục hướng dẫn tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN theo các tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng trong triển khai tự đánh giá theo

Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 và quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017.

Theo báo cáo tổng hợp từ các Sở LĐTBXH và báo cáo của các cơ sở GDNN, năm 2021 có 774 cơ sở GDNN trong tổng số 1.901 cơ sở GDNN trên toàn quốc thực hiện tự đánh giá và nộp báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN (chiếm 40,71% tổng số cơ sở GDNN).

Trong số các cơ sở GDNN nộp báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN có 281 trường CĐ (chiếm 69,38% tổng số trường CĐ), 178 trường TC (chiếm 40,63% tổng số trường TC), 315 trung tâm GDNN và Trung tâm GDNN-GDTX (chiếm 29,77% tổng số trung tâm GDNN và Trung tâm GDNN-GDTX) (Hình 7.1). Theo kết quả tự đánh giá, có 682 cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn KĐCL GDNN (chiếm 88,11% số cơ sở thực hiện tự đánh giá).

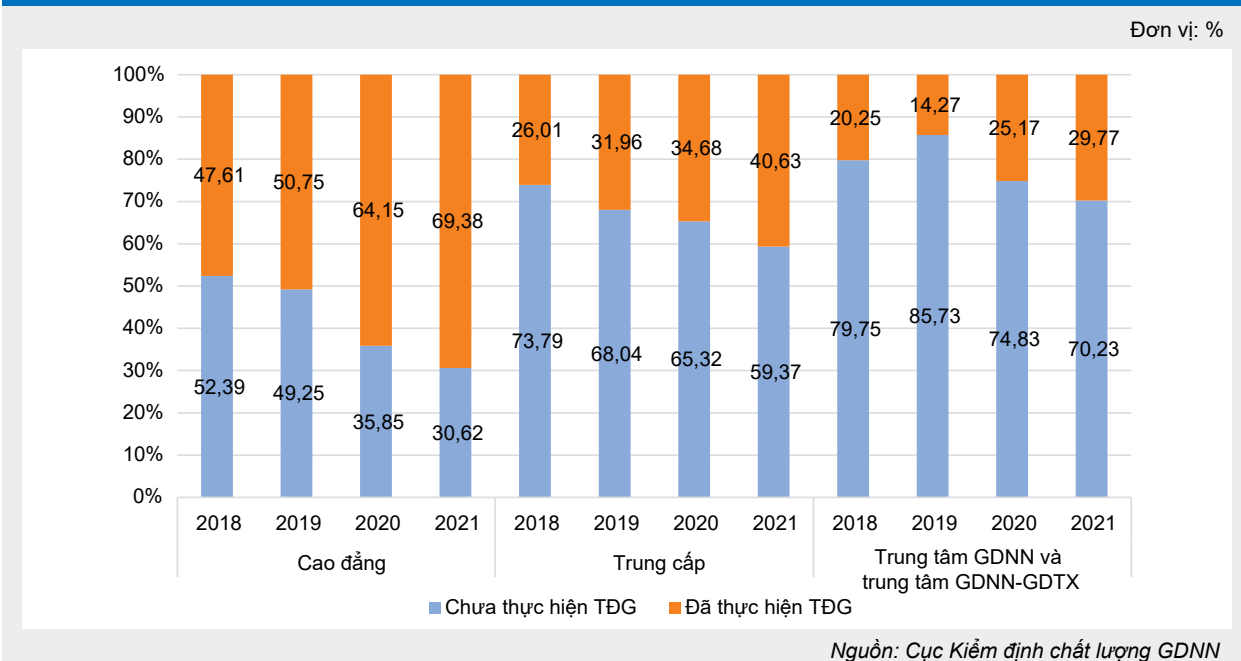
Hình 7.1. Số lượng cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2021



Nhìn chung, năm 2021 ghi nhận sự gia tăng mạnh về tỉ lệ các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN so với các năm trước đó. Tính chung trong giai đoạn 2018 - 2021, tỉ lệ các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá đều tăng qua các năm. Tuy vậy, các cơ sở GDNN chưa thực hiện tự đánh giá chất lượng vẫn còn chiếm tỉ lệ lớn trong tổng số các cơ sở GDNN trên toàn quốc, đặc biệt ở các trung tâm GDNN và trung tâm GDNN - GDTX, trường TC (Hình 7.2). Như vậy, so với Kế hoạch KĐCL

GDNN giai đoạn 2020 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 496/QĐ-LĐTĐ ngày 5/5/2020, để đạt được mục tiêu đến năm 2025 "có 90% trường CĐ, 80% trường TC và 60% trung tâm GDNN và trung tâm GDNN - GDTX thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở và báo cáo kết quả thực hiện", cần đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tăng cường trách nhiệm của các cơ sở GDNN và các cơ quan quản lý trực tiếp trong việc tổ chức, giám sát các hoạt động tự đánh giá chất lượng tại các cơ sở GDNN.

Hình 7.2. Tỉ lệ các cơ sở GDNN đã thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN 2018 - 2021



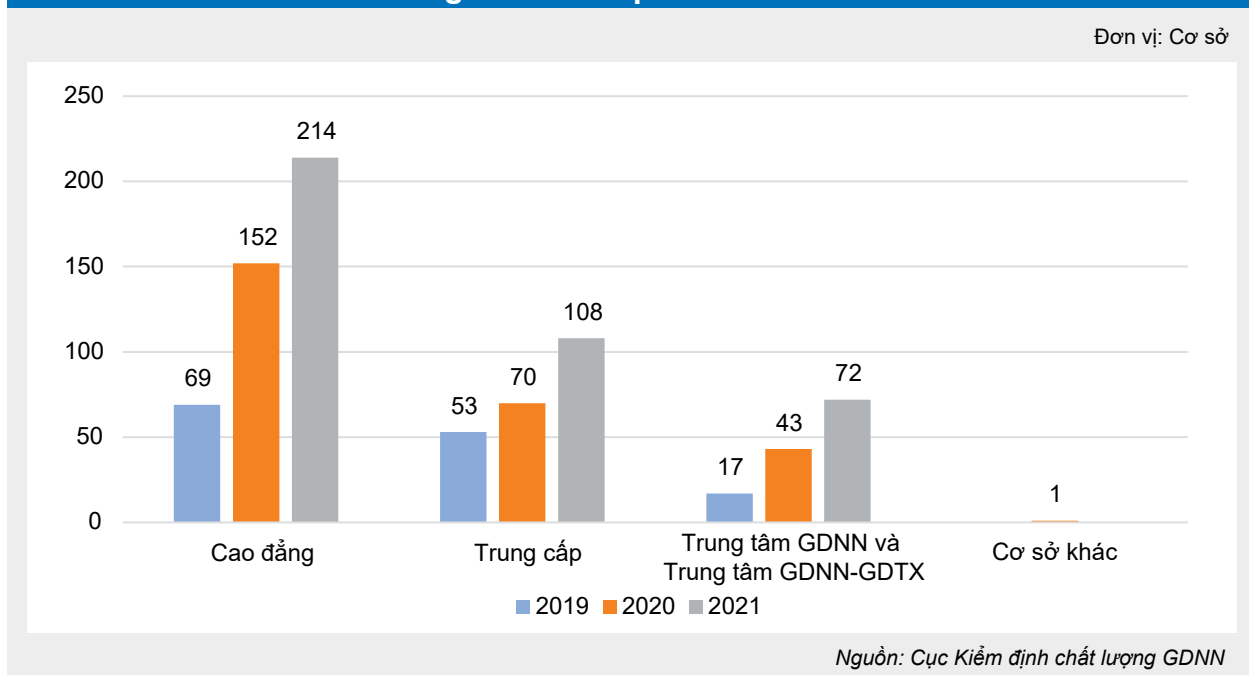
7.1.2. Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Năm 2021, có 394 cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trong đó có 214 trường CĐ, 108 trường TC, 72 trung tâm GDNN và trung tâm GDNN-GDTX. Tính chung, có tổng số 1.867 chương trình đào tạo các ngành, nghề đã được các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá. Kết quả tự đánh giá cho thấy, số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn KĐCL GDNN là 1.765

(chiếm 94,5% tổng số chương trình đào tạo thực hiện tự đánh giá).

Hình 7.3 cho thấy, trong giai đoạn 2019 - 2021, số lượng các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và số lượng các chương trình được thực hiện tự đánh giá có sự gia tăng mạnh. Điều này cho thấy các cơ sở GDNN đã ngày càng chú trọng hơn đến công tác KĐCL chương trình đào tạo các ngành, nghề ở các cơ sở GDNN.

Hình 7.3. Số lượng các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019 - 2021



7.1.3. Kiểm định chất lượng (đánh giá ngoài)

Theo quy định của Luật GDNN, KĐCL GDNN do các tổ chức kiểm định độc lập thực hiện dựa trên tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định do Bộ LĐTBXH ban hành. Năm 2021, các tổ chức kiểm định đã đánh giá 21 trường CĐ (chiếm 5,16% tổng số trường CĐ) và 03 trường TC

(chiếm 0,68%). Kết quả đánh giá cho thấy, số cơ sở đạt tiêu chuẩn KĐCL cơ sở GDNN là 20 trường CĐ và 03 trường TC (đạt tỉ lệ 96%). Ngoài ra, 22 chương trình đào tạo (21 chương trình đào tạo trình độ CĐ và 01 chương trình đào tạo trình độ TC) cũng được đánh giá và được chứng nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL (Chi tiết xem Phụ lục 2).

7.1.4. Tiêu chí đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao

Bộ LĐTBXH ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 26/8/2021 quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường CĐ chất lượng cao. Theo đó, trường CĐ chất lượng cao phải đảm bảo 5 tiêu chí sau:

- Tiêu chí 1: Quy mô đào tạo;
- Tiêu chí 2: Trình độ nhà giáo;
- Tiêu chí 3: Gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo;
- Tiêu chí 4: Quản trị nhà trường;
- Tiêu chí 5: Trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo.

Mỗi tiêu chí có nhiều tiêu chuẩn. Điểm đánh giá cho mỗi tiêu chuẩn đạt yêu cầu là 4 điểm, tiêu chuẩn không đạt yêu cầu là 0 điểm. Tổng số điểm đánh giá của 5 tiêu chí tối đa là 100 điểm.

Một số tiêu chuẩn được xác định đạt yêu cầu khi trường đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tại thời điểm đánh giá và một số tiêu chuẩn khác được xác định đạt yêu cầu khi trường đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn trong thời gian 3 năm, bao gồm năm đánh giá và 2 năm liền kề trước năm đánh giá.

Trường CĐ được công nhận là trường CĐ chất lượng cao khi đáp ứng các yêu cầu:

- Đạt tiêu chuẩn KĐCL cơ sở GDNN.
- Tổng số điểm đánh giá của các tiêu chí trường CĐ chất lượng cao đạt từ 80 điểm trở lên. Điểm đánh giá của từng tiêu chí đạt ít nhất 60% điểm tối đa của tiêu chí đó.

Như vậy, việc ban hành hệ thống tiêu chí đánh giá, công nhận trường CĐ chất lượng cao tạo tiền đề để các trường CĐ xác định mục tiêu phát triển, phấn đấu trở thành trường chất lượng cao. Đây cũng là động lực để các trường thực hiện KĐCL cơ sở GDNN nhằm đáp ứng điều kiện cần để được đánh giá, công nhận trường CĐ chất lượng cao. Bên cạnh đó, các trường cũng có thể dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định để thực hiện tự đánh giá mức độ đạt được so với các tiêu chí, tiêu chuẩn đó và chuẩn bị các điều kiện thực hiện đăng ký để được đánh giá, công nhận trường CĐ chất lượng cao.

7.2. Phát triển đội ngũ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Năm 2021, Tổng cục GDNN thực hiện chỉnh sửa, bổ sung chương trình, tài liệu đào tạo kiểm định viên chất lượng GDNN và tổ chức đào tạo kiểm định viên chất lượng GDNN cho 98 người. Tính chung trong giai đoạn 2019-2021, Tổng cục GDNN đã phối hợp với các đơn vị có liên quan đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên cho 769 người. Ngoài ra, Tổng cục GDNN công bố ngân hàng đề thi bao gồm 100 đề thi phục vụ ôn thi và đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng GDNN.

Đội ngũ kiểm định viên chất lượng GDNN đóng vai trò quan trọng trong công tác kiểm định. Tuy nhiên, theo thống kê của Tổng cục GDNN, lực lượng nhân sự thực hiện công tác KĐCL vẫn còn khá mỏng. Hiện nay cả nước mới có 238 kiểm định viên, trong khi số lượng cơ sở GDNN rất lớn nên việc thực hiện các mục tiêu trong kế hoạch KĐCL GDNN giai đoạn 2020-2025 sẽ gặp nhiều khó khăn.

7.3. Hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp

7.3.1. Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Xây dựng và vận hành hệ thống BĐCL bên trong cơ sở GDNN giúp nhà trường tuân thủ các tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL, bảo đảm và không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng, xây dựng văn hóa chất lượng.

Năm 2021, Tổng cục GDNN tiếp tục hướng dẫn các Sở LĐTĐBXH thực hiện quy định hệ thống BĐCL của cơ sở GDNN. Theo báo cáo của các Sở LĐTĐBXH các tỉnh, thành phố về việc triển khai thực hiện quy định hệ thống BĐCL trên địa bàn và tổng hợp số lượng báo cáo thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống BĐCL của cơ sở GDNN gửi về Tổng cục GDNN, có 390 cơ sở GDNN trên cả nước thực hiện báo cáo. Trong đó, có 248 trường CĐ (chiếm 60,7% tổng số trường CĐ), 125 trường TC (chiếm 28,1% tổng số trường

TC) và 17 trung tâm GDNN và trung tâm GDNN - GDTX thực hiện báo cáo (theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017, đối với Trung tâm GDNN không bắt buộc phải xây dựng hệ thống BĐCL). Như vậy, có thể thấy, số lượng các cơ sở GDNN thực hiện báo cáo hệ thống BĐCL trong nhà trường đã tăng lên hàng năm, đặc biệt ở các trường CĐ.

7.3.2. Hợp tác quốc tế về bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Năm 2021, được sự hỗ trợ của Chương trình EU VET TOOLBOX, Tổng cục GDNN phối hợp với Hội đồng Anh và Tổ chức Ecctis của Vương quốc Anh triển khai dự án "Đối sánh trình độ theo chuẩn quốc tế (Qualifications Benchmarking)". Đây là quá trình đánh giá độc lập và khách quan đối với một loại trình độ đang có hiệu lực, nhằm xác định mức độ có thể so sánh của trình độ đó với các hệ thống trình độ khác. Dự án được thực hiện tại 5 trường CĐ với 5 chương trình được lựa chọn bao gồm:

Bảng 7.1. Danh sách trường và chương trình đào tạo được lựa chọn thực hiện trong dự án “Đối sánh trình độ theo chuẩn quốc tế”

STT	Trường	Nghề
1	Trường CĐ nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	Điện công nghiệp (trình độ CĐ)
2	Trường CĐ nghề Cơ điện Hà Nội	Cơ điện tử (trình độ CĐ)
3	Trường CĐ nghề Đà Lạt	Chế biến thực phẩm (trình độ CĐ)
4	Trường CĐ Du lịch Huế	Quản trị khách sạn (trình độ CĐ)
5	Trường CĐ nghề Bà Rịa Vũng Tàu	Chế tạo khuôn mẫu (trình độ CĐ)

Nguồn: Cục Kiểm định chất lượng GDNN

Dự án thực hiện đối sánh trình độ của các nghề được lựa chọn với khung tham chiếu là Khung trình độ của Anh, đồng thời tham

chiếu với Khung trình độ Châu Âu. Trong năm 2021, các hoạt động được thực hiện gồm: (1) Các trường cung cấp thông tin về

vị thế tương đương có thể so sánh của các trình độ được đối sánh, trong mối tương quan với hệ thống GDNN được chọn làm chuẩn (2); Phân tích dựa trên thông tin, dữ liệu sẵn có và (3) Đánh giá thực tế nhằm khám phá các vấn đề và các thông tin cần cung cấp được xác định trong quá trình phân tích dựa theo thông tin, dữ liệu sẵn có. Kết quả thực hiện đối sánh sẽ được công bố vào năm 2022.

Kết luận

- Năm 2021 ghi nhận sự gia tăng mạnh về tỉ lệ các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN so với các năm trước đó (69,04% tổng số trường CĐ, 40,55% tổng số trường TC và 29,77% tổng số trung tâm GDNN, trung tâm GDNN - GDTX thực hiện tự đánh giá). Tính chung trong giai đoạn 2018-2021, tỉ lệ các cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá đều tăng qua các năm. Ngoài ra, năm 2021 có 394 cơ sở GDNN thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (tổng số 1.867 chương trình).

- Năm 2021, có 21 trường CĐ, 3 trường TC và 22 chương trình đào tạo được KĐCL GDNN (đánh giá ngoài). Tỉ lệ cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn KĐCL cơ sở GDNN đạt 96% (20 trường CĐ, 3 trường TC), tỉ lệ chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn KĐCL đạt 100%.

- Tiêu chí đánh giá, công nhận trường CĐ chất lượng cao được ban hành, là cơ sở để các trường CĐ chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đăng ký đánh giá, công nhận trường CĐ chất lượng cao, trong đó có việc KĐCL GDNN.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên chất lượng GDNN năm 2021 thấp (98 người), số lượng kiểm định viên được cấp thẻ còn ít, ảnh hưởng đến việc đạt được các chỉ tiêu trong kế hoạch KĐCL GDNN giai đoạn 2020 - 2025.

- Số lượng cơ sở GDNN triển khai tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống BĐCL bên trong cơ sở GDNN tăng lên hàng năm.

- Tổng cục GDNN phối hợp với Hội đồng Anh và Tổ chức Ecctis của Vương quốc Anh triển khai thí điểm “Đối sánh trình độ theo chuẩn quốc tế” cho 5 nghề tại 5 trường CĐ.

Khuyến nghị

Để đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng và BĐCL GDNN Việt Nam, cần thực hiện một số công việc sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về KĐCL GDNN và BĐCL GDNN.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, cơ chế để khuyến khích các trường CĐ tăng cường các điều kiện BĐCL nhằm đạt tiêu chuẩn KĐCL GDNN và đáp ứng các tiêu chí của trường CĐ chất lượng cao.

- Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn về KĐCL GDNN, BĐCL GDNN.

- Tăng cường phát triển đội ngũ kiểm định viên chất lượng GDNN;

- Tích cực hỗ trợ các cơ sở GDNN về triển khai, áp dụng các công cụ đảm bảo chất lượng bên trong cơ sở GDNN.

CHƯƠNG 8

TÀI CHÍNH CHO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Phát triển GDNN là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực để tranh thủ thời cơ dân số vàng, hình thành nguồn nhân lực trực tiếp có chất lượng, hiệu quả và kỹ năng nghề cao, phục vụ phát triển KT-XH của đất nước. Để bảo đảm được chất lượng đào tạo thì tài chính là nguồn lực quan trọng có tính quyết định. Chương này cung cấp số liệu chi thường xuyên, chi CTMT từ nguồn NSNN cho phát triển GDNN và các chính sách tài chính có liên quan đến COVID-19.

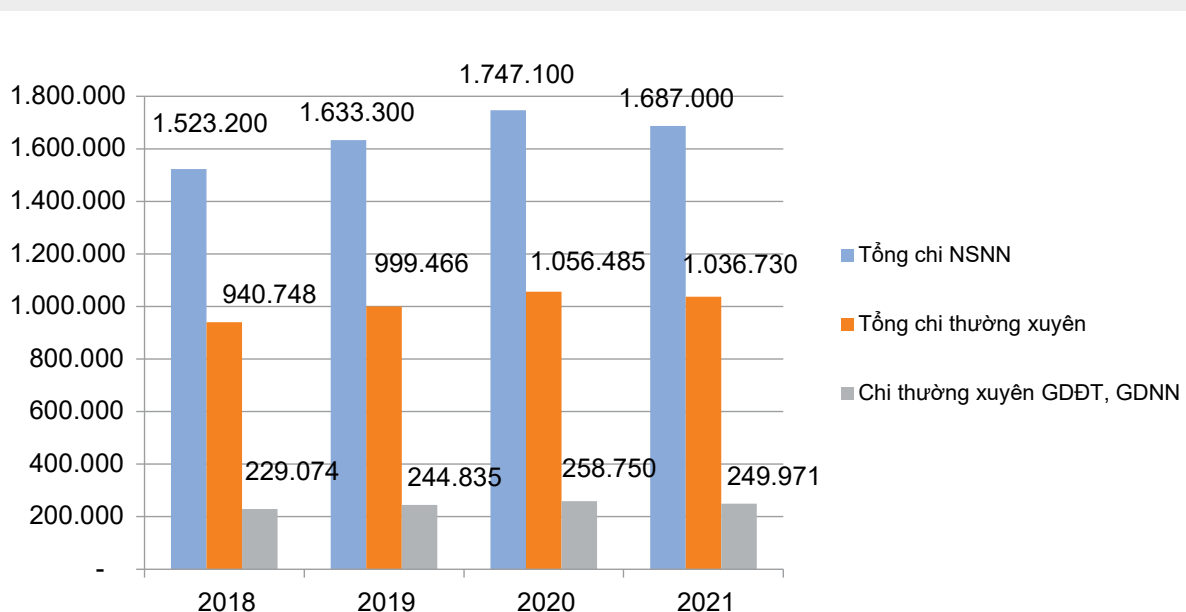
8.1. Ngân sách nhà nước cho GDNN

Ngân sách nhà nước đầu tư cho GDNN giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động, phát triển và thực hiện các nhiệm vụ

GDNN. Hàng năm, NSNN đều ưu tiên bố trí chi cho lĩnh vực GDĐT và GDNN. Cụ thể, chi thường xuyên NSNN cho GDĐT và GDNN giai đoạn 2018 - 2021 như sau:

Hình 8.1. Chi NSNN giai đoạn 2018 - 2021

Đơn vị: tỷ đồng



(Nguồn: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

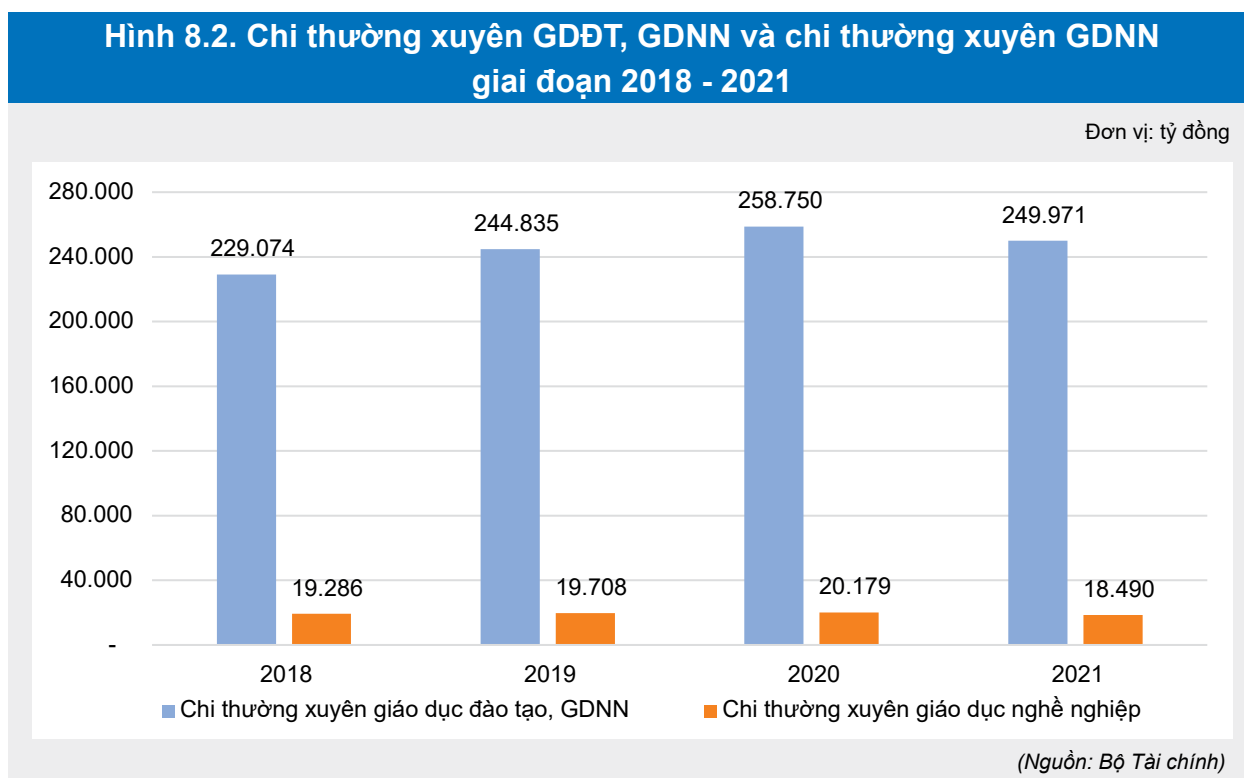
Chi thường xuyên NSNN cho GDĐT, GDNN năm 2021 là 249.971 tỷ đồng, bằng 24,11% chi thường xuyên NSNN. Nguồn chi này có xu hướng chính tăng từ năm 2018 đến 2020, tuy nhiên năm 2021 giảm hơn năm 2020 là 8.779 tỷ đồng.

Theo quy định của Luật NSNN, NSNN không phân bổ riêng chi GDNN mà phân bổ chung trong chi sự nghiệp GDĐT và GDNN. Do đó, việc thống kê chi NSNN cho GDNN chỉ được xác định trong quá

trình phân bổ và giao dự toán của đơn vị dự toán cấp trên cho đơn vị sử dụng ngân sách cấp dưới trực thuộc.

8.1.1. Chi thường xuyên cho giáo dục nghề nghiệp

Theo số liệu thống kê trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc, tổng số chi thường xuyên từ NSNN cho lĩnh vực GDNN²⁰ giai đoạn 2018 - 2021 là 77.663 tỷ đồng, cụ thể như sau:



Chi thường xuyên GDNN năm 2021 giảm so với năm 2020 là 1.689 tỷ đồng (giảm 8.37%). Tỷ lệ chi thường xuyên GDNN so với chi thường xuyên GDĐT, GDNN năm 2021 là 7,4%, so với chi thường xuyên từ NSNN là 1,78%. (Hình 8.2).

8.1.2. Chi chương trình mục tiêu cho giáo dục nghề nghiệp

Giai đoạn 2021 - 2025, CTMTQG cho GDNN được triển khai thông qua 3 dự án: Dự án Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn; Dự án Phát triển GDNN và giải

²⁰ Bộ Tài chính thống kê chi ngân sách nhà nước theo loại, khoản chi thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp gồm (i) đào tạo trình độ sơ cấp; (ii) trình độ trung cấp; (iii) trình độ cao đẳng, (iv) giáo dục thường xuyên; (v) các nhiệm vụ phục vụ giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp (không tách riêng được giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp) ghi nhận trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc

quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Dự án Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cụ thể như sau:

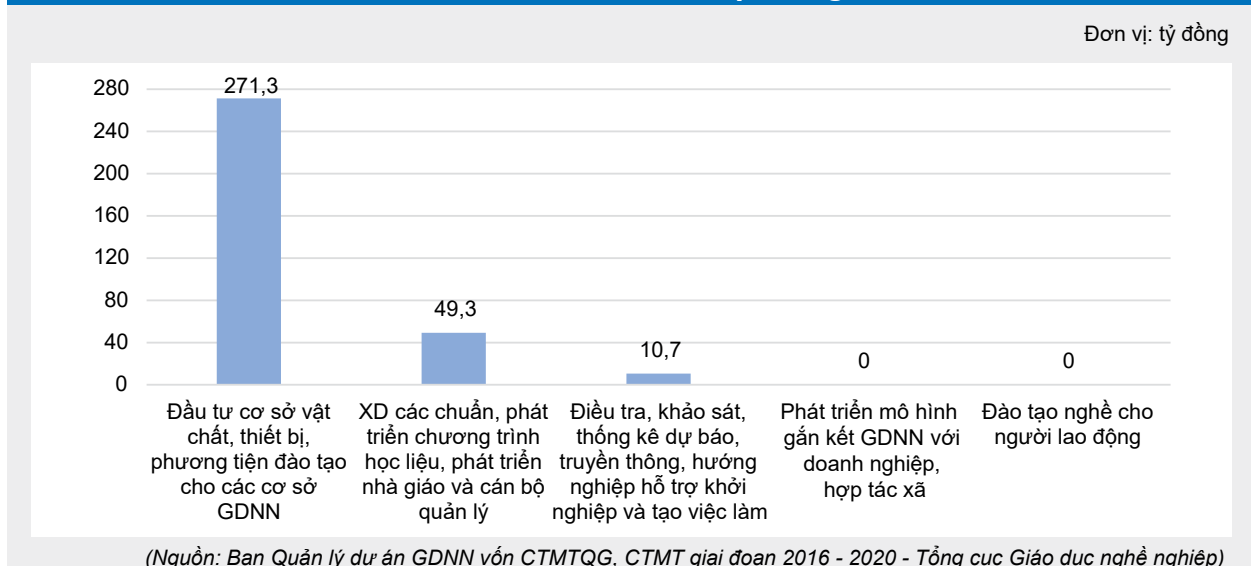
Dự án Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn

Thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/07/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, ngày 18/01/2022 Chính phủ đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg phê duyệt CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Một trong các cấu phần của chương trình là Dự án 4 “Phát triển GDNN, việc làm bền vững” với Tiểu dự án 1 “Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn” có tổng nhu cầu vốn thực hiện dự án là 15.300 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 7.000 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 2.000 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 5.000 tỷ đồng); Ngân sách địa phương: 4.800 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 300 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 4.500 tỷ đồng); Vốn huy động hợp pháp khác: 3.500 tỷ đồng.

Mục tiêu chung của Tiểu dự án là Phát triển GDNN cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo, gắn kết chặt chẽ GDNN với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Năm 2021 đã triển khai những hoạt động ban đầu của đề án, là những hoạt động đang thực hiện dở dang trong giai đoạn 2016 - 2020 và được tiếp tục trong CTMT giai đoạn 2021 - 2025, kinh phí thực tế đã phân bổ cho Dự án khoảng 331,3 tỷ đồng, trong đó 100% sử dụng vốn sự nghiệp, chi chủ yếu cho Đầu tư CSVC, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở GDNN của Dự án: 271,3 tỷ đồng chiếm 81,9% kinh phí được giao; cho Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình học liệu, phát triển nhà giáo và CBQL: 49,3 tỷ đồng chiếm 14,9%; cho Điều tra, khảo sát, thống kê dự báo, truyền thông, hướng nghiệp hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm: 10,7 tỷ đồng chiếm 3,2%; các hoạt động còn lại chưa triển khai trong năm 2021. (Hình 8.3).

Hình 8.3. Chi CTMTQG Dự án Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn năm 2021 theo các nội dung



Dự án Phát triển GDNN và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, ngày 14/10/2021 Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, một trong các cấu phần của chương trình là Dự án 5 “Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực” với Tiểu dự án 3 “Dự án phát triển GDNN và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi” có tổng nhu cầu vốn thực hiện dự án là 12.620,703 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 7.614,241 tỷ đồng (vốn sự nghiệp); Ngân sách địa phương: 5.006,462 tỷ đồng.

Mục tiêu chung của Tiểu dự án là: (1) Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả GDNN góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (2) Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; (3) Hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, GDNN tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng...

Trong năm nay chưa được bố trí kinh phí để thực hiện Dự án.

Dự án Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/07/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, ngày 22/02/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg phê duyệt CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Trong Nội dung thành phần số 03 thuộc Chương trình “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành, nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững” có Nội dung số 09 “Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn”.

Cơ chế của CTMTQG xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn không phân định nguồn lực cho từng nội dung thành phần mà được phân bổ chung cho cả Chương trình từ đó giao về các Bộ, ngành, địa phương và giao quyền cho các địa phương phân bổ nguồn lực để thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình.

Ngày 02/8/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1379/QĐ-TTg về việc bổ sung kinh phí thường xuyên thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021. Trong đó, giao bổ sung 1.000 tỷ đồng từ nguồn dự toán chi các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 và các nhiệm vụ thuộc các CTMT giai đoạn 2016 - 2020 được tiếp tục triển khai giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021, trong đó kinh phí thực hiện nội dung Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021 tại nguồn Tổng cục GDNN là 4 tỷ đồng.

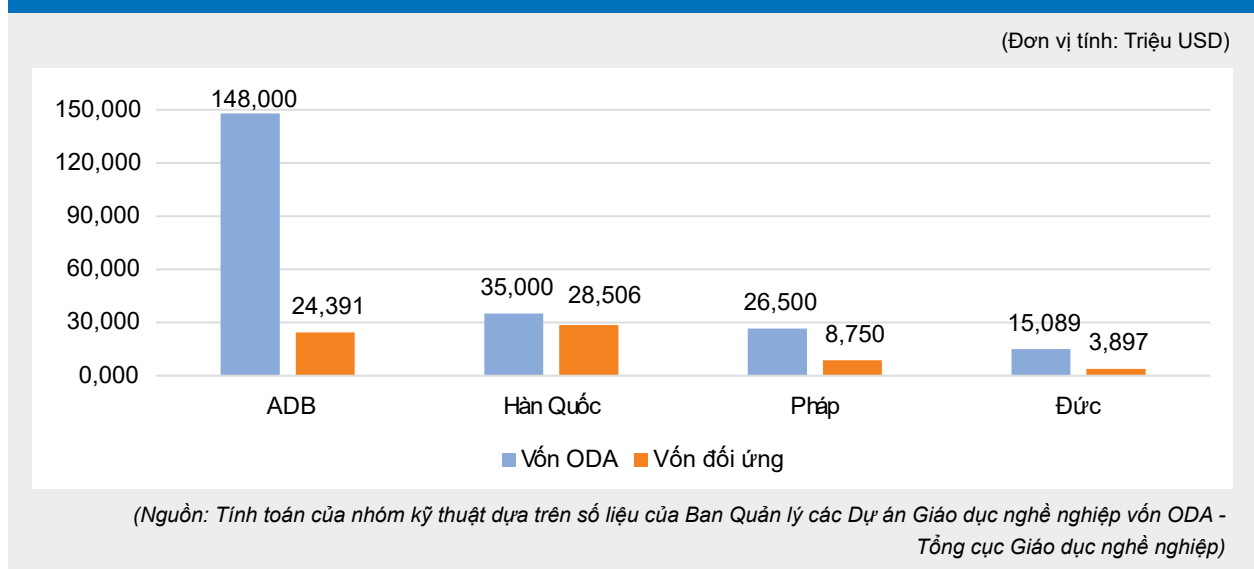
8.2. Vốn ODA cho phát triển giáo dục nghề nghiệp

Giai đoạn 2016 - 2021, Tổng cục GDNN cùng với các địa phương đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, thu hút các Dự án vốn ODA. Trong giai đoạn này, Tổng cục GDNN đã triển khai thực hiện 6 dự án vốn

ODA với các nước và các tổ chức quốc tế như Đức, Pháp, Hàn Quốc, Ngân hàng Phát triển Châu Á. Các dự án đã góp phần cải thiện, nâng cao điều kiện CSVC, trang thiết bị đào tạo của các cơ sở GDNN; hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, xây dựng biên soạn chương trình giáo trình, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và CBQL. Các dự án vốn ODA không chỉ bám sát các hoạt động trong Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011-2020, mà còn giúp cho đào tạo nghề Việt Nam xây dựng được những mô hình đào tạo mới, cách thức tổ chức hoạt động mới tiếp cận với các nước trong khu vực và thế giới. Việc đầu tư tập trung vào các nghề trọng điểm và các trường thụ hưởng được lựa chọn đầu tư thành trường chất lượng cao.

Đến hết năm 2021, đã hoàn thành 5 Dự án, còn 1 Dự án Chương trình Kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện đang triển khai (*Chi tiết tại Phụ lục 3: Danh mục các dự án vốn ODA về GDNN trong giai đoạn 2016 - 2021*).

Hình 8.4. Tổng mức đầu tư được duyệt của các Dự án ODA 2016 - 2021 theo đối tác



Trong 6 Dự án, vốn vay và vốn viện trợ ODA là 224,589 triệu USD²¹, vốn đối ứng là 65,544 triệu USD. Lũy kế vốn giải ngân từ năm 2016 tính đến 31/12/2021 tại Tổng cục GDNN là 113,877 triệu USD đạt 50,7% vốn vay và vốn viện trợ được duyệt và vốn đối ứng 35,466 triệu USD tương đương 796,218 tỷ đồng đạt 54,1% vốn đối ứng được duyệt.

8.3. Tài chính cho giáo dục nghề nghiệp liên quan đến đại dịch COVID-19

Trước ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, Chính phủ tiếp tục ban hành nhiều chính sách, trong đó có Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 nhằm *“Cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương (trừ các hoạt động quan trọng, cấp bách và phục vụ công tác phòng chống dịch của các Bộ: Quốc phòng, Công an, Y tế, kinh phí hoạt động ngoại giao quốc gia khác của Bộ Ngoại giao) và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2021 để bổ sung nguồn phòng, chống dịch COVID-19, tăng đầu tư phát triển và nhiệm vụ an ninh, quốc phòng cần thiết”*.

Tại Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội đã hoãn việc tăng lương cơ sở và cải cách tiền lương không tăng theo lộ trình như dự kiến từ 01/7/2020. Tại Báo cáo tình hình tài chính ngân sách tại Quốc hội ngày 20/10/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính cho biết trong bối cảnh cân đối NSNN năm 2021 khó khăn, Chính phủ đề nghị, chưa điều chỉnh tiền

lương cơ sở để tập trung dành nguồn lực phòng chống đại dịch COVID-19 và một số vấn đề cấp bách khác. Như vậy, năm 2021 chưa điều chỉnh lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng/tháng lên 1,6 triệu đồng/tháng đối với công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và lương hưu, đây là năm thứ hai liên tiếp hoãn việc điều chỉnh tiền lương. Có thể thấy đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng rất nhiều đến toàn xã hội trong đó có hệ thống GDNN.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi bổ sung một số điều tại Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, Tổng cục GDNN đã thành lập tổ triển khai, cử bộ phận thường trực để theo dõi, hỗ trợ địa phương, cơ sở và tổng hợp kết quả thực hiện chính sách liên quan đến lĩnh vực GDNN; Tổng cục GDNN đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 liên quan đến lĩnh vực GDNN (Kế hoạch số 1515/KH-TNQ68 ngày 14/7/2021); Phát hành Cẩm nang hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề

²¹ Tỷ giá quy đổi 1 EUR = 24.283 VND, 1 USD = 22.450 VND tính thời điểm 31/12/2016

cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và tiêu chí theo dõi, giám sát và mẫu đề cương kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; Tổ chức các Hội nghị trực tuyến với Sở LĐTBXH, phòng GDNN, cơ sở GDNN, doanh nghiệp các tỉnh, thành phố để triển khai chính sách hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm cho người lao động. Tổng cục GDNN còn đẩy mạnh việc hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động trong việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề để tiếp tục làm việc và nâng cao chất lượng công việc cho người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đào tạo nghề để người lao động bị thất nghiệp quay lại thị trường lao động và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, cơ sở tăng cường công tác đào tạo nghề cho người lao động gắn với chương trình phục hồi và phát triển thị trường lao động. Theo báo cáo của các địa phương, có gần 500 doanh nghiệp có nhu cầu và đề nghị được hướng dẫn về thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm cho người lao động trong cả nước, trong đó 88 đơn vị đã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đào tạo, duy trì việc làm cho gần 35.000 lao động. Sở LĐTBXH của 17 tỉnh, thành phố đã thẩm định, phê duyệt cho 57 đơn vị, hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm cho gần 12.000 lao động.

Kết luận

Giai đoạn 2021 - 2025, GDNN đang rất được quan tâm với việc Quốc hội phê duyệt chủ trương ba CTMTQG cho GDNN được triển khai thông qua các dự án: Dự án Phát

triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn; Dự án Phát triển GDNN và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Dự án Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định phê duyệt Chương trình, tuy nhiên quá trình triển khai để dự án đi vào hoạt động còn chậm, đến cuối năm 2021 và đầu năm 2022 mới thực hiện phê duyệt chủ trương dự án. Các Thông tư hướng dẫn về kinh phí, về quy trình thực hiện đều đang trong quá trình xây dựng, điều đó khiến việc triển khai gặp nhiều khó khăn. Kinh phí năm 2021 được bố trí cho Dự án Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn với kinh phí 331,3 tỷ đồng chiếm 2,2% so với kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025, kinh phí bố trí cho Dự án Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021 tại nguồn Tổng cục GDNN là 4 tỷ đồng, đây thực sự là con số rất thấp.

Giai đoạn 2016 - 2021, Tổng cục GDNN cùng với các địa phương đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, thu hút các Dự án vốn ODA, tuy nhiên số đã giải ngân của vốn ODA và vốn đối ứng chỉ đạt 50,7% và 54,1% lần lượt so với tổng mức đầu tư được duyệt cho thấy một số chính sách còn bất cập.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng rất nhiều đến toàn xã hội trong đó có hệ thống GDNN, Chính phủ đã khẩn trương ban hành nhiều chính sách có liên quan đến lĩnh vực này. Tuy nhiên, việc hoãn tăng lương tối thiểu gần hai năm so với thông lệ có thể khiến việc làm, thu nhập, đời sống của người lao động và gia đình họ hết sức

khó khăn, kết quả khảo sát do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tại 6 tỉnh, thành phố cho thấy, mức lương người lao động nhận được hiện không đủ trang trải nhu cầu sống tối thiểu của họ và gia đình.

Khuyến nghị

Trong năm 2022, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương cần tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống cơ chế, chính sách, các chương trình, đề án để thực hiện các CTMTQG về phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững và nông thôn mới.

Đẩy mạnh việc lồng ghép nguồn vốn thực hiện các CTMTQG thông qua việc sử dụng vốn của nhiều chương trình, dự án để đầu tư thực hiện công trình, dự án, hoạt động có cùng mục tiêu, nội dung và được thực hiện trên cùng một địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn thực hiện CTMTQG, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Triển khai các giải pháp huy động, bổ sung nguồn lực thực hiện các CTMTQG; khẩn trương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm nghèo bền vững, phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Trong ngắn hạn, để tạo điều kiện thuận lợi cho các trường tham gia dự án vốn ODA

cần sửa đổi các quy định về điều kiện cho vay lại tại Luật Quản lý nợ công năm 2017 và Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Tăng cường lĩnh vực GDNN và đẩy mạnh tự chủ nhưng không thể để các trường tự bơi mà Nhà nước vẫn cần hỗ trợ. Đồng thời kiến nghị cần áp dụng tỷ lệ vay lại 10% đối với các trường đào tạo các nghề thuộc lĩnh vực độc hại do khó tuyển sinh, đầu tư lớn, Nhà nước không đầu tư thì họ sẽ dừng tuyển sinh, từ đó dẫn đến mất cân bằng giữa cung và cầu.

Việc hoãn việc tăng lương tối thiểu vùng 2 năm đã gây khó khăn trong việc làm, thu nhập, đời sống của người lao động, từ đó dẫn đến một số hệ lụy về an sinh xã hội.

Những khuyến nghị của các Báo cáo GDNN trước đây vẫn được tiếp tục đề xuất, đó là:

Cần đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn tài chính, nâng cao hiệu quả chi NSNN cho GDNN. Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia GDNN; Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho GDNN, đặc biệt là huy động các nguồn vốn viện trợ không hoàn lại. Mặt khác, các cơ sở GDNN thụ hưởng ngân sách cũng cần nâng cao năng lực quản lý tài chính, đầu tư và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí để thực sự đổi mới chất lượng của GDNN.

Thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP) mở rộng mô hình “Đầu tư công, quản trị tư” trong GDNN, đa dạng hóa nguồn lực cho hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp, nghiên

cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ. Nên có chính sách hỗ trợ cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và người lao động khi tham gia đào tạo lại, đào tạo nâng cao chuyên môn và kỹ năng để chuyển đổi công việc đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0.

Đối với Dự án Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đề xuất Bộ Tài chính trong thông báo kinh phí hàng năm thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới cần thông báo rõ kinh phí thực hiện từng nội dung, Dự án thành phần để các Bộ, ngành, địa phương có cơ sở phân bổ đủ kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Khuyến khích các cơ sở GDNN thành lập trung tâm dịch vụ thực hành sản xuất để tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ gắn với đào tạo; thực hiện giao tài sản nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp này quản lý và sử dụng. Cần khuyến khích tạo sự gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở GDNN như: nhà trường tổ chức đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp (bảo đảm về số lượng, chất lượng trong đào tạo), doanh nghiệp cam kết bảo đảm đầu ra cho HSSV. Từ đó, hình thành các mô hình nhà trường kết hợp doanh nghiệp để sinh viên được đào tạo lý thuyết tại trường và thực hành trực tiếp tại các doanh nghiệp...

CHƯƠNG 9

HỢP TÁC VỚI DOANH NGHIỆP TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Năm 2021 là năm Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, tạm dừng hoạt động, cơ cấu lại doanh nghiệp, chuyển hướng hoạt động sản xuất kinh doanh... Vì vậy, hợp tác với doanh nghiệp trong GDNN cũng bị ảnh hưởng không nhỏ, hoạt động thực tập của HSSV tại doanh nghiệp bị gián đoạn, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo phải thay đổi linh hoạt theo tình hình thực tế. Tuy nhiên, năm 2021 cũng là năm GDNN được sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với nhiều chương trình, đề án được phê duyệt nhằm hỗ trợ phát triển GDNN, đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động để phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19. Những yếu tố này tạo sự lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng doanh nghiệp trong việc gắn kết với GDNN. Chương này sẽ trình bày kết quả hoạt động gắn kết GDNN với doanh nghiệp năm 2021, chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu GII có liên quan đến GDNN.

9.1. Tình hình hợp tác của doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Đại dịch COVID-19 với những diễn biến phức tạp vẫn đang tiếp tục tác động xấu tình hình KT-XH trên phạm vi cả nước. Theo báo cáo tình hình KT-XH năm 2021 của Tổng cục Thống kê, tính chung 11 tháng đầu năm 2021, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 52,1 nghìn doanh nghiệp; gần 39,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể; 14,9 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Bình quân một tháng có gần 9,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Vì vậy, hoạt động gắn kết GDNN với doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn,

công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo của các nhà trường trong hệ thống GDNN bị ảnh hưởng do thời gian thực hành, thực tập tại doanh nghiệp bị hạn chế vì các doanh nghiệp bị đình trệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhất là các ngành, nghề sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực vận tải, dịch vụ, du lịch, lưu trú, ăn uống, nghệ thuật, vui chơi, giải trí... Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và xác định kế hoạch, nhiệm vụ cho giai đoạn 2021 - 2025 để góp phần thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm (2021 - 2030), kế hoạch 5 năm phát triển KT-XH (2021 - 2025) và các cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế trong thực

hiện mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Được sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với nhiều chương trình, đề án được phê duyệt nhằm hỗ trợ phát triển GDNN. Do vậy, hoạt động gắn kết GDNN với doanh nghiệp đã đạt được một số kết quả nhất định.

9.1.1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động hợp tác doanh nghiệp

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 với mục tiêu phát triển nhanh GDNN nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển đất nước trong từng giai đoạn.

Bộ LĐTBXH đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án thí điểm đào tạo, đào tạo lại nâng tầm kỹ năng người lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0" (Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021), trong đó nội dung cơ bản là gắn kết GDNN với doanh nghiệp nhất là trong việc đào tạo, đào tạo lại người lao động trong các doanh nghiệp để hoàn thiện kỹ năng nhằm nâng cao năng suất lao động cho doanh nghiệp.

Bộ LĐTBXH đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, trong đó có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng

cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động, thực chất là cho các doanh nghiệp.

Bộ LĐTBXH đã ban hành Quyết định số 1405/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 về Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển thị trường lao động, nhằm mục tiêu từng bước phục hồi và phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển đất nước.

Tổng cục GDNN đã ban hành Quyết định số 164/QĐ-TCGDNN ngày 05/4/2021 về Kế hoạch tổ chức các hoạt động gắn kết GDNN với thị trường lao động và việc làm bền vững giai đoạn 2021 - 2025, trong đó xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các hoạt động cụ thể cho từng năm để tổ chức triển khai thực hiện; ban hành Cẩm nang hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Quyết định số 316/QĐ-TCGDNN ngày 30/7/2021) để triển khai thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 và tổ chức hội nghị triển khai đến các Sở LĐTBXH và các cơ sở GDNN tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; tổ chức in ấn, phát hành tài liệu Cẩm nang gắn kết cơ sở GDNN với doanh nghiệp làm tài liệu tham khảo cho cơ quan quản lý về GDNN các cấp, các cơ sở GDNN, các doanh nghiệp trong quá trình tổ chức triển khai các hoạt động hợp tác; Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động và tổ chức triển khai, hướng dẫn một số tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp trong triển khai chính sách hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm cho người lao động theo

Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 về thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 như: Tập đoàn Mường Thanh, Tổng công ty May 10 và các đơn vị thành viên, tập đoàn JHL...; ban hành các văn bản hướng dẫn và phối hợp với VCCI, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm cho người lao động theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sở LĐTBXH tại một số địa phương như: Bắc Giang, Hải Dương, Thái Bình, Quảng Ngãi, Vĩnh Long, Hậu Giang... đã chủ động tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân ban hành các chỉ thị, kế hoạch hoặc trực tiếp có các văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện các hoạt động gắn kết GDNN với thị trường lao động, đẩy mạnh đào tạo nhân lực có tay nghề cao, góp phần nâng cao năng xuất lao động, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới

9.1.2. Các hoạt động gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp

Trong năm 2021, triển khai các văn bản chỉ đạo nói trên, Tổng cục GDNN đã:

- Cùng với các cơ sở GDNN tổ chức thành công kỳ thi KNNQG trong đó có sự phối hợp của các doanh nghiệp.

- Phối hợp với công ty Daikin Việt Nam tiếp tục tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kỹ thuật viên máy lạnh và điều hòa không khí theo tiêu chuẩn Daikin

cho nhà giáo của 25 cơ sở GDNN trên cả nước trở thành nhà giáo hạt nhân để đào tạo nhân rộng đội ngũ kỹ thuật viên cho Daikin, nâng tổng số nhà giáo hạt nhân được đào tạo theo chương trình này trong 02 năm 2020 - 2021 là 40 người.

- Tổ chức lễ ký kết hợp tác với Tập đoàn Sun Group trong việc hỗ trợ đào tạo và hợp tác cung ứng nguồn nhân lực trong các lĩnh vực hoạt động của Sun Group như: Khách sạn, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, xây dựng...

- Phối hợp với Công ty cung ứng nhân lực chất lượng cao CLC phát triển phần mềm kết nối cung cầu lao động, nhằm ứng dụng công nghệ trong việc tạo mối liên kết chặt chẽ, bền vững giữa người học, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong việc cung cấp, hỗ trợ đầy đủ thông tin về nhu cầu tìm việc, tuyển sinh và tuyển dụng lao động.

- Tiếp tục triển khai chương trình phối hợp với các tập đoàn, tổng công ty đã ký kết như: phối hợp Tập đoàn Hoàng Long Group xây dựng mô hình dịch chuyển lao động quốc tế, tuyển dụng trên 30.000 lao động chất lượng cao để làm việc cho các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước như: Canon, Yamaha...

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng quản lý cho khoảng 400 nhân viên đào tạo tại doanh nghiệp ở các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Bình, Đắk Lắk, Hồ Chí Minh.

- Phối hợp với Grab xây dựng kế hoạch và dự kiến các hoạt động xây dựng tài liệu bồi dưỡng kỹ năng cho lái xe công nghệ của Grab.

- Phối hợp, hướng dẫn Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ) thí điểm tổ chức bồi dưỡng Kỹ năng dạy học cho người đào

tạo tại doanh nghiệp tại trường CĐ Công nghệ Quốc tế Lilama 2; tổ chức một khóa đào tạo thí điểm tại trường CĐ Công nghệ Quốc tế Lilama 2 cho 20 giảng viên nguồn là nhà giáo các trường CĐ trong Chương trình hợp tác với GIZ;

- Hội thảo “Thu hút sự tham gia của doanh nghiệp và hiệp hội vào việc chuẩn bị thí điểm cơ chế Hội đồng kỹ năng ngành cho các nghề trong lĩnh vực công nghiệp và Hội đồng GDNN cấp tỉnh” do GIZ cùng với Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (VCCI-HCM) thực hiện vào tháng 4/2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh, với mục tiêu: Cung cấp bức tranh tổng thể về tình hình cung cầu lao động kỹ thuật trong các lĩnh vực nghề công nghiệp cũng như chia sẻ kinh nghiệm, kết quả và bài học từ các mô hình thí điểm xây dựng các tiêu chuẩn kỹ năng nghề có sự tham gia tích cực của khu vực doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp có sự chuẩn bị sẵn sàng để tham gia thí điểm hội đồng kỹ năng ngành trong các lĩnh vực công nghiệp, hội đồng GDNN cấp tỉnh;

- Tổ chức tọa đàm “Các giải pháp đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề góp phần bảo đảm chuỗi cung ứng lao động, khôi phục sản xuất, kinh doanh, phát triển KT-XH ngày 22/10/2021 về các chủ đề: (1) Tăng cường đào tạo nghề cung ứng cho doanh nghiệp góp phần bảo đảm chuỗi cung ứng lao động, khôi phục sản xuất, kinh doanh, phát triển KT-XH; (2) Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021;

- Tổ chức hội thảo với các trường và một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ để trao đổi và xác định các ngành, nghề đào tạo mới và các kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của CMCN 4.0 và cách thức tổ chức đào tạo trong Chương trình.

9.1.3. Hợp tác với các đối tác quốc tế trong hoạt động gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động

- Phối hợp với các đối tác Nhật Bản xây dựng văn kiện hợp tác giai đoạn 8 để đưa vào chương trình “Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản”, trong đó nội dung chủ yếu là hình thành nhóm công tác giữa hai bên để tăng cường gắn kết giữa GDNN với các doanh nghiệp Nhật Bản (từ xác định nhu cầu, phối hợp tổ chức đào tạo, cung ứng lao động qua đào tạo cho các doanh nghiệp Nhật Bản);

- Phối hợp với Văn phòng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đề xuất xây dựng dự án “Chuyên gia tư vấn tăng cường hợp tác giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam” nhằm mục tiêu: hỗ trợ các cơ sở GDNN tăng cường hợp tác với doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam; hỗ trợ xác định nhu cầu sử dụng lao động theo lĩnh vực ngành, nghề và trình độ của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam; xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam. Đồng thời đóng góp ý kiến về xây dựng chính sách khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở GDNN và doanh nghiệp cũng như chính sách phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp.

- Điều phối, thúc đẩy các dự án nước ngoài tư vấn, hỗ trợ các hoạt động có liên quan đến gắn kết doanh nghiệp, đặc biệt là tập trung thí điểm xây dựng cơ chế gắn kết đào tạo với doanh nghiệp, nâng cao năng lực đào tạo của một số cơ sở GDNN, trong đó có việc thí điểm xây dựng hội đồng ngành như: Dự án Chương trình đổi mới đào tạo nghề Việt Nam (GIZ); Dự án Đan Mạch của Chính phủ Đan Mạch; Dự án Aus4skills của Chính phủ Úc...;

- Phối hợp với GIZ xây dựng và ban hành Chương trình bồi dưỡng kỹ năng quản lý cho nhân viên đào tạo tại doanh nghiệp;

- Phối hợp với Đại sứ quán Úc và Chương trình Aus4skills tổ chức các hội thảo, các khóa đào tạo trực tuyến cho CBQL, nhà giáo của các trường tham gia dự án về quản lý, xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo trực tuyến; hỗ trợ thành lập thí điểm Hội đồng kỹ năng nghề...

- Phối hợp với Dự án Đan Mạch (Đại sứ quán Đan Mạch):

+ Tổ chức 4 hội thảo chia sẻ kinh nghiệm của các ngành trong dự án (thực phẩm, thiết kế đồ họa, nội thất) trong tháng 3-4/2021 tại các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Yên Bái với sự tham gia của 12 trường với sự tham gia và chia sẻ trực tuyến của các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan tại Đan Mạch, cũng như những vấn đề trong đào tạo như tạo động lực học tập cho sinh viên, đánh giá sinh viên...

+ Trong tháng 3-4/2021 tổ chức 8 cuộc họp Hội đồng kỹ năng nghề địa phương của 8 trường tham gia dự án giai đoạn 2, trong đó, các đại diện từ Hội đồng nghề của ngành, nghề liên quan tại Đan Mạch chia

sẽ các kinh nghiệm về hoạt động của hội đồng nghề và các bên cùng nhau trao đổi về những khó khăn và giải pháp cho việc hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp.

+ Trong tháng 4/2021, tổ chức 1 hội thảo DACUM (lần thứ 2) của trường CĐ nghề Việt Mỹ với sự hỗ trợ của chuyên gia Đan Mạch, vì trường đang bắt đầu xây dựng chương trình đào tạo mới cho ngành CĐ thiết kế đồ họa, với các doanh nghiệp đối tác hoàn toàn thay đổi so với 2 năm trước.

+ Quý 4 năm 2021, dự án tổ chức 07 khóa học trực tuyến ngắn về các kỹ năng tổ chức hợp tác trực tuyến hiệu quả với hội đồng kỹ năng ngành, tổ chức các dự án học tập dựa trên giải quyết vấn đề, phương pháp tổ chức đào tạo trực tuyến, nhóm chuyên môn làm việc hiệu quả cao, về hợp đồng đào tạo giữa thực tập sinh và doanh nghiệp...

- Dự án KOSEN - Nhật Bản: Đã tổ chức 02 cuộc họp về việc thành lập Ủy ban mô hình KOSEN (KOSEN Model Council) ngày 13/9/2021 và ngày 30/11/2021 nhằm hỗ trợ triển khai các trường thí điểm mô hình đào tạo KOSEN tại Việt Nam theo thỏa thuận đã ký giữa tổ chức KOSEN Nhật Bản và Tổng cục GDNN.

9.2. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)

Ngày 20/9/2021 tại Geneva (Thụy Sĩ), Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) đã công bố Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo Toàn cầu 2021 (Global Innovation Index 2021 - gọi tắt là GI I 2021) lần thứ 14. Báo cáo phân tích xu hướng đổi mới sáng tạo mới nhất trên toàn thế giới và xếp hạng chỉ đổi mới sáng tạo hàng năm của 132 nền kinh tế.

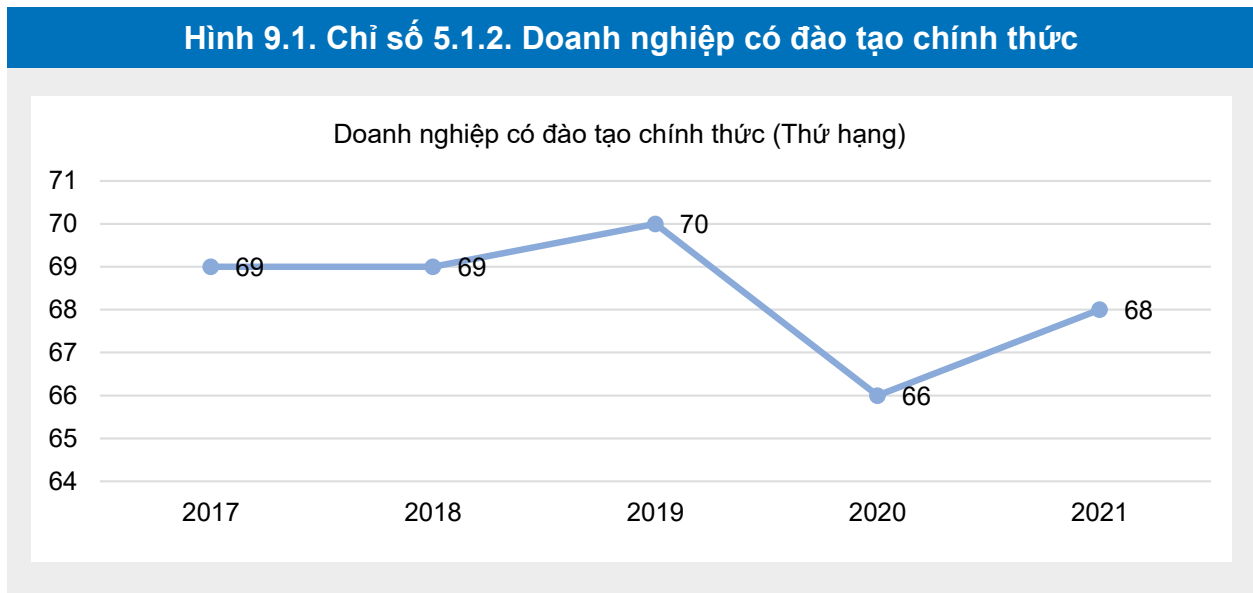
GII năm 2021 với 81 chỉ số, chia thành 7 trụ cột chính với 5 trụ cột đầu vào là: Thể chế vĩ mô; Nguồn nhân lực và nghiên cứu; Cơ sở hạ tầng; Thị trường; Môi trường kinh doanh và 2 trụ cột đầu ra là: Sản phẩm tri thức và công nghệ; Sản phẩm sáng tạo. Trong bảng xếp hạng GII 2021, Việt Nam xếp thứ 44/132 quốc gia/nền kinh tế (năm 2019 và năm 2020 xếp thứ 42).

Do ảnh hưởng của phương pháp tính toán, xếp hạng (WIPO đã cập nhật số liệu GDP theo tính toán mới của Việt Nam, tăng khoảng 36% so với năm 2020 nên đã điều chỉnh lại thứ hạng của Việt Nam do nhiều chỉ số thành phần được tính dựa trên tổng giá trị chia GDP), do đó bên cạnh vị trí xếp hạng, Báo cáo GII còn công bố khoảng tin cậy của thứ hạng để làm căn cứ khi so

sánh giữa các thứ hạng gần nhau. Năm 2021, thứ hạng của Việt Nam là 44 và khoảng tin cậy là 42 đến 47. Năm 2020, thứ hạng của Việt Nam là 42 và khoảng tin cậy là 41 đến 50. Như vậy, nếu đánh giá theo khoảng tin cậy thì thứ hạng GII của Việt Nam năm 2021 và năm 2020 là gần như tương đương nhau.

Năm 2021, chỉ số 5.1.2 "Doanh nghiệp có đào tạo chính thức" xếp hạng thứ 68, giảm 2 bậc so với năm 2020 (Hình 9.1). Năm 2021 là năm Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn bởi đại dịch COVID-19, bình quân một tháng có gần 9,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng sản xuất...điều này đã ảnh hưởng đến thứ hạng của chỉ số "Doanh nghiệp có đào tạo chính thức".

Hình 9.1. Chỉ số 5.1.2. Doanh nghiệp có đào tạo chính thức



Kết luận

Năm 2021 là năm Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, do đó, hoạt động gắn kết GDNN với doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Tuy nhiên, được sự quan tâm của Chính phủ với nhiều chương trình, đề án được phê

duyet nhằm hỗ trợ phát triển GDNN, thúc đẩy hoạt động gắn kết GDNN với doanh nghiệp như: Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ

trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19... Nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác quốc tế (Dự án của Chính phủ Úc, Đan Mạch, Nhật Bản, Đức), hoạt động hợp tác với các tập đoàn, công ty lớn nhằm nâng cao kỹ năng cho lao động, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm tạo sự lan tỏa gắn kết GDNN với doanh nghiệp và TTLĐ.

Chỉ số 5.1.2 "Doanh nghiệp có đào tạo chính thức" xếp hạng thứ 68, giảm 2 bậc so với năm 2020. Do ảnh hưởng của đại dịch, trong 11 tháng năm 2021, bình quân một tháng có gần 9,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng sản xuất...điều này đã ảnh hưởng đến thứ hạng của chỉ số này so với năm 2020.

Khuyến nghị

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và xác định kế hoạch, nhiệm vụ cho giai đoạn 2021 - 2025 để góp phần thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm (2021 - 2030), kế hoạch 5 năm phát triển KT-XH (2021 - 2025), nhiều hoạt động gắn kết có sự tham gia của doanh nghiệp như thành lập thí điểm hội đồng kỹ năng nghề, mô hình gắn kết đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh... Do đó, thời gian tới cần có đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án này để làm cơ sở cho việc nhân rộng mô hình.

Phát triển chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm, vừa học ở trình độ TC, CĐ.

Đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực, phát triển các quy trình, công cụ thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu, thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các văn bản chính sách về GDNN và liên quan đến GDNN năm 2021

STT	Ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên văn bản, trích yếu nội dung
1. Các văn bản chính sách do Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành			
1.1	01/NQ-CP	01/01/2021	Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021
1.2	02/NQ-CP	01/01/2021	Về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021
1.3	23/2021/NĐ-CP	19/03/2021	Quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 về Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
1.4	17/2021/QĐ-TTg	31/03/2021	Quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp
1.5	60/2021/NĐ-CP	21/06/2021	Nghị định Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập
1.6	68/NQ-CP	01/07/2021	Về một số chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19
1.7	23/2021/QĐ-TTg	07/07/2021	Về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19
1.8	1260/QĐ-TTg	19/07/2021	Phê duyệt Chương trình "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022-2027"
1.9	1373/QĐ-TTg	30/07/2021	Phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030"
1.9	1415/QĐ-TTg	20/08/2021	Về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh, thành phố để hỗ trợ cho người dân gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19

STT	Ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên văn bản, trích yếu nội dung
1.10	105/NQ-CP	09/09/2021	Về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19
1.11	116/NQ-CP	24/09/2021	Về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp
1.12	112/2021/NĐ-CP	10/12/2021	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
1.13	2222/QĐ-TTg	30/12/2021	Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
1.14	2239/QĐ-TTg	30/12/2021	Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045
2. Các văn bản chính sách do Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành			
2.1	24/2021/QH15	28/07/2021	Phê duyệt Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
2.2	03/2021/UBTVQH15	24/09/2021	Ban hành chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp
3. Các văn bản chính sách do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành			
3.1	348/QĐ-LĐTBXH	22/03/2021	Về việc công nhận trình độ kỹ năng nghề cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài
3.2	534/QĐ-LĐTBXH	07/05/2021	Ban hành Kế hoạch truyền thông về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025
3.3	05/2021/TT-BLĐTBX	07/07/2021	Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

STT	Ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên văn bản, trích yếu nội dung
3.4	773/QĐ-LĐTBXH	09/07/2021	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030
3.5	797/QĐ-LĐTBXH	12/07/2021	Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19
3.6	05/CĐ-LĐTBXH	20/07/2021	Về việc hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19
3.7	919/QĐ-LĐTBX	10/08/2021	Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3.8	10/2021/TT-BLĐTBXH	10/09/2021	Ban hành 116 định mức kinh tế - kỹ thuật cho các ngành, nghề về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
3.9	1006/QĐ-LĐTBXH	01/09/2021	Về việc phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Xây dựng phòng dạy học trực tuyến" của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long
3.10	1071/QĐ-LĐTBXH	27/09/2021	Ban hành biểu tượng Skilling up Viet Nam và Worldskills Việt Nam
3.11	14/2021/TT-BLĐTBXH	21/10/2021	Quy định về Điều lệ trường trung cấp
3.12	15/2021/TT-BLĐTBXH	21/10/2021	Quy định về Điều lệ trường cao đẳng

STT	Ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên văn bản, trích yếu nội dung
3.13	16/2021/TT-BLĐTBXH	08/11/2021	Ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 98 ngành, nghề
3.14	1280/QĐ-LĐTBXH	15/11/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định
3.15	4246/VBHN-BLĐTBXH	24/11/2021	Hướng dẫn về bảo vệ việc làm của người tố cáo là người làm việc theo hợp đồng lao động
3.16	4496/VBHN-BLĐTBXH	06/12/2021	Về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19
3.17	1405/QĐ- LĐTBXH	13/12/2021	Về Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển thị trường lao động, nhằm mục tiêu từng bước phục hồi và phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển đất nước
3.18	18/2021/TT-BLĐTBXH	15/12/2021	Quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc sản xuất có tính thời vụ, công việc gia công theo đơn đặt hàng
3.19	1458/QĐ-LĐTBXH	24/12/2021	Ban hành kế hoạch triển khai Quyết định 1260/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022-2027"
3.20	32/2021/TT-BLĐTBXH	28/12/2021	Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên văn bản, trích yếu nội dung
3.21	34/2021/TT-BLĐTBXH	30/12/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp; quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
3.22	35/2021/TT-BLĐTBXH	30/12/2021	Quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao
4. Văn bản chính sách do Bộ Tài chính ban hành			
4.1	199/QĐ-BTC	27/04/2021	Về việc Ban hành Thẻ lệ Cuộc thi viết về kỹ năng lao động Việt Nam
5. Các văn bản chính sách do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành			
5.1	17/QĐ-TCGDNN	08/01/2021	Ban hành Kế hoạch thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
5.2	95/QĐ-TCGDNN	26/02/2021	Phê duyệt Kế hoạch truyền thông về giáo dục nghề nghiệp năm 2021
5.3	164/QĐ-TCGDNN	05/4/2021	Về Kế hoạch tổ chức các hoạt động gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm bền vững giai đoạn 2021 - 202
5.4	186/QĐ-TCGDNN	15/04/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức kỳ thi KNN quốc gia lần thứ 12; chuẩn bị tham dự kỳ thi KNN thế giới lần thứ 46, ASEAN lần thứ 13 và Châu Á lần thứ 2 trong năm 2021
5.5	237/QĐ-TCGDNN	12/05/2021	Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi Startup Kite 2021
5.6	242/QĐ-TCGDNN	13/05/2021	Về việc ban hành Thẻ lệ Cuộc thi Startup Kite 2021

STT	Ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên văn bản, trích yếu nội dung
5.7	270/QĐ-TCGDNN	18/06/2021	Về việc xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025
5.8	282/QĐ-BTCHGTQ	30/06/2021	Ban hành Quy định tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2021
5.9	290/QĐ-TCGDNN	06/07/2021	Về việc Sửa đổi bổ sung Quyết định số 186/QĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021 của Tổng cục trưởng TCGDNN về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức kỳ thi Kỹ năng nghề quốc gia lần thứ 12; chuẩn bị tham dự kỳ thi Kỹ năng nghề thế giới lần thứ 46, ASEAN lần thứ 13
5.10	798/QĐ-BCĐ	12/07/2021	Về việc thành lập Tổ giúp việc, Tổ thông tin và truyền thông giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch...
5.11	316/QĐ-TCGDNN	30/7/2021	Ban hành Cẩm nang hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề
5.12	320/QĐ-TCGDNN	03/08/2021	Ban hành chỉ tiêu theo dõi, giám sát và mẫu đề cương kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP
5.13	552/QĐ-TCGDNN	24/11/2021	Về việc ban hành Quy chế Tổ chức, tham dự thi kỹ năng nghề quốc gia và huấn luyện đội tuyển quốc gia
5.14	564/QĐ-TCGDNN	30/11/2021	Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 552/QĐ-TCGDNN ngày 24/11/2021 về việc ban hành Quy chế Tổ chức, tham dự thi kỹ năng nghề quốc gia và huấn luyện đội tuyển quốc gia

STT	Ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên văn bản, trích yếu nội dung
6. Một số chính sách Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành năm 2020, cho các hoạt động năm 2021			
1	26/2020/TT-BLĐTBXH	30/12/2020	Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
2	21/2020/TT-BLĐTBXH	30/12/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN
3	20/2020/TT-BLĐTBXH	30/12/2020	Quy định cơ sở thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
4	19/2020/TT-BLĐTBXH	30/12/2020	Quy định về Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

Phụ lục 2: Kết quả kiểm định chất lượng GDNN năm 2021

(DO TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GDNN ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ)

I. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GDNN

TT	Cơ sở được kiểm định	Điểm	Kết quả	QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
1.	Trường CĐ Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	88	Đạt	Quyết định số 12/QĐ-KĐGDVN ngày 20/01/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
2.	Trường CĐ Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh	93	Đạt	Quyết định số 14/QĐ-KĐGDVN ngày 29/01/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
3.	Trường CĐ Kỹ thuật công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu	95	Đạt	Quyết định số 16/QĐ-KĐGDVN ngày 04/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
4.	Trường CĐ Giao thông vận tải	90	Đạt	Quyết định số 17/QĐ-KĐGDVN ngày 06/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
5.	Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh	92	Đạt	Quyết định số 18/QĐ-KĐGDVN ngày 06/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
6.	Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương II	93	Đạt	Quyết định số 20/QĐ-KĐGDVN ngày 06/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
7.	Trường CĐ Công thương Miền Trung	94	Đạt	Quyết định số 21/QĐ-KĐGDVN ngày 09/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam

TT	Cơ sở được kiểm định	Điểm	Kết quả	QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
8.	Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	84	Đạt	Quyết định số 24/QĐ-KĐGDVN ngày 22/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
9.	Trường CĐ Kinh tế đối ngoại	92	Đạt	Quyết định số 25/QĐ-KĐGDVN ngày 23/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
10.	Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	92	Đạt	Quyết định số 28/QĐ-KĐGDVN ngày 15/3/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
11.	Trường CĐ nghề Cần Thơ	92	Không đạt	Quyết định số 30/QĐ-KĐGDVN ngày 17/3/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
12.	Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	90	Đạt	Quyết định số 32/QĐ-KĐGDVN ngày 19/3/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
13.	Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	93	Đạt	Quyết định số 34/QĐ-KĐGDVN ngày 24/6/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
14.	Trường CĐN Ninh Thuận	95	Đạt	Quyết định số 75/QĐ-KĐGDVN ngày 08/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
15.	Trường CĐ Công Nghiệp Nam Định	93	Đạt	Quyết định số 90/QĐ-KĐGDVN ngày 24/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam

TT	Cơ sở được kiểm định	Điểm	Kết quả	QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
16.	Trường Trung cấp Bách Nghệ TP.HCM	94	Đạt	Quyết định số 77/QĐ-KĐGDVN ngày 10/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
17.	Trường CĐ nghề Vĩnh Long	92	Đạt	Quyết định số 88/QĐ-KĐGDVN ngày 21/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
18.	Trường CĐ Kỹ nghệ II	90	Đạt	Quyết định số 23/QĐ-VĐTPTNL ngày 01/02/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
19.	Trường CĐ Công nghiệp Việt Đức	88	Đạt	Quyết định số 29 /QĐ-VĐTPTNL ngày 22/02/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
20.	Trường CĐ Du lịch Huế	88	Đạt	Quyết định số 35 /QĐ-VĐTPTNL ngày 22/02/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
21.	Trường CĐ Công nghiệp và Thương mại	91	Đạt	Quyết định số 43/QĐ-VĐTPTNL ngày 12/3/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
22.	Trường CĐ Công nghiệp Huế	85	Đạt	Quyết định số 61/QĐ-VĐTPTNL ngày 31/3/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
23.	Trường CĐ Kinh tế Công nghệ Hà Nội	90	Đạt	Quyết định số 182/QĐ-VĐTPTNL ngày 14/12/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
24.	Trường CĐ Công nghiệp Bắc Ninh	89	Đạt	Quyết định số 199/QĐ-VĐTPTNL ngày 30/12/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực

II. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GDNN

TT	Chương trình đào tạo được kiểm định	Điểm	Kết quả	QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
1.	Điện công nghiệp – CĐ, Trường CĐ Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	94	Đạt	Quyết định số 07/QĐ-KĐGDVN ngày 11/01/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
2.	Điện tử công nghiệp – CĐ, Trường CĐN Việt Nam – Singapore	96	Đạt	Quyết định số 08/QĐ-KĐGDVN ngày 11/01/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
3.	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng – CĐ, Trường CĐ Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	92	Đạt	Quyết định số 15/QĐ-KĐGDVN ngày 30/01/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
4.	Thiết kế đồ họa Trình độ Trung cấp (Trường CĐ Bách Khoa Nam Sài Gòn)	92	Đạt	Quyết định số 19/QĐ-KĐGDVN ngày 06/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
5.	Công nghệ Thông tin Trình độ CĐ (Trường CĐ Công thương Miền Trung)	96	Đạt	Quyết định số 22/QĐ-KĐGDVN ngày 17/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
6.	Điện công nghiệp – CĐ, Trường CĐ KTCN Bà Rịa - Vũng Tàu	98	Đạt	Quyết định số 23/QĐ-KĐGDVN ngày 17/02/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
7.	Điện công nghiệp - CĐ, Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	90	Đạt	Quyết định số 26/QĐ-KĐGDVN ngày 04/3/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam

TT	Chương trình đào tạo được kiểm định	Điểm	Kết quả	QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
8.	Quản trị khách sạn - CĐ, Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	94	Đạt	Quyết định số 29/QĐ-KĐGDVN ngày 15/3/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
9.	Công nghệ Ô tô - CĐ, Trường CĐN Cần Thơ	96	Đạt	Quyết định số 31/QĐ-KĐGDVN ngày 17/3/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
10.	Cắt gọt kim loại (CĐ) CĐ KT Việt - Đức Hà Tĩnh	96	Đạt	Quyết định số 70/QĐ-KĐGDVN ngày 03/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
11.	Quản trị khách sạn (CĐ) CĐN Du lịch Sài Gòn	96	Đạt	Quyết định số 74/QĐ-KĐGDVN ngày 08/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
12.	Công nghệ ô tô - CĐ, Trường CĐ KTCN Nha Trang	92	Đạt	Quyết định số 76/QĐ-KĐGDVN ngày 10/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
13.	May thời trang - CĐ (Trường CĐ Công Nghiệp Nam Định)	96	Đạt	Quyết định số 91/QĐ-KĐGDVN ngày 24/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
14.	Kỹ thuật Chế biến món ăn - CĐ (CĐN Đà Lạt)	96	Đạt	Quyết định số 87/QĐ-KĐGDVN ngày 21/12/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam
15.	Nghề Điều khiển tàu biển - Trường CĐ Hàng Hải I	96	Đạt	Quyết định số 01/QĐ-VĐTPTNL ngày 08/01/ 2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực

TT	Chương trình đào tạo được kiểm định	Điểm	Kết quả	QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
16.	Nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Trường CĐ Nông Lâm Đông Bắc	86	Đạt	Quyết định số 03 /QĐ-VĐTPTNL ngày 08/01/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
17.	Công nghệ ô tô - Trường CĐ Kỹ nghệ II	92	Đạt	Quyết định số 25/QĐ-VĐTPTNL ngày 01/02 2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
18.	Điện CN - Trường CĐ Công nghệ Hà Tĩnh	94	Đạt	Quyết định số 27 /QĐ-VĐTPTNL ngày 05/02/ 2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
19.	Công nghệ ô tô - Trường CĐ Công nghiệp Việt Đức	86	Đạt	Quyết định số 29 /QĐ-VĐTPTNL ngày 22/02/ 2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
20.	Kỹ thuật chế biến món ăn - Trường CĐ Du Lịch Huế	94	Đạt	Quyết định số 33 /QĐ-VĐTPTNL ngày 22/02/ 2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
21.	Điện Công nghiệp - Trường CĐ Công nghiệp và Thương Mại	94	Đạt	Quyết định số 45 /QĐ-VĐTPTNL ngày 12/3/ 2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực
22.	Điện Công nghiệp - Trường CĐ CN Huế	94	Đạt	Quyết định số 63 /QĐ-VĐTPTNL ngày 12/4/2021 của Viện trưởng Viện Đào tạo và Phát triển Nhân lực

Phụ lục 3: Danh mục các dự án vốn ODA về giáo dục nghề nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2021

STT	Tên Dự án	Đối tác	Thời gian	Nội dung chính của dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt		Kết quả giải ngân kinh phí dự án đến năm 2021	
					Vốn ODA	Vốn đối ứng	Vốn ODA	Vốn đối ứng
1	Thành lập 05 trường CĐN Việt Nam - Hàn Quốc	Chính phủ Hàn Quốc thông qua Quỹ Hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc (EDCF)	2008 - 2016	Dự án nhằm mua sắm trang thiết bị theo chuẩn Hàn Quốc cho 08 nghề, gồm: Cắt gọt kim loại; Điện công nghiệp; Hàn; Công nghệ ô tô; Điện tử công nghiệp; Cơ điện tử; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí bằng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Hàn Quốc thông qua EDCF.	35.000.000 USD	28.506.000 USD	28.052.000 USD	436.002 tỷ đồng
2	Tăng cường kỹ năng nghề	Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)	2011 - 2017	Đầu tư nâng cấp thiết bị và cơ sở vật chất cho 15 nghề tại 15 trường thụ hưởng. Các thiết bị được đầu tư, nâng cấp đưa vào sử dụng hiệu quả, góp phần đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các trường thụ hưởng dự án.	70.000.000 USD	8.000.000 USD	42.528.549 USD	20,06 tỷ đồng
3	Chương trình Đào tạo nghề 2008	Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW)	2011 - 2017	Đầu tư trang thiết bị dạy nghề đồng bộ, hiện đại cho 03 lĩnh vực nghề "Điện/Điện tử, Công nghệ Cơ khí, Cơ điện tử" tại 04 trường thụ hưởng.	8.600.000 EUR	2.072.964 EUR	7.165.537 EUR	54,789 tỷ đồng
4	Đầu tư phát triển các trường dạy nghề chất lượng cao	Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)	2012- 2019	Đầu tư trang thiết bị dạy nghề cho 05 nghề trọng điểm của 05 trường cao đẳng nghề đã được lựa chọn đầu tư thiết bị để tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đạt cấp độ khu vực ASEAN và quốc tế. Dự án còn đầu tư xây dựng hệ thống nhà xưởng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Ngoài ra, dự án còn có cấu phần bồi dưỡng, đào tạo năng lực cho đội ngũ giáo viên thuộc các trường thụ hưởng và các CBQL về dạy nghề thuộc các Bộ,	24.500.000 EUR	8.088.978 EUR	22.660.723 EUR	228,241 tỷ đồng

STT	Tên Dự án	Đối tác	Thời gian	Nội dung chính của dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt		Kết quả giải ngân kinh phí dự án đến năm 2021	
					Vốn ODA	Vốn đối ứng	Vốn ODA	Vốn đối ứng
				ngành, địa phương tham gia dự án; thực hiện hoạt động đào tạo thí điểm chương trình chuyển giao từ Pháp cho các trường thụ hưởng góp phần từng bước cải thiện chất lượng GDNN.				
5	Chương trình Đào tạo nghề 2011	Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW)	2015-2018	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy nghề đồng bộ, hiện đại cho 07 nghề được lựa chọn của 03 trường thụ hưởng; Đào tạo bồi dưỡng giáo viên để nâng cao năng lực giảng dạy và đảm bảo hiệu quả cho việc đầu tư mua sắm thiết bị.	5.350.000 EUR	1.530.118 EUR	4.741.675 EUR	28,992 tỷ đồng
6	Chương trình Kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện	Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)	2020-2024	Góp phần nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo cho 16 trường, gồm 14 trường CĐ chất lượng cao và 02 trường đại học sư phạm kỹ thuật thông qua đầu tư đồng bộ trang thiết bị đào tạo; tăng cường sự tham gia các đối tượng yếu thế và cộng đồng vào GDNN thông qua các hoạt động đào tạo của Dự án.	78.000.000 USD	16.391.339 USD	5.905.996 USD	28,134 tỷ đồng
			TỔNG DỰ ÁN 1,2,6 (USD)		183.000.000 USD	52.897.339 USD	76.486.545 USD	484,196 tỷ đồng
			TỔNG DỰ ÁN 3,4,5 (EUR)		38.450.000 EUR	11.692.060 EUR	34.567.935 EUR	312,022 tỷ đồng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2021), Bản tin cập nhật Thị trường lao động hằng Quý.
2. Quốc hội (2014), Luật Giáo dục nghề nghiệp.
3. Quyết định số 1927/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 03/12/2020 về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.
4. Tổng cục Thống kê (2021), Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm quý 4/2021.
5. Tổng cục Thống kê (2021), Điều tra lao động, việc làm hàng quý.
6. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2022), “Báo cáo công tác tuyển sinh, đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn”.
7. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2022), “Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2021, 6 tháng đầu năm 2022; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022”.
8. www.dolab.gov.vn.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Địa chỉ: D29 Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 02422147825

Website: nxbthanhvien.vn

Email: nxbthanhvieninfoll@gmail.com

Chi nhánh: 145 Pasteur, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02839106963

BÁO CÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM 2021

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: Lê Thanh Hà

Biên tập: Nguyễn Đức Gia

Thiết kế và trình bày: Hoàng Minh

In và gia công 600 cuốn khổ 20,5x29,5cm

Tại: Công ty TNHH In Ấn Đa Sắc

Địa chỉ: Tổ dân phố số 7, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Số xác nhận ĐKXB: 4176-2022/CXBIPH/6-136/TN

QĐXB số 2745A/QĐ-NXBTN, cấp ngày 28/12/2022

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2022

ISBN: 978-604-387-398-6



NGHIÊN CỨU - ĐÀO TẠO - TƯ VẤN